

I THÁNG I NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ờ I Đ Ạ I

năm mười một

DUY người « mẫn » kinh-tế * TRẦN THÁI ĐÌNH triết
hiện sinh và chính trị * HỒ DÃ TƯƠNG về một thái
độ của tả phái * ĐOÀN THÊM góp ý với Nguyễn-
hiển-Lê về công việc cầm bút * VŨ ĐÌNH LƯU mười
năm không gian học * NGUYỄN HIỂN LÊ thư ngỏ
gửi một thanh niên : phần kết (dịch ANDRÉ MAUROIS) *
VIỆT PHƯƠNG 100 năm chủ nghĩa Mác-xít * NGUYỄN
NGỌC LAN giảng sinh và khát vọng hòa bình * TỬ
TRÌ thế giới trong những tuần qua * NGUYỄN TRỌNG
VĂN những người con hoang của Nguyễn-văn-Trung *
VÕ HỒNG gió cuốn * MẠC LY CHÂU hém mặt trời *
SINH HOẠT sứ mạng của
người cầm bút * các giải
thưởng văn chương Pháp 67

264

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 253 ĐẾN 264





3 vitamines neurotiques



tridocélan

algies

asthénie

alcoolisme

présentation

tridocélan

comprimés

Flacon de 20 comprimés

dosés à :

Thiamine	100 mg
Pyridoxine	250 mg
Hydroxocobalamine	250 µg

traitement d'entretien et formes d'intensité moyenne : 2 à 6 comprimés par jour ou plus



LES LABORATOIRES ROUSSEL

31, BOULEVARD DES FÉVRIÈRES - PARIS (6^e)

ROUSSEL VIETNAM, 8, BOULEVARD NGUYEN HUE - SAIGON

BÁCH

KHOA THỜI-ĐẠI

Số 264 ngày 1-1-1968

DUY người «màn» kinh tế	3
TRẦN THÁI ĐÌNH triết hiện-sinh và chính-trị	9
HỒ DÃ TƯƠNG về một thái độ của tả phái	18
ĐOÀN THÊM góp ý với Nguyễn-hiến-Lê về việc cầm bút	24
VŨ ĐÌNH LƯU mười năm không gian học	27
NGUYỄN HIẾN LÊ thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống : phần kết (dịch ANDRÉ MAUROIS)	33
VIỆT PHƯƠNG 100 năm chủ - nghĩa Mác-xít : những vấn đề của chủ nghĩa mác-xít trong thời - đại nguyên - tử và vệ-tinh nhân-tạo	37
VÕ HỒNG gió cuốn (truyện dài)	46
NGUYỄN TRỌNG VĂN những người con hoang của Nguyễn-văn - Trung	51
TỪ TRÍ thế giới trong những tuần qua	62
NGUYỄN NGỌC LAN (L. M.) Giáng - sinh và khát vọng Hòa-bình	65
MẠC LY CHÂU hẻm mặt trời (truyện ngắn)	70
SINH HOẠT	
TRẦN ĐẠI hội thảo về «sứ mạng của người cầm bút»	76
MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 253 ĐẾN 264	78

Chủ nhiệm : LÊ-NGŨ-CHAU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ 25\$ Công sở , Giá lẻ đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, nhà xuất bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Một bông hồng cho văn nghệ** của Nguyễn-Sa do Trình-Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 186 trang thuộc tủ sách « Nghiên cứu và phê bình văn học » của nhà xuất bản Trình-Bầy. Giá 95đ.

— **Hòn bi**, truyện của Đinh-Phụng-Tiến do Trình-Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 132 trang. Giá 62đ.

— **Gia đình tôi**, truyện của Duy-Lam, do tập san Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 148 trang, tái bản lần thứ nhất. Giá nhất định 30đ.

— **Phiêu bạt** truyện của Nguyễn-Trường-Sơn do Anh-Huy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang, thuộc tủ sách Tuổi-Hoa. Bản đặc biệt. Giá bán thường 30 đ.

— **Thơ cho quê hương**, tập thơ của Minh-Hân, do tác giả gửi tặng. Sách gồm 10 bài thơ in ronéo, khổ 13 x 20.

— **Bài tập Quang**, bản dịch phần dành riêng cho Quang học trong bộ sách « Solutions de Problèmes et de Questions

de Physique et de Chimie » của A. Tétrel. Người dịch Long-Điền, nhà xuất bản Sinh-Viên ấn hành và dịch giả gửi tặng. Sách dày 250 trang khổ 21 x 26, in ronéo một mặt, dành cho các chứng chỉ Toán-Lý và Toán-Lý-Hóa. Giá nhất định 200đ.

— **Thái độ** tháng 12, do Thế-Uyên chủ-trương biên-tập, với chủ đề : thực trạng xã-hội miền Nam. Mỗi số dày 144 trang gồm nhiều bài đặc sắc. Giá 38đ.

— **Chợ đêm** tập truyện của Bùi-kim-Đình do Thời-Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 120 trang gồm 5 truyện ngắn đặc sắc của cây bút trẻ quen thuộc với bạn đọc Bách-Khoa. Bản đặc biệt. Giá 70đ.

— **Má hồng** truyện dài của Đỗ-Tiến-Đức do Thời-Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Một truyện đã được bạn đọc say mê theo dõi trên Bách-Khoa gần một năm nay, dày 246 trang. Bản đặc biệt.

— **Bước chân người giao chi** tập thơ của Đình-Bảng do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang chia làm 3 phần gồm ngót 100 bài thơ. Giá 30đ.

BÁCH-KHOA

kỷ - niệm 11 năm (số 265 - 266)

- Trình bày những vấn-đề trọng-đại trong năm qua trên các địa-hạt : chính trị, kinh tế, văn học, khoa học v.v...
- Tập trung đông đảo các cây bút biên-khảo, nghị luận, văn-nghệ đã được bạn đọc tin yêu nhất trong suốt 11 năm qua.

**Số kỷ niệm 11 năm cũng là số
Tết Mậu-Thân**

- Dày 160 trang, ra ngày 15-1-68.
- Sẽ làm bạn đọc vui thích trong suốt thời gian đón chờ năm mới.

Người « mần » kinh - tế

Năm 1967, đã chấm dứt. Nếu về phương-diện quân-sự, chính-trị, người dân đã trải qua một năm quan trọng, có thể quyết-định tới vận mạng nước nhà, về phương-diện kinh-tế chúng ta đã sống một năm hết sức bê bối « cù lẫm ».

Nạn nhân là công chức, quân nhân, tư chức, các người có đồng lương cố-định. Nhưng cả đến những giới lao-động được ưu-đãi như giới vận-tải, giới xây cất v.v... mặc dầu kiếm được nhiều tiền cũng vẫn bất mãn vì đồng tiền chảy qua năm ngón tay như nước lã, không có giá-trị và cũng không để dành dựm được. Tuy nhiên niềm căm phẫn sôi nổi trong dư-luận vào những tháng cuối năm 1966 đã lắng dần xuống.

Nhớ hồi này năm ngoái ai ai cũng bàn luận về vấn-đề kinh-tế. Báo chí cũng có những mục đặc-biệt theo rồi biến chuyển hàng ngày của vật giá. Người « mần » kinh-tế, nổi bật trên nền trời chính-trị như ngôi sao mần bạc, như B. B, như Liz Taylor... Tên tuổi người « mần » kinh-tế chạy dài trên tám cột báo và luôn luôn được truyền tụng qua cửa miệng nhân-dân đô-thị.

Di nhiên lời nguyên-rủa nhiều gấp bội lần tiếng ngợi khen trợ chèn, cầu-lợi. Nhưng « anh hùng » kinh-tế tài-chánh cũng đã mặc sức múa gậy vườn hoang, hét ra lửa, mưa ra khói, trước khi nhà cầm quyền nhận thức được bản chất « không xài được » và cho ca khúc hát « Tệ từ ».

Người gây « xáo trộn » ra đi, nhưng nhân dân Việt-Nam vẫn không sao quên được ảnh hưởng tai hại của sự phá giá đồng bạc. Phải chi hoàn-cảnh mình cũng như dân Ăng-Lê hồi tháng 11 vừa qua thì sự phá giá tiền-tệ quốc-gia còn có thể giải-thích và chịu đựng được.

Khi Thủ-tướng Wilson của đảng Lao-động Anh lên cầm quyền năm 1964, tình trạng kinh-tế tài-chánh nước Anh đã thập phần nguy hiểm. Hoàn cảnh đòi hỏi ngay một sự phá giá đồng Anh-kim, nhưng Thủ-tướng Wilson không muốn đảng Lao-động mang tiếng là « Đảng phá giá », vì từ đầu thế-kỷ 20, hai lần năm giữ chính quyền thời hai lần đảng Lao-động đã phá giá đồng Anh-kim rồi, không lẽ lại quá tam ba bận chẳng ?

Nhờ vay được 3 tỷ Mỹ-kim của các Ngân - hàng Trung - ương ngoại - quốc, chính-phủ Anh đã giữ vững được giá-trị đồng Anh-kim hồi cuối tháng 11 năm 1964. Tệ là hú hồn.

Một sự sợ hãi mà dân Việt-Nam không thông-cảm được, vì vật-giá mà phải tăng cỡ 14% thời đi đến đâu ?

Cán cân thương-mại thiếu hụt, xài nhiều ngoại-tệ hơn là số tiền thu được, lại không được quốc-gia nào viện-trợ, thời phá giá đồng Anh-kim là chuyện dĩ-nhiên, có gì mà ông Thủ-tướng Wilson phải hồ thẹn ? Nếu phải sống ở đất Việt - Nam, không hiểu phản-ứng

của ông Wilson sẽ còn đến thế nào ?

Chúng ta được Ngoại-trưởng Mỹ long trọng cam-kết tại Hội-Nghị Honolulu, muốn xài bao nhiêu đô-la cũng viện-trợ đủ. Chưa kể năm sáu trăm triệu Mỹ kim mà chính-phủ và quân-đội Mỹ tung vào xài trong nước Việt-Nam. Ngoại-tệ chảy vào như nước, « Mỹ kim nhiều đến nỗi chính phủ không biết dùng làm gì », lợi tức quốc gia từ 80 tỷ tăng lên gấp ba lần : trên 240 tỷ bạc. Chi phí chiến tranh thời được Mỹ sẵn lòng gánh vác phần nặng nhất. Trong sự phồn thịnh chung như vậy, có lý do gì để phá giá đồng bạc ?

Nếu kẹt hàng, kẹt bến, tiếp-tế không đều, vật giá leo thang, thời chỉ cần cải thiện thủ-tục nhập-cảng là đủ.

Việc gì phải đi « con đường thập-tự-giá » như Thủ-tướng Wilson chịu đau khổ từ ba năm nay ? Sau khi sử dụng tất cả mọi biện pháp, áp dụng chính sách khắc khổ, giảm-phát bên trong, vay tiền bên ngoài, canh-tân kỹ-nghệ, tăng cường xuất-cảng, hạn chế nhập-cảng, vẫn không-làm vững giá được đồng Anh-kim, rồi đến cái ngày đen tối nhất, chính phủ Anh đành gạt nước mắt mà dùng đến biện-pháp bất-đắc-dĩ nhất là phá giá đồng Anh-kim. Và chỉ phá giá sau một tuần lễ nỗ-lực chống trả lại với thời-cuộc, cũng như con dê xinh đẹp của Ông Seguin ráng đánh nhau thâu đêm suốt sáng chỉ chịu để cho chó sói ăn thịt khi lực đã tàn, sức đã tận.

Vậy mà lãnh-tụ của phe đối lập bên Anh còn đòi Thủ-tướng Wilson phải từ chức cho rằng Chính phủ nay không những đã phá giá đồng Anh-kim mà còn thất tín, nuốt các lời tuyên-bố và đã phản lại các nhiệm-vụ do nhân-dân giao

phó cho. Và dân chúng đã chửi rủa, ném cà chua, trứng thối, khi vị Thủ-tướng khả kính tiếp xúc để trấn-an nhân-dân.

Mặc dầu trường hợp bất-khả-kháng, hoàn-cảnh bó buộc, phá-giá tiền-tệ vẫn là hạ-sách. Vì phá giá bạc trước hết là ăn cướp « cơm chim ». Đa số nhân dân tức là dân lao động, dầu lao động chân tay hay lao động « cò cùn », dành dụm gom góp có khi suốt đời mới được số vốn nhỏ mọn, đột nhiên bị Chính phủ tước đoạt mất một phần tiền thời có khác nào giữa ban ngày ban mặt mà bị cướp ngang xương ? Trường hợp đồng Anh-kim còn nguy hơn nữa là có 15 tỷ Anh-kim lưu-hành ở ngoại-quốc. Những trái-chủ ngay tình đã làm gì nên tội để Chính phủ Anh cướp của họ hơn 2 tỷ bạc ?

Bị cắt túi rồi, người dân còn cực khổ vì lương-bồng bị phong-tỏa trong khi hàng hóa, chẳng ít thời nhiều, đều biến chuyển theo hồi-xuất.

Nhà nước vẫn chú-quan cho rằng hàng hóa xuất-cảng sẽ bán được nhiều hơn. Điều đó đã khó mà đúng, đối với một quốc-gia tân-tiến kỹ-nghệ phức tạp, phải nhập cảng nhiều nguyên-liệu mới chế tạo được hàng-hóa xuất cảng. Đối với Việt-Nam lại càng khốn-hải hơn nữa, vì hàng hóa mình xuất cảng chẳng có bao nhiêu, mà trong giai-đoạn đang thiết lập các nhà máy để kỹ-nghệ-hóa xứ sở thời phá giá đồng bạc là đảo lộn tất cả các chương-trình tài-trợ, thúc đẩy xi-nhiệp đi đến chỗ phá sản và nhất định không thể nào cạnh-tranh nổi với hàng ngoại-quốc.

Nguy hại hơn hết, phá giá đồng bạc là làm tiêu-hủy tất cả nền-tảng tín nhiệm để xây-dựng và phát-triển nền kinh-tế, kỹ-nghệ và thương-mại.

Tiền tệ lành mạnh vững bền là yếu

tổ quan trọng hơn hết để giữ cho xã-hội khỏi xáo trộn và gây tin tưởng trong nước cũng như ngoài nước để thiết lập thêm các cơ-xưởng mới, tăng gia sản xuất, phát triển nền thương mại mậu dịch. Nếu cứ ngày này qua ngày khác, ngồi lo về đồng bạc sụt giá thời còn ai thiết làm ăn gì nữa. Chỉ bằng hưởng thụ đại đi, trong khi bạc còn có giá, dầu ngày mai có hai bàn tay trắng còn hơn là khư khư giữ bạc hay là kinh doanh để rồi ngày mai cũng vẫn trắng tay.

Cho nên nhân dân nước nào cũng sợ phá giá bạc như sợ hủi.

Tuy nhiên nhân dân Việt Nam thấy không có điều gì đáng chê trách Thủ tướng Wilson. Trái lại, còn ái ngại cho vị lãnh đạo tài ba này, vị « Thủ tướng giỏi nhất của đảng Lao động tự cờ chí kim », phải ăn trứng thối cả chua oan uổng.

Tại nước Việt-Nam này, người « mần » kinh tế chẳng cần tranh đấu lấy một năm một tháng hay là một ngày.

Trước ngày Anh-kim phá giá, quan sát viên quốc-tế còn có thể tiên đoán được Chính phủ Anh phải áp dụng một trong 3 giải pháp (tin A.F.P. đăng ngày 13-11-67) : Phá giá 30% không vay mượn ; Phá giá 15% và vay thêm tiền ; Không phá giá và được giúp đỡ thật nhiều.

Nhưng trước ngày bạc Việt Nam phá giá thời chẳng có kinh-tế-gia nào căn cứ vào đâu mà tiên đoán được cái gì ráo rọi.

Chỉ khi người « mần » kinh-tế họp báo, mặt tươi như hoa nở, vênh vang tuyên bố ba « giai đoạn » thời thiên hạ mới bật ngửa người ra trước tin bạc phá giá.

Di nhiên ba tàu Cholon thời chẳng phải mất công suy nghĩ, tiên đoán gì hết, cũng đã vỡ vét hết hàng hóa đầu cơ tích trữ rồi, và các quan lớn thời đã lao ra thị-trường mua vàng như điên khiến cho giá vàng cao vọt lên tới 20,000đ một lượng.

Phe bên vực sự phá giá bạc Việt-Nam thường nại có, người Việt Nam sung sướng quá và chưa đóng góp đúng mức vào cuộc chiến tranh Quốc Cộng này. Người Mỹ qua đây, nhiều khi mua đồ vật còn rẻ hơn cả bên Mỹ. Tỷ dụ : máy chữ. Xe hơi, xe gắn máy, bơ sữa, các hàng hóa xa xỉ tràn ngập trong các đô thị. Lớp người sinh sống nhờ Mỹ, các nhân viên sở Mỹ, gái bán bar, giai tầng thượng lưu của tân xã-hội Việt Nam kiếm tiền dễ dàng và nhiều quá nên tung mãi-lực vào thị-trường khiến cho hàng gì cũng bán giá chợ đen hết.

Muốn bắt người Việt Nam đóng góp nhiều hơn vào chiến tranh và muốn thu bớt lợi tức của lớp thượng lưu mới, chính phủ cứ việc hưởng giá chợ đen thay thế cho tư nhân bằng cách phá giá đồng bạc và tăng thêm thuế má.

Di nhiên khuynh hướng này cũng là khuynh hướng của nhà chức trách Mỹ và đứng về phía quyền lợi Mỹ thái độ đó là đúng.

Nếu đứng về phía quyền lợi lâu dài của cả hai dân tộc Mỹ Việt, chúng ta phải nêu thêm vài nhận định.

Cuộc chiến tranh này đã là chiến tranh chính trị, phải tranh thủ nhân tâm thời phải bảo đảm cho đa số dân chúng sống trong vùng quốc gia một mức sinh hoạt cao hẳn hơn nhân dân vùng cộng sản chi phối. Người dân sẽ lý luận nôm na, nếu sống trong này cũng cơ cực như ngoài Bắc thời hà tất phải phí công

chiến đấu làm ? 1.

Người Mỹ nên bình tĩnh nhận định mức đóng góp của dân Việt Nam đến đâu là vừa phải, là cần thiết và đủ để giữ vững tinh thần chiến-đấu. Đừng nên luôn luôn bị ám ảnh là Việt Nam chưa đóng góp đủ và chỉ làm le phá giá thêm đồng bạc Việt Nam.

Xin người Mỹ hãy sáng suốt như Tân Chính phủ Việt Nam, sau khi tuyên bố chính sách khắc-khò, đã nhận định ngay đại-đa-số nhân dân Việt-Nam đã sống quá cơ cực, còn khắc khò thêm vào lối nào được nữa ?

Cũng như phá giá bạc thế này là đủ khổ dân lắm rồi, xin đừng thúc đẩy dân phải đẩy đọa thêm vào bước đường cùng nữa ?

Mặt khác, sự đóng góp lại quá bất công. Càng phá giá bạc, thời giới có đồng lương cố-định lại càng phải đóng góp nặng nề, trong khi giới tân-thượng-lưu lại hầu như không đóng góp gì cả. Sở thuế đã thu được những gì của các cô gái bán bar trong phần lớn số tiền 800 triệu các cô gửi ở Ngân-hàng Đà-Nẵng, trong số mấy chục tỷ các cô gửi ở Ngân hàng toàn-quốc ?

Sự đóng góp bất công càng lớn chừng nào thời chiến-tranh này còn kéo dài chừng nấy.

000

Qua năm 1967, tình hình kinh tế mỗi ngày một bê bối hơn.

Gạo phải nhập cảng, thực phẩm lên giá từ từ nhưng đều đặn và liên tục suốt từ đầu đến cuối năm. Đồn điền cao su bị phá hủy, việc xuất-cảng cao-su gần như ngưng trệ.

Tình hình kỹ-nghệ cũng không tốt đẹp hơn gì. Một số nhà máy phải đóng cửa.

Hầu hết các cơ-xưởng lâm vào cảnh gần phá sản. Hàng hóa sản xuất ra mà không tiêu thụ được.

Một số ít các nhà máy, tỷ dụ Công ty Đường, B.G.I, Công-ty Giấy, Viện bào chế v.v... gặp những điều-kiện đặc biệt nên còn có thể tiếp tục hoạt động. Các xí nghiệp mới chỉ thành hình trên giấy tờ và tuy vay được tiền của Chính phủ nhưng chưa thực sự dự phần vào đời sống kinh-tế của nước nhà.

Trục lộ giao-thông luôn luôn bị phá hoại khiến cho sự vận chuyển hàng hóa muôn phần khó khăn tốn kém. Quốc lộ số 1 và đường hỏa-xa vẫn bị hoàn toàn gián đoạn, không sao tái lập được sự lưu thông qua Rừng Lá.

Hoàn cảnh kinh-tế nước nhà đúng là đương lâm vào bước đầu sôi lửa bỏng. Trong 10 gia đình thời hết 9 phải lo méo mặt, không biết làm cách nào cho đủ chi tiêu từ đầu tháng tới cuối tháng.

Người dân chỉ ráng xoay sở, một mình lo chịu, chẳng qui tội cho ai mà cũng chẳng hy vọng vào ai để gỡ rối tình thế. Hầu như người ta quên hẳn nước này vẫn có người «màn» kinh tế. Dân chúng không biết người ấy ở đâu ra, không nhớ tên tuổi và lại càng mù tịt hoạt động kinh-bang tế-thể của chức-vụ đó.

Phải chăng tình-hình kinh-tế rối rắm đến nỗi không ai dám dấy tới và các bậc «sư biện» đều bịt mũi chạy xa kéo sự dính vào lại tiêu tan danh-tiếng, sự nghiệp ?

Cũng là «chịu chơi» lắm nên Kỹ-sư Trương Thái Tôn, một người mà tên tuổi vẫn dấy liền từ hơn hai năm nay với vận mạng kinh-tế tài-chánh nước nhà, gần đây mới nhận lại Bộ Kinh-tế, khai mạc kỷ nguyên Đệ-nhị Cộng-hòa.

Nhưng ông Tổng-trưởng Kinh tế đã

trình bày đường lối chính sách ra sao mà ông Thâm-phán Thượng-nghị-sỹ Phạm-nam-Sách lại phê bình là vô chính sách và không có gì mới lạ ?

Tân chính-sách kinh-tế có 3 đối tượng và 5 trọng tâm.

Ba đối tượng là : Ổn định vật giá, củng cố cải thiện sinh hoạt nhân dân — Xây dựng nền kinh-tế tư-bản đại-chúng làm nền tảng cho nền kinh-tế tự-túc — Chuẩn bị kinh-tế hậu-chiến để tiếp tục tân-dụng tài-nguyên quốc-gia khi Hòa-bình vẫn hồi.

Còn năm trọng tâm công-tác là : Ổn định vật-giá và điều-hòa tiếp tế — Cải thiện xuất-nhập-cảng — Tăng gia sản xuất nông-nghiệp — Kỹ nghệ hóa — Khuếch-trương tiểu-công-nghệ.

Trong 3 đối-tượng, có lẽ tư-bản đại chúng là điều mới mẻ hơn hết và chắc rằng cũng là điều đặc-ý nhất của Bộ Kinh-tế vì đối-tượng quan trọng : « kinh-tế hậu chiến » lại thuộc phạm-vi thẩm-quyền của giáo-sư Vũ-quốc-Thức rồi.

Nghe đến tư-bản đại-chúng thời người dân nào cũng khoái hết mình vì đem nước và lửa, giàu và nghèo mà cặp bồ với nhau được, chẳng hóa ra người dân được ban tiền cho thành triệu-phú hay sao ?

Điều này chỉ có Mỹ mới làm được. Thực vậy, lấy tiền chi phí của Mỹ cho chiến-tranh Việt-Nam, lối bảy tám mươi tỷ một năm, mà chia cho đầu dân Miền Nam thời mỗi người trôm trôm được 1 triệu bạc. Còn mình, tự-lực cánh sinh đẻ trở thành tư-bản thời không biết đời kiếp nào mới tới.

Trên khắp thế giới, hiện-tượng tư-bản-hóa đại-chúng (capitalisation populaire) cũng chỉ mới nẩy mầm tại quốc-gia giàu có phồn-thịnh nhất Thế-giới là

Mỹ quốc. Khi đó nông dân chỉ còn chiếm 8% dân số. Kỹ nghệ phát triển đến mức này - sinh những xí - nghiệp khổng-lồ, vốn liếng vi-đại phân chia thành hàng triệu cổ phần, mỗi người lao động có thể lấy tiền dành dụm để mua một số cổ-phần và cũng trở thành một nhà tư-bản hạng nhì.

Sau khi chiến tranh chấm dứt, xây-dựng lại được nước nhà, lành-mạnh-hóa nền kinh-tế, quân bình cán-cân chi-phó, tiến tới kinh-tế tự-túc, rồi cũng phải một thời-gian lâu dài, 50 năm, một thế-kỷ, chưa chắc đã đủ, nước Việt Nam mới hy vọng leo tới mức độ hiện giờ của Mỹ quốc. Vậy tư-bản-hóa đại-chúng không lẽ lại phú quý giật lùi : được phép mẫu trở thành tư-bản như Mỹ, rồi dùng đó làm căn-bản bản-cùng-hóa để đi ngược lại chế độ kinh-tế tự-túc hay sao ? Nên người dân Việt Nam, có nghe cái đối tượng đó cũng chỉ biết nghe cho sướng tai, chứ thực tình không dám tin tưởng vào các loại nước đường như thế.

Trái lại, các trọng-tâm công-tác của Bộ Kinh tế, điều nào cũng đáng làm hết. Ổn định giá cả, điều hòa tiếp tế, là lòng mong muốn của tất cả mọi người. Chính phủ nào cũng nhắc đi nhắc đi nhắc lại hết, nhưng cho tới nay thực phẩm vẫn cứ leo thang đều. Tốt hơn hết là Tân Chính-phủ công bố các biện pháp nào khả dĩ làm cho giá cả ngoài chợ thực sự đứng vững là dân yên bụng.

Thú thật, người dân cứ nghe la lớn ổn định giá cả đồng thời nhỏ nhẹ cải chính không phá giá đồng bạc mà trong bụng rung lăm rồi : kinh nghiệm phá giá năm 1966 còn đau đớn ê chề quá rồi. Nào khai thông, nào củng cố, nào ổn định giá cả, nào thể thoát giữ vững giá trị đồng bạc, rồi đánh đùng một cái

đem giá chánh thức lên cao hơn giá chợ đen...

Chương trình xuất cảng, tăng gia sản xuất nông nghiệp, nâng đỡ kỹ-nghệ chế biến nông phẩm, yểm trợ nông nghiệp, ề rằng khó mà thực hiện được trong tình trạng chiến tranh hiện tại. Chúng ta còn gì mà xuất cảng, ngoại trừ sự vụ cung cấp, thỏa mãn cho quân đội ngoại quốc, nhiều khi là sự vụ không mấy cao đẹp nữa? Gạo mà chúng ta còn phải nhập cảng thời làm máy cày, máy bừa, máy đuôi-tôm làm gì? Lấy đâu ra nông-phẩm làm nguyên liệu xử dụng trong kỹ-nghệ biến-chế?

oOo

Một kế-hoạch kinh-tế của chính phủ không thể « đẻ » ra một cách tài tử được. Từ trước tới nay, người dân vẫn lên tiếng xin chấm dứt thảm-cảnh « màn » kinh-tế tài tử. Giáo sư kinh-tế nổi tiếng nếu không có kinh nghiệm điều-khiển sản-xuất vẫn chỉ đẻ ra được lý-thuyết không tưởng, bịt bùng trong tháp ngà. Còn các vị công chức mẫn cán, dẫu thanh-liêm tài giỏi đến đâu chẳng nữa, vẫn bị cái nếp « hành chánh » và « thừa hành » ăn sâu trong óc, nên chỉ giỏi phục-vụ cho Chính-phủ mà thường gạt bỏ quyền lợi nhân-dân sang hàng thứ yếu.

Kể cả nền Đệ-nhất Cộng-hòa, Chính-phủ tuy cảm thấy vấn-đề kinh-tế quan trọng, nhưng không coi là quyết định trong việc tranh-thủ nhân-tâm. Cho nên, bất cứ người nào cũng có thể được chọn để nắm giữ vận mệnh kinh-tế tài-chánh nước nhà. Nói cho cùng, người ta chỉ cần những tiêu-chuẩn : Có trung-thành

không? Có bằng cấp đại-học không? Có tai tiếng gì không? Có trong sạch không? Có làm việc giỏi không?

Và chỉ khi nào đã được lựa chọn rồi, người « màn » kinh-tế mới chú-trọng tới các vấn-đề quốc-kế dân-sinh, và nghiên-cứu vội « ba điều » « bốn khoản » gọi là đưa ra một chính-sách và một chương-trình hành động cho phải lẽ. Cũng có khi chẳng cần tuyên bố chính-sách gì ráo trọi, vì xưa nay vẫn « ngu si hưởng thái bình » mà!

Có bao giờ người dân Việt-Nam được nghe nhà cầm quyền, khi còn là chính-trị-gia, đã tuyên bố trước đường lối kinh-tế sẽ áp-dụng, kế hoạch hành-động cụ-thể, khả dĩ đem lại đời sống phú-cường, tự-chủ cho toàn thể dân-tộc? Không, nhiều lắm là được nghe các đảng phái, các ứng-cử-viên tuyên-bố vài câu sáo ngữ không ngoài : phồn-thịnh, kỹ-nghệ-hóa, bảo-vệ nông-nghiệp v.v... Những lời tuyên-bố chỉ có tính chất quảng-cáo, đề-cao cá-nhân chính-trị-gia và chẳng có ích lợi gì trực-tiếp đến tình hình kinh-tế quốc-gia.

Cái nhìn bao quát phải là cái nhìn của một Nhóm Nghiên-cứu kinh-tế, đủ phương tiện, đủ cán-bộ để phân tích hiện-trạng nước nhà, trước khi đề ra một chính sách hợp-ly, hợp quyền-lợi nhân-dân. Vấn-đề Nhóm Nghiên-cứu là vấn đề trọng-đại cho nên chúng ta thấy rõ ràng, sự kiện kinh-tế quan trọng nhất trong năm 1967, là việc thành lập và hoạt động của Nhóm Nghiên cứu kinh-tế hậu-chiến, mà chúng tôi sẽ đề-cập trong số báo tới.

DUY

Triết hiện-sinh và chính-trị

Trong bài điềm cuốn sách « Triết học hiện sinh » của tôi, (xem Bách Khoa Thời Đại số 251, ngày 15-6-67), Giáo sư Nguyễn Văn Trung đưa ra hai nhận định : cuốn sách « không nói đến tương quan giữa chủ nghĩa hiện sinh và chủ nghĩa Mác-xít trong triết học của Sartre », và « đáng khác, cuốn sách cũng không đề cập đến một khía cạnh khác rất quan trọng, còn là một điềm đặc biệt, độc đáo của phong trào hiện sinh, nhất là với triết học của Sartre : là tác phẩm triết lý chính trị ». (Chính Gs. Trung gạch dưới). Rồi gần đây, tờ Đất Nước của Gs. Trung có vẻ muốn buộc tội tôi « bóp méo triết hiện-sinh bằng cách tách biệt triết hiện sinh khỏi những lý thuyết và hoạt động chính trị của những người đã khai sinh ra nó ».

Viết mấy dòng này, tôi có ý trình bày xem có bóp méo triết hiện sinh Sartre không, đồng thời cũng mong Gs Trung hiểu tại sao tôi không đề cập đến vấn đề chính trị của triết học Sartre. Giáo sư nói chính trị là điềm độc đáo của phong trào hiện sinh, nhất là của Sartre. Tôi nghĩ câu này không đúng : trong 4 triết gia tôi giới thiệu nơi cuốn sách, tôi thấy duy có Sartre đã viết và làm chính trị. Heidegger không. Jaspers cũng không. Và Marcel cũng không, trừ một vài bài báo tỏ lập trường của ông về chiến tranh. Nói thế không phải quyết rằng Heidegger, Jaspers và Marcel không có triết-ly

chính trị, vì ai mà chả có quan điềm chính trị, và triết nào lại không có bàn về nhân quần xã-hội, tức bàn về chính-trị theo nghĩa chữ politikon. Triết-ly nhằm giác ngộ con người, giúp con người ý thức về quyền lợi của mình, nhân-phẩm và định-mệnh của mình cũng như của tha nhân : đó là triết-ly. Con người đã ý thức, chắc con người sẽ đứng lên chống đối những bạo tàn, dù dưới hình thức chiến tranh, dù dưới hình thức đàn-áp xã-hội. Nếu triết-gia lại đích thân xuống đường với quần chúng để đòi quyền lợi thì càng hay, nhưng cái hay căn-bản nằm trong học-thuyết của triết-nhân về con người và xã-hội. Có những triết thuyết mang nặng tính-chất chính-trị và tranh đấu như thuyết Mác-xít, có những triết thuyết nặng về phía xây dựng con người. Thực ra, hai điềm Gs. Trung nêu ra trên kia cũng chỉ là một như ta thấy sau đây.

Triết lý chính trị có phải là cái gì độc đáo trong triết Sartre không ?

Có lẽ chúng ta quá quen sống trong một xã hội bị chính-trị-hóa từ tôn-giáo đến học-đường, và chính trị đó lại chỉ thâm gồm vên vẹn trong những kiến-nghị, những bài báo, những cuộc xuống đường, nên tờ Đất Nước và Gs. Trung trong bài điềm sách mới coi những phản đối của Sartre về chống chiến tranh Đông dương và chiến tranh Algérie cũng như chống đàn áp ở Hung-gia-ly là quan

trọng hơn những tư-tưởng của Sartre trong cuốn *L'être et le néant* và cuốn *Critique de la raison dialectique*. Chắc có người nghi tư tưởng chính trị của Sartre nằm trong bộ tạp chí *Les temps modernes* chăng? Nhưng ta biết nơi đây Sartre chỉ giữ vai trò một ông chủ-nhiệm, còn đường lối chính trị của nhóm *Les temps modernes* thì do anh em trong nhóm cùng chia sẻ. Hơn nữa, ai cũng biết Sartre không phải là giám-đốc chính trị của tạp-chí đó. Giám đốc chính-trị là Merleau-Ponty, từ khi sáng lập (1945) cho đến khi Merleau bất đồng ý-kiến và bỏ nhóm (1953). Thực ra, tờ *Temps Modernes* là một diễn-đàn của nhóm hơn là tạp-chí riêng của Sartre hay Merleau-Ponty.

Francis Jeanson và Colette Audry đã xuất bản hai cuốn về thân thế và sự nghiệp của Sartre, họ đã nghi gì về triết-lý chính-trị của ông? Cả hai đều là bạn thân về tư-tưởng của Sartre. Hơn nữa cả hai cùng hoạt-động chính-trị bên cạnh Sartre. Cả hai cùng hơn Sartre ở chỗ đã thực sự dẫn thân làm chính-trị: Audry là đảng viên kỳ cựu và có ảnh hưởng trong đảng Xã-hội Pháp (S.F.I.O.) còn Jeanson thì đích thân điều khiển một tổ gián-điệp giúp Algérie chống Pháp nên bị tù và vụ án của ông đã gây sôi nổi không ít. Vậy mà hai tác-giả không dành phần nào cho những vụ chống đối của Sartre hết, dầu là chống chiến-tranh Đông-dương và Algérie, dầu là chống đàn áp ở Budapest. Hai tác giả này không quan-trọng-hóa những kiến-nghị và chống đối, vì đó là những hành vi không có gì là « độc đáo và đặc biệt » của triết hiện-sinh Sartre. Chỉ cần một chút lương-tri và một chút phản-tỉnh cũng đủ. Và thực sự thì Sartre đã làm việc đó chung với bao nhiêu đoàn-thể khác ông cả về chính-trị và triết-lý trên

nhiều bình diện khác.

Còn như cuốn *Les existentialistes et la politique* (Những ông hiện-sinh và chính-trị) của M. A. BURNIER mà tờ Đất Nước nhắc đến, lại càng l'ém sáng tỏ vấn-đề của chúng ta ở đây. Sartre có một triết-lý chính-trị độc đáo không? Và nếu Sartre làm chính-trị, thì ông đã theo những nguyên-tắc nào?

BURNIER đã vạch lại con đường chính-trị của nhóm *Les temps modernes* như sau, khoảng từ 1934 đến 1939, Sartre và bạn bè ông say mê thuyết Mác-xít và coi đó là phương-pháp hành-động hiệu-nghiệm duy nhất, nhưng họ đang quay về phía Mác-Tư-Khoa thì rụp một cái, họ chứng hững khi thấy chính-phủ nhân dân Nga-sô ký hiệp ước bắt tay với Đức quốc-xã của Hitler (Hiệp-ước Munich 1939). Họ chưa kịp hoàn hồn thì chiến-tranh thế-giới tràn tới, Pháp bị Đức chiếm đóng, Sartre bị bắt làm tù binh. Thế rồi, chiến tranh kết liễu năm 1945, và chính tháng 10 năm 1945, nhóm của Sartre cho ra mắt số 1, tờ *Les temps modernes*. Đường lối của tờ tạp-chí do Sartre và Merleau-Ponty vạch ra: không nhập đảng nào, nhưng chống lại mọi hình thức bạo động. Thực ra, Merleau chứ không phải Sartre đứng hoạch định đường lối chính-trị của tạp-chí: và Merleau « theo đường lối Mác-xít, vì chúng tôi không tìm ra lối nào khác » (lời của Sartre. Coi Burnier Sđ trg 33). Họ làm chính-trị mà không có chương trình, nên công việc của họ chỉ là phản đối những tệ-đoan xã-hội: chống chiến-tranh, đòi hòa-bình, chống tư-bản (Sđ trg 37). Tóm lại, nhóm Sartre không có triết-lý chính-trị riêng và như vậy đường lối chính-trị của họ là « đường lối chính-trị của Đảng Cộng-sản Pháp » (Sđ. trg. 45). Burnier

kết luận : « Tập-chí đó đã thi hành đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Pháp. Từ đó đã phê-bình chính sách của Tây phương thời hậu chiến một cách dữ dội cũng như phía Cộng sản. Tuy nhiên họ cũng chỉ trích một số những điểm của chủ nghĩa cộng sản: họ muốn tự đặt vào vị trí giữa đảng cộng-sản và tả-phái của Pháp. Như vậy nền tảng đường lối chính trị của họ nằm trong tương quan của họ đối với đảng cộng sản.» (Sđ. trg 46). Tương quan này như thế nào ? Burnier đã dùng tới chữ « *quasi-alignment de Sartre sur la politique communiste* » (Sartre gần như theo đuôi chính trị cộng sản. Sđ trg 47). Cũng trong thời kỳ này, Sartre đưa ra những nhận định triết-học về chủ-nghĩa duy-vật của cộng sản, gọi đó là một chủ - nghĩa duy - sự (chosisme) và ông cầu chúc những người cộng sản tìm ra một thuyết Mác-xít đích thực hơn. Lời lẽ của Sartre không có gì quá khích vì « ông muốn giữ tình thân ái với những người cộng sản » (Sđ trg 51). Trong khi đó, đảng cộng sản không tiếc lời thóa mạ ông là « bị tòa đại-sứ Mỹ mua chuộc... và ủng hộ giai-cấp trưởng-giả đang hấp hối ». Phe cộng-sản còn gọi chủ nghĩa hiện sinh là « kẻ thù số một về ý-thức-bê » (Sđ trg 53). Thật là bị, nhóm Hiện-sinh khi ông có chính-trị : đi ve vãn cộng sản, lại bị tưới bùn vào mặt. Làm sao bây giờ ? « Bỏ thuyết Mác-xít của cộng sản, thì chính trị chỉ là mơ mộng và phiêu lưu » (Sđ trg 57), cho nên đầu sao cũng « cứ phải theo đường lối chính trị của Đảng Cộng sản » (Sđ trg 55).

Sau cùng họ đã tìm được lối thoát. Họ đã có đường lối riêng. Họ thành lập « *Tập đoàn nhân-dân cách mạng* » (Rassemblement démocratique révolutionnaire, viết tắt là R.D.R) cùng với mấy đảng viên bị trục xuất của Cộng-sản và mấy nhà báo thuộc tả phái

(Sđ trg 64). Merleau-Ponty cũng ghi tên vào, nhưng chỉ là đề cho Sartre khỏi bị cô lập, chứ chính ông không tin tưởng gì hết. Họ hành động bằng cách rải truyền đơn quảng cáo cho phong trào. Họ lại được nhiều nhật báo ủng hộ nhiệt thành. Không bao lâu họ có tới ngàn đoàn viên, gồm nhiều nhà trí thức (ở đâu trí-thức cũng dễ lôi cuốn). Còn chính-trị của Tập đoàn thì sao ? Đó là chính-trị muốn *bắt tay với đảng cộng sản* (Sđ trg 68), nhưng đảng Cộng-sản tỏ ra hồ hững và lạnh nhạt hết sức. Không nản, Tập đoàn tổ chức những buổi thuyết trình ở phòng Playel, có tới 4 ngàn người dự (13-12-1948) và ở giảng đường Đại Học Sorbonne với 10 ngàn người dự (30-4-49), nhưng vì tổ chức vụng, bị CIA đẩy người vào, cho nên lần đại-hội ở hội trường Veld'Hiv nhiều bài thuyết trình có giọng thiên Mỹ rõ ràng (Sđ trg 73). Tập đoàn chỉ hoạt động từng lúc như bị giật mình, còn thì bàn giấy trung ương vùn vùn 3 người và hai cô thư ký (Sđ trg 70). Tài-chánh lại kiệt quệ vì không biết quản lý, nên Sartre « vô cùng chán nản » và ông từ chức ngày 15-10-49 (Sđ trg 74). Và cái Tập đoàn của họ cũng tan theo. Một kinh-nghiệm chua cay (Sđ trg 74).

Năm sau, 1950, nhóm *Les temps modernes* mới khám phá rằng ở Nga-sô cũng có những trại giam dã man với giầy thép gai... Làm gì bây giờ ? Lên án Nga-sô, tức cũng là lên án đảng Cộng-sản Pháp và như vậy là phái bỏ rơi giới vô-sản? « Nhưng, Sartre tự hỏi, chúng ta có thể chung tay làm việc với Đảng cộng-sản để đi tới chỗ quảng xiêng xích lên nước ta và phủ nước ta bằng những giầy thép gai chăng ? » (Sđ trg 79) Họ còn đang tìm thái độ thì xảy ra *chiến tranh Cao-ly*. Nhóm Sartre đã « long trọng lên tiếng tố cáo mưu mô đế-quốc của Mỹ », vì họ in lời tờ « *Nhân loại* » của cộng sản và tờ này cho rằng Nam-Cao tiên quân

xâm lược. Nhưng dần dần họ nghe lọt sự thực. Cuối năm 1950, tờ *Les temps modernes* im bặt, « It bài có tính chất chính trị : Sartre viện lý do thiếu tin tức về Cao-ly. Nhưng sự kiện là chính các sư đoàn cộng sản Bắc-Cao đã xâm lược » (Sd trg 81). Từ đó đến năm 1952, đường lối chính trị của tờ tạp chí nhóm Sartre «thật là bèo trôi» (Sd trg 81). Merleau-Ponty biết mình đã đi trệch đường, nên quyết định rút lui khỏi nhóm. Còn lại Sartre, và Sartre đã «trộn vện theo cộng sản trong việc phản đối chính phủ đã bắt giam Henri Martin» (Sd trg 83) Martin là một thủy quân đã rải truyền đơn chống chiến tranh Đông-dương. Trong việc này Sartre chỉ là người được Đảng cộng-sản lợi-dụng vì họ cần một số trí-thức đề lên tiếng phản đối chính phủ. Và cũng năm 1952, Sartre ghi tên gia nhập « Phong trào Hòa bình » : Ông cho đó là thái độ của một văn-sĩ dẫn thân (Sd trg 87). Xét lại, dần dần Sartre đã xa lìa những người cộng tác trong nhóm : Raymond Aron rồi René Etiemble, rồi Merleau-Ponty và sau cùng Sartre tự chia rẽ với Albert Camus, chê Camus không hiểu gì về thuyết Mác-xít và có thái độ an nghỉ (Sd trg 88). Phần ông, Sartre nhất định càng ngày càng cộng tá : chặt chẽ với đảng Cộng-sản, vì đầu sao đó cũng là hy vọng giải thoát của giới vô sản. Burnier viết : « Vậy thì phải hoạt động theo đường lối chính trị cộng sản. Tại sao ? Vì tương lai của nền dân chủ đến với ta qua giai cấp thợ thuyền, và đảng Cộng sản là đảng của giới thợ thuyền » (Sd trg 93).

Đang khi Sartre hoạt động cho chính sách cộng sản, đang khi ông quả quyết « chỉ có thuyết Mác-xít mới thực là văn-hóa » thì xảy ra vụ Budapest : Nga-sô bắt chấp dư-luận quốc-tế, mang quân đội

sang đàn áp dân Hung-giá-lợi đã đứng dậy đòi một ít tự-chủ như kiểu Cộng-sản Titô. Vụ đàn áp đẫm máu do một chính-phủ nhân-dân thi hành đối với nhân-dân Budapest (1956) bắt buộc Sartre tuyên bố tuyệt-giao với Đảng cộng-sản Pháp (Sd trg 115). Sartre viết những bài báo này lửa lên án Nga-sô và kêu gọi các nhà văn Nga-sô lên tiếng : ba mươi lăm nhà văn Nga-sô liền trả lời bằng cách phi bác luận-điều cá : nhà văn Pháp đã chống lại sự can thiệp võ-trang của Nga-sô. Còn Roger Garaudy, một giáo-sư Đại-học danh tiếng và là đảng viên cộng - sản Pháp, gọi Sartre và những văn sĩ như ông là « loại phù-thủy tập-sự, bị mù quáng bởi một thứ cá-nhân chủ-nghĩa kiêu căng » (Sd trg 115).

Sau vụ Budapest, Sartre và bạn bè vẫn cố gắng tìm ra một đường lối chính-trị. Nhưng họ cảm thấy bị kẹt quá : đối với họ, chỉ có chính-trị của cộng sản là đúng, còn Đảng cộng-sản thì chuyên môn lợi dụng họ khi cần đến thôi, chứ không chấp nhận sự cộng tác của họ. Nhân đó Sartre viết « với phương-tiện của nhóm trí-thức, được giới trí-thức nghe theo, chúng ta sẽ liệu cho Đảng cộng sản Pháp bỏ đường lối Staline » (Sd trg 117) Trong khi đó, Merleau-Ponty lại nghi rằng phải hành động biệt lập với hữu-phái và biệt lập với đảng cộng-sản (Sd trg 128.). Thực ra họ đồng ý với nhau là phải có lực lượng và đường lối tả-khuynh giống như cộng-sản mà đồng thời lại không có tính cách giáo-điều như đảng cộng-sản. Trong khi chờ đợi thảo ra một đường lối, một chính-sách, họ vẫn hoạt-động. Nhất là Jeanson, một học-giả có tiếng và bạn thân của Sartre. Jeanson lập một tổ gián-điệp để làm hậu-thuần cho phong-trào giải-phóng Algérie (F.L.N.) năm 1957. Mãi năm 1960 công

việc mới bại lộ và Jeanson phải ra tòa. Hành động chống chiến tranh của nhóm Sartre gây ảnh hưởng lớn trong giới trí-thức và sinh viên.

Trong những năm kéo dài cuộc chiến tranh Algérie, nhóm Sartre có nhiều dịp chung tay làm việc với đảng cộng-sản Pháp. "Thực sự, Sartre đã khởi sự nhích lại gần đường lối chính-trị cộng-sản, bởi vì ở Hung-gia-Lợi đã có một tình hình khả quan hơn, và đảng khác bạo-động và phát-xít gia tăng với chiến tranh Algérie. Nên tháng 7 năm 1959, Sartre quyết rằng mặc dầu những mâu-thuẫn của nó, Nga xô nên được coi là quê-hương của xã-hội chủ-nghĩa." (Sd trg 148). Cộng-sản năm cơ hội này đề tổ-chức một Mặt trận chống phát-xít và chống chiến tranh: "do sáng kiến của mấy nhà trí-thức cộng-sản, một Mặt trận chống phát-xít thu nạp 250 vị giới Đại-Học và trí-thức được thành lập". (Sd trg 149). Mặt trận định tổ-chức một phiên khoáng đại-hội-ngập ngày 11.2.1962, nhưng đảng cộng-sản e rằng Sartre có ảnh-hưởng quá lớn, nên họ đòi phải cho nhiều đoàn-thể và tập-đoàn khác cùng gia-nhập Mặt trận (và đó là những đoàn-thể mà cộng-sản đã nắm chắc). Rồi khi ngồi lại thảo chương trình hoạt động, nhóm Sartre mới thấy rõ sự không đồng chủ-đích: sự chia rẽ trở nên trầm trọng khi Sartre muốn Mặt trận bao gồm cả giới thợ thuyền và các tổ chức thợ thuyền. Cộng sản không muốn nhóm Sartre nhòm ngó vào lực lượng của họ, họ sợ Sartre gieo hỗn độn vào hàng ngũ của lực lượng đó. Kết cục Mặt trận chỉ gồm toàn những nhà trí-thức và giới Đại-học và được coi như một "phong trào những nhà trí-thức và sinh-viên hoạt-động bên

cạnh giai cấp thợ thuyền và bên cạnh những tổ chức nhân-dân" (Sd trg 150).

Từ năm 1962 về sau, nhóm Sartre vẫn hoạt động bên cạnh các tổ chức nhân dân như thế, vì "Sartre thâm tín rằng nếu không chung tay hoạt động với đảng cộng sản, thì chắc sẽ rơi vào một thứ tả phái giả-tạo và rồi chẳng làm nên trò trống gì" (Sd trg 152). Trong khi đó thì đảng cộng-sản không giấu sự khinh miệt của họ đối với «những tay phù thủy tập sự như Sartre». Họ còn nói qua ngòi bút của R. Garaudy: «Sartre chẳng tin tưởng gì giai cấp thợ thuyền đâu» (Sd trg 152). Bực chí, Sartre bỏ đi phù trợ cho đảng cộng sản Ý và hết sức đề cao lãnh tụ Togliatti. Sartre tuyên bố: «Nếu tôi sống ở Ý, tôi sẽ gia nhập đảng cộng-sản Ý». Và thực sự Sartre và Simone de Beauvoir hay qua Ý, và viết nhiều bài cho các tạp chí Cộng-sản Ý (Sd trg 153).

Tất cả những suy nghĩ của Sartre về tương quan chính trị giữa triết hiện sinh của ông và triết Mác-xít đã được trình bày trong cuốn *Critique de la raison dialectique* (Phê bình lý-trí biện-chứng) xuất bản năm 1960. Theo Burnier thì Sartre có ý chứng-minh rằng «triết hiện sinh gặp triết Mác-xít và muốn gia nhập vào đó», tuy nhiên Sartre chống lại những phương thức làm việc lười lỉnh và máy móc của những người Mác-xít ở Pháp. Ông không dám sửa sai Mác, nhưng giúp tay khai thác những nguồn lực vô tận của chủ nghĩa Mác-xít (Sd trg 158). Phía cộng sản đã phản ứng mãnh liệt đối với cuốn sách của Sartre: họ gọi cuốn sách đó là «bùa của một ý-thức sâu-khờ» và bảo Sartre làm đúng như Hegel, nghĩa là bắt «biện chứng phải đi lộn đầu xuống đất». Garaudy

trả lời đàng hoàng hơn: ông nói cần phải làm phong phú thêm cho lý-trí biện chứng, nhưng công việc này người cộng-sản không thể làm chung với « một người hoàn toàn chối bỏ thuyết Mác-xít » (ám chỉ Sartre) Còn M. Thorez, lãnh tụ đảng cộng sản Pháp, thì bảo Sartre « nói làm nhảm như bọn Tờ-rốt-kít xưa kia » (Sđ trg 159).

Cuốn sách của Burnier dừng lại nơi đây.

Nếu cuốn sách được tái bản, chắc Burnier phải viết thêm giai đoạn hoạt-dộng chính trị của Sartre từ hai năm nay trong « Tòa án quốc tế xét tội chiến tranh của Mỹ ở Việt-nam ». Tòa án này do ông già Bertrand Russel 90 tuổi (cũng một triết gia) sáng lập. Sartre là một trong những vị đồng sáng lập và hiện Sartre vẫn là nhân viên chủ tịch - đoàn - của toà án. Các báo chí ở Saigon chỉ biết và gọi đó là « gánh xiếc của ông già Russell », nhưng thực ra Sartre cũng ở trong đoàn này.

oOo

Lược lại con đường chính trị của Sartre theo cuốn sách của Burnier, chúng ta tự nhiên cảm thấy vừa kích phục thiện chí và lòng nhân đạo của Sartre, vừa thương hại ông bị cộng-sản lợi dụng mà vẫn « chơi » ông. Cũng như Platon, triết-gia Sartre tỏ ra vụng về trong thế giới chính-trị. Merleau-Ponty đã nói « tất cả mọi chính trị đều dơ bẩn »: nhà trí thức, nhà triết học như Sartre không thể chấp nhận dơ bẩn, nên chỉ có thể làm chính-trị cách tài tử thôi.

Nhưng cái thảm kịch của Sartre không ở chỗ nông cạn này. Nó ở trong con người của ông và trong triết-học của ông: Ông sinh trưởng trong một gia đình trưởng giả giàu sang, ông thành công ở đời cả về danh tiếng địa vị và tiền tài.

Ông là một tay triệu phú, nhưng ông lại muốn được giai cấp vô sản chấp nhận ông trong cuộc tranh đấu của họ. Chính vở kịch « Những bàn tay dơ bẩn » (*Les mains sales*) của ông nói lên điều này: Hugo, một thanh niên trí thức con nhà giàu xin gia nhập đảng cộng sản. Hugo cảm thấy một sự xa cách giữa anh và các đảng viên khác như Slich, Georges và nhất là Hoederer. Một hôm Georges đã nói thẳng với các đồng chí về Hugo: « Chúng mình không trách hẳn điều chi hết. Nhưng giữa hẳn và chúng mình có một thế giới ngăn cách. Hẳn là tài tử: hẳn vào đảng vì hẳn thấy hay hay và có dịp làm một cái gì. Còn chúng mình thì nhất định phải làm như chúng mình đang làm. » Một lần khác Hoederer bảo Hugo: « Đồng chí không yêu những con người. Đồng chí chỉ yêu những nguyên tắc. — Hugo: Sao tôi lại yêu người ta? Người ta có yêu tôi đâu? — Hoederer: Thế đồng chí vào đảng làm gì? — Hugo: Tôi vào đảng vì thấy công cuộc của đảng ngay chính, hề hết ngay chính thì tôi ra khỏi đảng. — Hoederer: Còn tôi, tôi yêu những con người với tất cả những cái đều giả và xấu xa của họ. Tôi yêu tiếng nói và những bàn tay nóng hổi của họ. Còn đồng chí, tôi biết đồng chí lắm rồi: đồng chí chỉ là một tên phá hoại. Đồng chí ghét những con người và đồng chí tự ghét mình nữa: sự trong sạch của đồng chí giống như một sự chết và cuộc cách mạng mà đồng chí mơ ước nhất định không phải cuộc cách mạng của chúng tôi. » (Dẫn trong cuốn *Sartre par lui même* của Jeanson, trg 39-41). Vì thế trong suốt cả cuốn sách viết về Sartre, Jeanson luôn gọi Sartre là « *le bâtard* » (đứa con hoang) với ba chương có nhan đề: *Figures du bâtard* (những hình ảnh đứa con hoang), — *Enfer et bâtardise*

(Địa ngục và tính chất con hoang), — *La bâtardise au travail* (tính chất con hoang hành động). Là một triết gia, Sartre không đặt danh dự của ông, và hậu thế không đồng hóa ông với những hành vi phản chiến hoặc những hành động chính trị bên cạnh đảng cộng sản. Là một triết gia, Sartre đã đặt triết-lý của ông vào trong bản-chất của con người, và ông đã chứng-nghiệm thấy mâu thuẫn ghê sợ của bản-chất con người nơi chính bản thân của ông : con người ta, ai cũng là một thứ con hoang, không được nhìn nhận. « Sartre mô tả thực chất con người là một ý-thức luôn luôn xa cách chính mình : ý-thức là cái nó chưa là và không là cái mà hiện nay nó là, ý-thức luôn vượt ra khỏi chính mình nó. » (Jeanson, Sd trg 57). Có thể ví con người như cái gì sinh ra bởi cha mẹ không cùng giống, nên con người vừa là kiện-tính (facticité) về phía mẹ, vừa là siêu việt (transcendance) về phía cha : con người là sự xâu xé và mâu thuẫn không một tổng-hợp nào giải-quyết được cách ổn thỏa vĩnh viễn (Jeanson Sd trg 58). Con người còn là « đứa con hoang vì phải sống những mâu thuẫn của thời-đại mình, đừng chạy trốn vào những giải-quyết lý-thuyết ảo-mộng. Tất cả Sartre ở chỗ đó » (Sd trg 164). Như vậy ta mới hình tìm ra triết-lý chính-trị của Sartre, chính-trị theo nghĩa của truyền-thống triết-học : xây dựng con người xã hội (politikon). Jeanson đã dành những trang cuối để nói đến vấn đề «hái độ chính trị của Sartre», một vấn đề mà khi nhìn lại cuốn sách của ông, ông thấy không còn chỗ dành cho nó, mặc dầu có người coi đó là quan trọng (Sd trg 154). Đối với Jeanson, thì triết lý của Sartre nằm trong quan-niệm của ông về con người và xã-hội, cho nên Jeanson kết thúc

cuốn sách của ông viết về Sartre như sau : «Hòa giải đối-tượng và chủ-thể ; đó là công cuộc chính yếu của Sartre (Réconcilier l'objet et le sujet : telle est essentiellement l'entreprise de Sartre). Sartre, một người đã tương-đối-hóa cách giải nghĩa Mác-xít, — Sartre, triết gia của praxis, Sartre có là cộng sản không ? Ông có là trường-giả không ? Thì các bạn thấy đó : ông không là Cộng-sản và cũng không là trường-giả, nhưng ông muốn là cả hai. Ông đã là đứa con hoang kỳ-khôi, vừa sống cái bản-chất con hoang của mình vừa cảm thấy được chấp nhận ..» (Sd trg 186-187)

Có người sẽ vấn-nạn : Nhưng cuốn sách của Jeanson viết năm 1955 khi Sartre chưa xuất bản cuốn *Critique de la raison dialectique* ! Và cuốn này là một khúc ngoặt trong tư-tưởng của Sartre ! Đúng lắm, không ai có thể coi nhẹ địa-vị cuốn Phê-bình lý-trí biện-chứng trong sự nghiệp triết-lý của Sartre. Nhưng nó có đổi hẳn hướng đi của ông không ? Thực ra trong đời các triết-gia, người ta thường thấy có những giai-đoạn như thế. Chẳng hạn người ta có thể chia triết học Platon làm hai giai đoạn : giai đoạn một gồm những tác-phẩm như Gorgias, Cratyle, Phèdre, Phédon, République, và giai đoạn hai gồm những tác-phẩm được coi là viết sau cuộc du-thuyết chính-trị thứ hai của ông sang Syracuse: Parménide, Théétète, Philèbe, Politique, Les Lois. Nhưng tư tưởng của một triết-gia có tiến mà không có đổi bản-sắc. Nơi triết của Sartre cũng thế, và đây chúng ta có thể tin Colette Audry, một thân-hữu của Sartre, đã viết trong cuốn sách về Sartre như sau : «Từ cuốn *L'Être et le néant* đến cuốn *La Critique de la raison dialectique*, tư-tưởng của Sartre đã biến chuyển. Sự biến chuyển

này vừa quan trọng vừa ít sâu xa hơn người ta nghĩ. Quan trọng vì sự chuyển-hướng từ cái Quy ngã (le Pour-soi) trừu-tượng và cá-nhân sang cái cụ-thể của xã-hội, đã đòi viễn-tượng của tự do : từ tự-do tùy cơ, chúng ta bước sang tự do như một bắt buộc. Tự do này có nghĩa là ta chỉ có thể làm một cách tự do cái mà ta không thể không làm : « Sự cưỡng bức không làm mất tự do, nhưng là đồng lõa với tự do bằng cách không để cho tự do có lối thoát nào khác ngoài sự tuân phục. » (C.D.D.p.690). Tuy nhiên sự thay đổi ít sâu xa hơn người ta nghĩ, vì từ đầu đến cuối, tư-tưởng triết-lý của Sartre giữ được một sự duy-nhất và bền vững đặc biệt : ông vẫn quả quyết và nhắc đi nhắc lại rằng ý-thức không phải là một sự vật và bản-chất của con người là tự vượt qua mình để đạt tới mục-tiêu ; bản chất con người là cái không thể mang đặt dưới luật tất-định. Về điểm này, cuốn *La Critique de la raison dialectique* không nói khác cuốn *L'Être et le néant* chút nào : tự do được đặt vào tất cả mọi giai tầng, bởi vì biến-chứng xã-hội và biến-chứng cá-nhân không khác nhau về bản-chất : nếu không có cá-nhân đơn-thể thì cũng không có vấn đề nhất-thể tổng-hợp giữa các ý thức. Thực tại đầu tiên vẫn là *praxis cá-nhân* và *praxis cá nhân* là cái không vượt qua được. Cho nên nếu nghĩ như một vài người rằng : trong cuốn *La raison dialectique*, Sartre đã muốn pha phôi quan-niệm tự do của ông với thuyết tất-định : nghĩ như vậy là tỏ ra chưa đọc kỹ cả cuốn *L'Être et le néant* và cuốn *La raison dialectique*. Tự do được định-nghĩa trong cuốn *L'Être et le néant* không bị chối bỏ trong cuốn *La raison dialectique*, nhưng nó được lấy lại. Thành thử nếu xét về thời gian và luận

lý, thì cuốn *L'Être et le néant* ở trước cuốn *La raison dialectique*, nhưng xét về lịch sử và theo phương diện biện-chứng thì lại phải đặt cuốn đó ở sau cuốn *La raison dialectique* : *L'Être et le néant* có giá trị cho một xã-hội bị vong thân. Hay nói thế này cũng vậy : cuốn *La Critique de la raison dialectique* nghiên cứu những điều kiện để có thể thực hiện cái Pour-soi (quy ngã, tức chủ-thể phản-tĩnh) đúng như đã được mô-tả trong cuốn *L'Être et le néant*. » (Colette Audry, *Sartre*, Seghers 1966, trang 109-111).

Như thế tưởng cũng tạm đủ để thấy thế nào là triết-lý chính-trị của Sartre và nếu thực có triết-lý chính-trị thì phải đặt vào chỗ nào trong triết-học con người của ông. Người trí thức, như Sartre nói, là một ý thức trong suốt. Trong suốt, nó thấy nhiều và thấy xa ; nhưng vì trong quá, nên nó chỉ đẹp mà không mấy hiệu-nghiệm, nếu hiểu là hiệu-nghiệm cấp thời. Đọc cuốn *Les existentialistes et la politique*, có người đã nghĩ tìm thấy trong đó một đường lối chính trị của triết hiện sinh Sartre, cho nên người ta mới tố cáo những ai viết sách về triết hiện sinh mà không nói về triết lý chính-trị của Sartre, là mắc tội bóp méo triết học hiện sinh. Thực ra Burnier, tác giả cuốn *Les existentialistes et la politique* đã chỉ nêu cao tinh thần thức tỉnh của nhóm Sartre trước thời cuộc, còn như muốn rút ra một triết-lý chính-trị của nhóm *Les temps modernes* thì Burnier lại nghĩ khác với sự mong đợi của anh em. Burnier kết thúc cuốn sách của ông như sau : « Những năm sau khi Pháp được giải phóng, việc làm của Sartre lắc lư giữa hai cực : hữu-thể-học và chính-trị, phân tích tự do và những lần tỏ thái độ về

thực-trạng xã-hội... Rồi với chiến tranh lạnh, với chiến tranh Cao-ly, Sartre đã thay đổi. Ông trở thành người đồng hành với đảng Cộng-sản. Đảng Cộng-sản chỉ chấp nhận những đồng đội đứng vào hàng ngũ họ thôi: nếu muốn vượt lên trên đầu họ tức sẽ bị mất tín nhiệm đối với họ. Cho nên Sartre chỉ là một người bạn đường, một người có tiếng tăm được hiến cho đảng cộng-sản sử-dụng cũng như trường-hợp Barbuss₂ xưa kia. Sartre không có ảnh hưởng chính-trị riêng nào hết, ông chỉ có việc tăng cường ảnh hưởng của đảng cộng-sản, của Nga sô và hòa bình, đồng thời ông vẫn gắng giữ hết sức tự do. Như vậy chẳng có một tìm kiếm hay một đường lối (chính trị) riêng biệt nào hết, nhưng ông chỉ biết bảo đảm, nêu gương và tỏ thái độ liên đới... Sau vụ Hung-Gia-lợi, ông không thể giữ thái độ này nữa. Cô độc, ông nói điều ông nghĩ. Phải có người lên tiếng Ông đã lên tiếng một cách mạnh mẽ. Nếu ông không có khả năng tạo nên một tình trạng chính trị, thì ông cũng đã lay động những lương tâm an nghĩ, ông đã cảnh cáo, và ông đã nói lên ý chí cách-mạng của một phần giới thanh

niên" (Burnier, Sd trg 183-185). Nếu Sartre đã ảnh hưởng về phương diện chính trị, thì vẫn lời của Burnier, «không chỉ do sự nghiệp lý-thuyết của ông, cũng không do sự ông cổ võ canh-tân thuyết Mác-xít, và cũng không do sự nghiệp chính trị của ông, nhưng phần lớn do sự nghiệp văn chương của ông» (Sd trg 188).

Tôi đã sống ở Pháp những năm 1955-1958 với không khí sôi nổi chống chiến tranh Algérie và chống đàn áp Budapest nơi báo chí thời đó và những buổi tranh luận. Đó cũng là lúc Merleau-Ponty xuất bản «*Les aventures de la dialectique*» (1955) chống chính sách của đảng cộng-sản và buộc tội Sartre cấu kết với Nga-sô. Và cũng thời đó, Raymond Aron xuất bản cuốn «*L'opium des intellectuels*» (thu²c phiên của giới trí thức) tố cáo những người trí thức mù quáng chạy theo cộng sản. Tôi không bao giờ quên buổi tranh luận giữa Aron và Suffren, Borne v.v. trước hơn một ngàn thính giả. Và tôi thấy thái độ (có thể gọi là một triết-thuyết?) chống chiến tranh, chống đàn áp v.v. không có gì là đặc sắc và độc đáo của Sartre.

TRẦN-THÁI-ĐÌNH

THƯ-LÂM ÁN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn,

nhãn cờ áo (étiquette)

VỀ MỘT THÁI ĐỘ CỦA TÁ PHÁI

HỒ - DÃ - TƯ - ỜNG

Không ai phủ nhận được rằng hiện nay tá phái đóng một vai tưởng cực kỳ quan trọng trong việc điều khiển chính sách của thế giới tự do. Tá phái tràn ngập các đại học với những tổ chức sinh viên cấp tiến, với những tập đoàn giáo sư tự do; tá phái chi phối những nhật báo, tạp chí lớn nhất; tá phái kết nạp trong hàng ngũ mình nhiều văn nghệ sĩ lừng danh. Ngày ấy đủ để hướng dẫn dư luận quần chúng và làm cho bất cứ vị tổng thống nào dù gan lì cách mấy cũng phải e ngại. Một thái độ quyết liệt của tá phái có thể làm nghiêng lệch cán cân lực lượng trong cuộc chiến tranh lạnh.

Tuy nhiên từ trước đến nay, tá phái có lập trường nào trong cuộc chiến tranh đó? Hữu phái không ngần ngại tố cáo tá phái là tay sai không công cho Cộng-sản trá hình. Tá phái trả đũa lại bằng một phản ứng cuồng nhiệt pha lẫn chút khinh bỉ kiêu kỳ họ lớn tiếng sỉ vả hữu phái là phản động, đê tiện, chụp mũ. khắp nơi trên mặt báo chí sách vở, đầy những câu la hét của tá phái:

— *Bạn phản động chụp mũ chúng ta là Cộng-sản.*

— *« Bọn sâu dân một nước, cuồng hào ác bá, muốn chạy tội nên gán cho những kẻ trong sạch cái nhãn hiệu Cộng-sản. »*

— *« Tập đoàn thống trị vu cáo những người tranh đấu đòi hỏi công bằng xã hội là Cộng-sản ».*

Và cứ như thế, sự phản đối của tá phái được biểu lộ một cách ồn ào náo

nhiet không tưởng tượng được. Lắm khi phe tá phát động một cuộc chiến tranh phòng ngừa ngay cả lúc hữu phái im hơi lặng tiếng.

Thật ra không phải tự nhiên mà hữu phái dám lên án, tá phái là làm lợi khí cho Cộng-sản. Mọi sự kết án, nếu muốn được người ta tin phải dựa vào một số sự-kiện chính xác nào đó. Thái độ áy náy của phe tá chứng tỏ rằng lời tố cáo của hữu phái không phải hoàn toàn vô căn cứ. Arthur Koestler, một nhà văn đã gia nhập đảng Cộng-sản, rời từ bỏ đảng này nhưng vẫn ở trong khối tá đã xác nhận rằng chính tá phái phải chịu trách nhiệm về việc người ta lầm lẫn mình với Cộng-sản Trong một buổi diễn thuyết tại Carnegie Hall ở Nữu Uớc vào tháng ba năm 1948, Koestler tuyên bố với các đồng chí khuynh tả của ông rằng ông đã tìm ra bảy điều sai lầm trong lập trường của tá phái:

1) Sai lầm vì đã lẫn lộn phía tả với phía đông, Nga sô ở phía đông chứ không ở phía tả. Nga sô không phải là một nước theo xã-hội chủ-nghĩa như người ta tưởng. Bởi thế nếu tá phái coi Nga sô là bạn thì thật không có gì nguy hại bằng.

2) Sai lầm trong sự tự xét lương tâm. Tá phái luôn luôn luôn quả quyết rằng xã hội Tây Phương thối nát, phân biệt giai cấp, kỳ thị chủng tộc, nên khi Tây Phương đòi chống Cộng để bảo vệ dân chủ thì đó là một sự giả trá vĩ đại. Không thể chống Cộng khi ta có những bàn tay dơ bẩn.

Đề phi bác lập luận này ta cứ đem nó áp dụng vào trường hợp Quốc - xã rồi sẽ thấy nó khôi hài vô cùng:

« Chúng ta không có quyền lên án kế hoạch tàn sát chủng tộc Do Thái của Hitler khi mà tại Mỹ còn có những khách sạn không nhận người Do Thái, khi mà tại đó người da đen không được bình đẳng tuyệt đối với người da trắng. Chỉ khi nào nền dân chủ Hoa-Kỳ trở thành một nền dân chủ toàn mỹ thì chừng đó chúng ta mới có quyền kết án Hitler».

Nếu trước kia có kẻ nào nói như vậy thì ắt hẳn đã bị sỉ vả, chế diễu. Nhưng giờ đây một luận điệu tương tự lại được sử-dụng để lẩn tránh việc chống Cộng.

3) Sai lầm trong việc sắp một phương trình mà hai vế không bằng nhau. Tả phái đặt các kiểm khuyết của một nền dân chủ không hoàn toàn, ngang với những hành vi khốc liệt của một chế độ độc tài tuyệt đối. Không thể so sánh sự ngược đãi các công dân da đen ở Mỹ với việc chính phủ Nga lưu đày sang Tây Bá Lợi Á hàng triệu người thiểu số Tartare vùng Crimée chỉ vì không tin tưởng lắm vào sự trung thành của sắc dân thiểu số này. Hai sự kiện trên khác hẳn nhau. Một đằng là hành động vô ý thức của một đám quần chúng nhiều thành kiến, hành động mà chính phủ cũng như các nhà trí thức của họ không tán thành, đằng khác là âm mưu thâm độc có tính toán của một cường quyền tuyệt đối nhằm tiêu diệt một sắc tộc « nguy hiểm » cho chế-độ.

4) Sai lầm chống-chống.

Người khuynh tả hay tuyên bố: « Tôi không phải Cộng-sản nhưng tôi ghét những hành động đáng tởm của bọn chống Cộng cho nên tôi chống lại sự chống Cộng ».

Trong đệ nhị thế chiến, chúng ta chiến đấu chống phát xít bên cạnh

Tướng Giới Thạch, như thế không phải là ta tán đồng mọi quan đ ểm chính trị hoặc ủng hộ chế độ của họ Tướng. Ngày nay cũng thế, nếu chúng ta cùng đứng chung một phía với những người chống Cộng, việc đó không có nghĩa là ta chia sẻ các ý kiến và phương thức hành động của họ. Sự sợ hãi cùng đi chung một chuyến đò với kẻ xấu không phải là dấu hiệu của sự trong sạch mà là dấu hiệu của sự thiếu tự tin. Nếu tự tin thì ta không sợ nói hai với hai là bốn dù cho bọn lưu-manh cũng nói như vậy.

5) Sai lầm tình cảm.

Tả phái tuyên bố không chống Cộng vì trong quá khứ Cộng sản cùng tả phái đã liên kết với nhau chặt chẽ để chống phát-xít. Những kỷ niệm đẹp đẽ của một cuộc chiến đấu chung đã bắt rễ quá sâu vào lòng người để có thể bị xóa bỏ dễ dàng. Tả phái nên nhớ rằng các liên hệ tình cảm trên đây hoàn toàn có tính chất đơn phương. Mỗi khi bất đồng ý kiến một chút là Cộng-sản tố cáo các đồng minh khuynh tả của mình là phản động là phát xít v.v.. Cố gắng lưu lại những liên hệ tình cảm đơn phương là làm một việc phi lý và vô hiệu.

6) Sai lầm về chủ trương chính nghĩa tuyệt đối. Sai lầm này giống như sai lầm thứ hai. Tả phái cho rằng chỉ một xã hội hoàn toàn có chính nghĩa mới đáng được bảo vệ. Nếu xã-hội Cộng-sản đen tối thì xã hội dân chủ tư sản cũng xám xịt chớ không sáng sủa gì.

Những người lý luận như vậy quên rằng trên đời này sự trong trắng tuyệt đối không bao giờ có. Giữa cảnh hoàng hôn u ám và đêm tối dày đặc chúng ta phải chọn lựa cái nào mà ta cho là ít hệ lụy hơn cả.

7) Sai lầm cuối cùng và trọng đại nhất của tả phái là không phân biệt được những mục tiêu dài hạn với những mục tiêu ngắn hạn. Ước vọng trường kỳ mà ta mong đạt tới là những cải cách để mang lại công bằng xã hội và công việc cấp bách cần thi hành ngay là đẩy lui những mối nguy gần kề. Quá bận tâm với các nhu cầu giai đoạn mà xao lãng những mục tiêu tối hậu là thiên cận. Nhưng làm ngược lại hẳn thì cũng điên rồ không kém. Nhiều người thiên tả tuyên bố nhất định không chống Cộng chống kiết gì hết khi mà công bằng xã hội chưa được thực hiện. Họ không biết hoặc không muốn biết rằng nếu cứ đợi cho xã hội hoàn toàn công bằng rồi mới chịu chống Cộng thì Cộng-sản sẽ nuốt chửng trọn cái thế giới này trong cháng bao lâu nữa.

Đại khái trên đây là bảy lập luận sai lầm của tả phái mà nhà văn Arthur Koestler đã ghi nhận và bài bác trong một diễn văn đọc cách đây mười chín năm. Bài đó đã được in ra phổ biến khắp nơi nhưng xem chừng không có tác dụng bao nhiêu. Kết thúc bài diễn văn, Koestler tuyên bố muốn thấy một sự trưởng thành của các nhóm cấp tiến ở Mỹ nghĩa là ông mong một cuộc biến đổi trong lập trường của tả phái đối với Cộng-sản. Nhưng những sự kiện mới nhất ở Mỹ, ở Âu cho thấy rằng Koestler chưa được toại nguyện. Những người tự xưng là cấp tiến chính lại là những kẻ bảo thủ nhất. Họ thụt lùi về thời 1930 để cố tìm một sự thông cảm hoàn toàn với Cộng-sản.

Bị Cộng-sản miệt thị, khinh rẻ, tả phái không oán hận mà trái lại còn tỏ ra rộng lượng, khoan dung với C.S. Trường hợp J.P. Sartre cho ta một thí dụ điển hình nhất. Trước đây các đảng viên Cộng-sản

nhất tề lên án Sartre và chủ nghĩa hiện sinh của ông. Họ bảo rằng Sartre khuyến khích sa đọa, đồi trụy và có tinh thần tiêu tư sản. Trước những lời đả kích thậm tệ đó, Sartre vẫn phớt tỉnh, tiếp tục ca ngợi chủ nghĩa Mác-xít và ủng hộ chế-độ Cộng-sản. Năm 1956 nhân vụ Nga Sô xâm lăng Hung Gia Lợi và dân tộc đó trong một biển máu lửa, Sartre ấp úng tuyên bố rằng mình không theo Cộng-sản nữa. Ông ký tên vào một bản kiến nghị xin chính phủ Kadar dừng hành quyết những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa Hung Gia Lợi là thủ tướng Imre Nagy và đại tá Pal Maleter. Cộng-sản bất chấp lời thỉnh cầu đó và Sartre cũng im tiếng luôn. Thật khác hẳn với lời lẽ căm hờn của ông khi ông lên án việc chính phủ Mỹ xử tử nhà bác học Julius Rosenberg bị tố cáo là đã trao các bí-mật nguyên tử cho Nga-Sô :

— « Máu đã dính đầy người Mỹ, lịch sử sẽ ghi tội bọn chúng ,v.v..» Và cũng vẫn bằng một giọng đó, ngày nay Sartre đang phỉ nhổ lên sự can thiệp của Mỹ ở V.N. Ông cùng Bertrand Russell lập tòa án quốc-tế xử tội Mỹ thay vì nín lặng như ông đã làm với Nga năm 1956. Nên nhớ là Sartre và các đệ-tử thường rêu rao khắp nơi rằng kẻ im lặng trước tội ác cũng mang trách nhiệm y như chính thủ phạm gây ra tội ác đó.

Trường hợp điển hình thứ hai là U Thant. Ông không hề gia nhập đảng Cộng-sản nhưng rất thích xã-hội chủ-nghĩa nên có thể xếp ông vào hạng khuynh tả được. Nếu hai vị Tổng Thư Ký L.H.Q. tiền nhiệm là Trygve Lie và Dag Hammarskjöld hay tránh động chạm đến bất cứ một chế độ chính trị nào thì trái lại U Thant thường kịch liệt đả kích những cá nhân hoặc chế độ mà ông cho

là có hành động hoặc ngôn ngữ bạo ngược, vi phạm hiến chương L.H.Q. Vì quá hăng say, ông U Thant lắm khi quên mình đang ở một chức vụ đòi hỏi phải dẹp bỏ mọi tình cảm cá nhân để có thể giữ được một thái độ vô tư. Trong số những chính phủ hoặc tư nhân được các bản cáo trạng của ông chiếu cố đến, người ta không hề thấy có chính phủ hay chính khách nào thuộc phe Cộng-sản cả. U Thant đã từng họp báo lên án chính phủ Ngô Đình Diệm đàn áp Phật-tử tại Saigon. Nhưng ông không cất lên một lời phản kháng yếu ớt nào trước việc Trung Cộng đốt phá hàng ngàn chùa chiền ở Tây Tạng, sát hại hàng trăm ngàn Phật tử tại đó khiến chỉ một số khác phải tẩu tẩu vượt Hi Mã Lạp Sơn sang Ấn-Độ tị nạn. Để trả lời vụ bạo hành ở Tây Tạng ông chỉ khuyên người ta nên đọc quyển « On the other side of the river », một quyển phóng sự rất có lợi cho chế độ Trung Cộng, do một ký giả thân Cộng là Edgar Snow viết. U Thant chế nhạo cựu ứng cử viên Tổng thống Mỹ Goldwater là khủng, là hiếu chiến, mà không dám làm phiền lòng Mao Trạch Đông bằng một lời phê phán tương tự. Ông nguyên rửa sự kỳ thị bạo ngược tại Nam Phi và Rhodésia nhưng lại đành thản nhiên trước cảnh Nga Xô đầy đọa giết chóc các sắc dân thiểu số ở Crimée, ở Kazakstan. Trong chiến cuộc V. N, U Thant cũng chỉ kết án một bên với những lời lẽ mà một người mang trọng trách giảng hòa không nên có. Thậm chí, năm 1963 sau khi Tổng thống Diệm chết, ông đã đề nghị Mỹ lật đổ chính phủ Saigon và lập một chính phủ liên hiệp gồm những chính khách lưu vong ở Cambodge, Algérie và Pháp — báo Newsweek đã đăng tin này và ông Thant đã mặc nhiên xác nhận bằng cách không

cải chính — Như vậy ông đã ngang nhiên vứt đi cái nguyên tắc dân tộc tự quyết mà ông hằng ca ngợi. Ở một địa vị phải tôn trọng các nguyên tắc pháp lý, ông Thant lại chỉ cố tìm một giải pháp khả dĩ làm vừa lòng Cộng-sản.

Nếu kể ra hết những hành động cùng ngôn ngữ thiên vị của ông thì phải tốn khá nhiều giấy mực. Và số người như U Thant, như J. P. Sartre thật là trùng trùng, điệp điệp. Họ có một dấu hiệu nhận nhau thật độc đáo : cực lực lên án những bất công trong chế độ tư bản nhưng lại ngoảnh mặt đi không chịu nhìn thấy cái bạo ngược của chế độ Cộng-sản.

Tâm trạng đó đã trở thành một vấn đề xã hội, một thắc mắc mà đến nay chưa có ai giải thích minh bạch được.

Một giáo sư thuộc Viện Đại Học Saigon khi nói về các nhà văn cấp-tiến đã quả quyết rằng họ không theo Cộng-sản nhưng không thể nào chống Cộng được vì trong hàng ngũ chống Cộng còn quá nhiều kẻ thối nát, bê bối. Lời giải thích có tính cách biện hộ này rất thông thường và nó tương tự như điều sai lầm thứ hai mà Koestler đã ghi nhận. Nếu bảo rằng vì trong hàng ngũ chống Cộng còn nhiều kẻ lưu manh nên không chống Cộng được thì sao lại không nói luôn : « Tôi không chống áu cước vì trong số các nạn nhân của bọn cướp có nhiều tên trọc phú bần thiêu ? ». Và luận cứ đó cũng có thể tiếp nối như sau :

« Tôi không thích tư bản, nhưng tôi không thể chống tư bản được vì trong hàng ngũ chống đối tư bản đầy đầy những kẻ khát máu, tàn ác. »

Một luận điệu biện hộ mà ta thường nghe thấy nhiều nhất là chế độ Cộng-sản đáng được tha thứ vì người Cộng-sản trong sạch còn chính phủ Cộng-sản thì hết lòng lo cho dân. Về điểm thứ nhất, chỉ cần lật báo chí

bên kia bức màn sắt ra xem là người ta sẽ được nghe chính đảng Cộng-sản lên tiếng than phiền nhiều đảng viên mình tham nhũng, lạm dụng và lãng phí của công. Điểm thứ hai—chính phủ Cộng-sản hết lòng với dân — có thể bị bài bác dễ dàng vì bên thế giới tư bản cũng có nhiều chính phủ biết phục vụ dân chúng nước họ mà đâu có được tả phái cho hưởng trường hợp giảm khinh khi phạm một lỗi lầm.

Có khi bị dồn vào thế bí nhiều nhà trí thức khuynh tả tìm cách lẩn tránh (hỏi thác: Ô mấy ông nói chuyện xa vời quá, Cộng-sản tàn ác đâu tôi không thấy, tôi chỉ thấy tận mắt những bất công của xã hội thối nát này thôi. Hãy lo quét dọn rác rến trong nhà mình đã rồi mới tính tới chuyện người ta ». Luận cứ này có thể bị phi bác dễ dàng bằng cách hỏi lại : « Khi các ông nguyện rửa các chính phủ quân nhân tại Nam Mỹ, các ông có nghĩ rằng nó ở rất xa xứ các ông không ? Các ông có được thấy tận mắt những gì xảy ra tại đó không ? Và các ông có định dọn dẹp xã hội xứ mình cho sạch sẽ trước khi kết án các chính phủ quân nhân đó không ? » Cố nhiên là không. Người khuynh tả chỉ dẫn đo, dè dặt khi phải tố cáo một chính phủ Cộng sản hoặc thân Cộng tì ô. Đối với các chính phủ khác thì không cần phải tra xét lương tâm chi cho mệt.

Có lẽ Sartre suy nghĩ rất nhiều về những lời biện-minh của các đồng chí mình và thấy rằng tất cả đều không ổn nên ông đã từng đưa ra một thuyết có vẻ khoa học để giải thích thái độ của tả phái đối với Cộng-sản Theo Sartre thì dù có tìm thấy trong chế độ Cộng-sản một sự khủng khiếp tuyệt đối, chúng ta cũng không thể kết án nó khi nào chúng ta còn thấy rằng nó hợp lý trong việc lãnh đạo kinh tế. Như thế là phải bỏ qua tất

cả sai lầm khốc liệt của một chế độ chỉ vì trên phương diện kinh tế, chế độ đó kiến hiệu, điều hành hay, kế hoạch giỏi. Nếu chỉ xét theo tiêu-chuẩn này thì chế độ Salazar phải được ca ngợi ít nhất cũng bằng chế độ Cộng-sản vì Salazar đã mang lại ổn định và thăng tiến kinh tế cho Bồ Đào Nha mà không phải hy sinh hàng triệu nhân mạng. Nhưng tả phái đâu có kể đến chi tiết đó và không bao giờ bỏ qua tội độc tài của Salazar !

Tóm lại những lý do mà tả phái viện dẫn để tha thứ riêng cho Cộng-sản đều vô giá trị và không đúng sự thật. Vô giá trị vì khi phân tích đến tận cùng, người ta nhận thấy rằng chúng có tính cách tổng quát nên áp dụng được cho nhiều chế độ khác. Không đúng sự thật vì cuộc hôn phối Tả-Cộng không phải là thành quả của lý trí, không suy diễn từ một hệ thống lý luận nào cả mà chỉ xây dựng trên một mối thiện cảm tiên thiên. Phe tả có cảm tình với Cộng-sản trước, rồi sau đó mới bươi óc cố tìm mọi lý lẽ để biện minh. Những lý lẽ đó phải được xem như một nỗ lực nhằm trấn an lương tâm và công luận chứ không phải là một lối giải thích khách quan về thái độ của mình. Người khuynh tả không chống Cộng vì không tức giận sự bạo ngược của Cộng-sản Họ « yêu » Cộng-sản như một gã si tình yêu một cô gái ngỗ ngáo mà mình không dám cưới hẳn nhưng vẫn si mê đến mức không còn biết phẫn nộ vì các hành động khốc liệt của cô ta.

Đã tới lúc mọi người khuynh tả nên can đảm hỏi tường những phản ứng tự nhiên của mình trước các biến cố chính trị. Chấn chấn rồi sẽ có người tự nhủ : « Bọn mình nổi tiếng là dễ xúc cảm mà

sao lại trở trở như đá trước các tội ác gây ra bởi một thần tượng của lòng mình. »

Đó là một nhận định đau đớn khả dĩ làm suy giảm sự hăng say của phe tả, nhưng đồng thời nó cũng tạo cơ hội cho nhóm ấy có dịp xét lại toàn bộ cảm nghĩ của họ. Tả phái sẽ thấy

rằng mình đã dẫm lên những lối lầm mà mình trách móc nơi hữu phái (đồng lõa với độc tài, gian ác). Phải thấy như vậy để vạch một lối đi mới hoặc nếu có thể thì làm lành lại với kẻ thù ngày hôm qua để chăm chế, sửa chữa cho nhau.

HỒ-DÃ-TƯƠNG

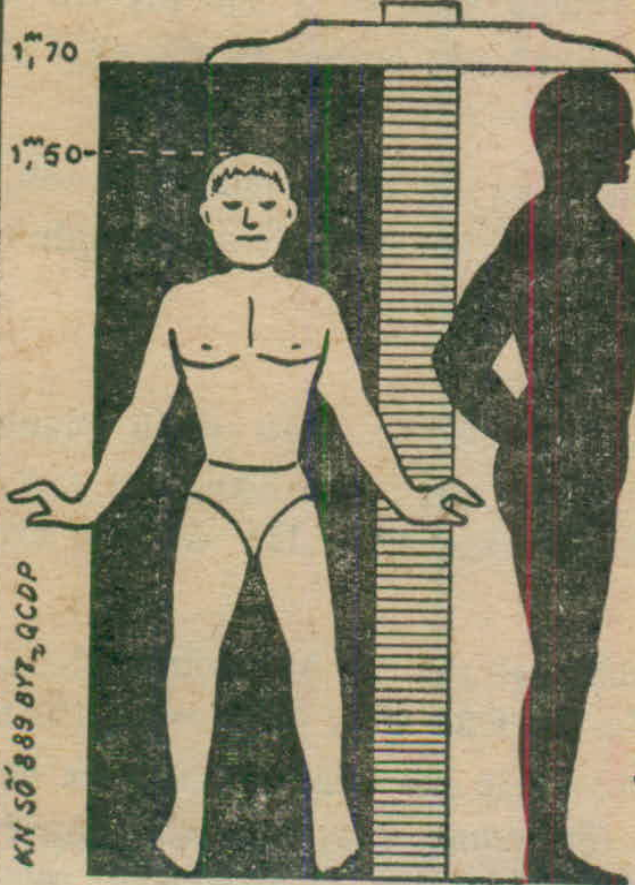
Các bạn yêu thơ không thể không tìm đọc :

THUYỀN GIẤY

Thơ **TRẦN-HUYỀN-ÂN**
BÁCH-KHOA xuất-bản
 Đã phát-hành tháng 12-1967

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
 - CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT,
VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Góp ý với Nguyễn-hiến-Lê **về công việc cầm bút**

Thân gửi anh Nguyễn Hiến Lê,

Trong B.K. số trước, anh có nêu câu hỏi : *bọn cầm bút chúng ta làm được những gì trong lúc này ?*

Và để trả lời, anh đã ôn lại lịch-sử văn-học, nhận định tình-hình hiện-tại và nhu-cầu của quốc-dân, rồi tự vấn tâm : tới đây, anh thấy người cầm bút chẳng giúp được gì cho đại-chúng, chỉ viết cho một thiểu-số ở thành-thị, theo phương Tây quá nhiều về mọi mặt nên càng ngày càng khác xa đồng-bào nông-thôn. Rồi anh thấy cần tự sửa chữa thế nào để hiểu rõ người ở xóm làng, viết giản-dị cho đa-số đọc nổi, thúc đẩy việc dạy Việt-ngữ ở Đại-học, biết chọn lọc những đầu học-hỏi của nước ngoài...

Trên đây, là những ý-kiến chính mà tôi chắc nhiều bạn cùng tôi đều phải tán đồng. Anh đã nói hộ rõ hơn những điều vẫn khiến tôi suy nghĩ. Riêng về sự cách biệt thành-thị và nông-thôn, anh gợi lại một cảnh và một nỗi bi-đát mà tôi đã có dịp bày tỏ trên B.K. này, năm 1958, trong bài *Hai cái Hồ*, hồ giữa các thế-hệ già trẻ, hồ giữa các tầng lớp đường phố và ở sau lũy tre xanh. Đối với tôi, đó là nguồn gốc của tình-trạng đau khổ mà chúng ta đã phải chịu đựng từ mấy chục năm nay.

Tuy-nhiên, tôi thấy có vài thắc-mắc, và đã trình ngay với anh, nhưng ngại rằng chưa nói được tường-tận, nên phải ghi lên giấy đề cùng anh nhận định rõ hơn về vấn-đề chung.

oOo

Khi đọc anh lướt đầu, tôi không khỏi buồn. Anh nhấn mạnh đến sự bất-lực của người cầm bút trước thời-cuộc, và nhắc lại những lời chê trách mà cho tới nay bao nhiêu vị ưu-thời mãn-thế đã hàng trăm lần đổ dồn vào giới gọi là trí-thức.

Anh xét có 5 nhu-cầu của quốc-dân, và cho là bọn mình vô-dụng đối với 4 nhu-cầu đó : Hòa-bình, Chủ-quyền, Tự-do Dân-chủ, Mức sống tối-thiểu.

Anh đã mặc-nhiên coi như bõn-phận gặt-gao của người viết văn : sự tranh-đấu và tranh-đấu cho đến thắng lợi rõ rệt, trong các lãnh vực công-cộng. Nói gọn hơn, là phải tranh-đấu chính-trị ? Vì nếu không phải là nhiệm-vụ mình, thì hà-tất bản khoản rằng mình chẳng làm được gì ?

Tôi thấy cần minh định.

Đối với các nhu-cầu do anh kể, mọi cộng-dân không phân biệt nghề nghiệp,

dù viết hay không viết, đều có bổn-phận thỏa mãn. Vậy nếu thấy mình chưa làm tròn phận sự, thì khó tránh bút-rút, nhưng bút rút ở cương-vị công-dân, chứ không phải với tư-cách nhà văn.

Vì trong thực tế, bổn-phận đối với Cộng-đồng, cũng chỉ đề làm đủ, nếu ta được phép theo năng-lực của mình, theo phương-tiện của mình, trong địa-hạt của mình. Chẳng ai quy trách-nhiệm về giá heo giá gạo vào người phê-bình văn-học hay định truyện nước ngoài. Tôi không hiểu vì sao anh phải thắc mắc.

Tôi chỉ hơi ngạc-nhiên khi anh bảo : « trong việc phát-triển kinh-tế, bọn cầm bút như chúng ta dĩ-nhiên không dự gì ». Thưa anh, công cuộc phát-triển này đòi hỏi sự nghiên-cứu rất rộng-rãi, về hàng trăm đề-tài trên lãnh vực dân-sinh : chúng ta cần tham gia, và có thể tham-gia. Chính anh, khi phổ-biến ý-kiến của Fourastié chẳng hạn, đã can thiệp vào sự giải-quyết vấn-đề chậm mở mang (sous développement).

Anh lại than : « ngay cả về đường lối phát-triển, ý-kiến của chúng ta cũng chẳng được đề ý tới ». Tôi không lấy làm lạ. Có phải hề ta viết, là chánh-quyền hay quốc dân phải chú trọng đâu ? Chánh-sách do anh hay tôi chủ trương, chắc gì đã có giá-trị thực-tiền ? Mạnh-tử còn chẳng được Tê-Tuyên hay Lương-Huệ-Vương nghe theo chút nào.

Nhưng không phải vì thế mà thầy Mạnh và chúng ta thiếu bổn-phận đối với nhân-quần : *Đắc chí, dữ dân do chi ; bất độc chí, độc hành kỳ đạo*, hẳn anh hiểu rõ hơn tôi. Nên đâu phải vì không được chiếu cố mà chúng ta sẽ ngưng viết ? Và nếu tôi chuyên viết về Triết-học, thì tại sao tôi áy náy vì triết-học của tôi không ảnh hưởng đến giá vải hay ngoại viện ?

Tóm lại, sự thành-tâm yêu nước của công-dân Nguyễn-Hiến-Lê, đã khiến học giả Nguyễn Hiến Lê coi rẻ cả hoạt động văn-hóa của mình. Xét theo tình, thì tâm-trạng đó đáng kính; nhưng xét theo lý, thì ý-kiến của anh chưa thuyết phục tôi.

Tôi sẽ rất hoan nghênh, nếu anh xông ra nghị-trường, hay vào chánh-quyền để lãnh trách-nhiệm trực-tiếp, hoặc viết những bài những sách tranh đấu cho Hòa-bình, Chủ-quyền và Tự-do, mức sống tối-thiểu v.v...

Nhưng tôi cũng xin anh đừng coi như vô-ích, những bộ văn-học-sử, triết-học-sử, và hàng chục sách về giáo-dục và thanh niên mà anh đã tốn công soạn thảo. Những văn-phẩm đó chưa « có ích gì » trong việc chống nạn đất-đỏ, hay đối với vấn-đề bang-giao Việt-Mỹ... song chắc anh tin vào giá-trị lâu dài của việc anh làm, mới cặm-ui viết tuy đau bao-tử quanh năm.

Anh sốt ruột, vì sự viết văn hình như không đáp lại những nhu-cầu cấp-bách trong hiện-tại. Nhưng nếu không viết, thì anh sẽ làm được gì hợp-thời hơn ?

oOo

Anh vẫn thấy cần viết, và cứ viết. Duy anh coi là một việc gần như bất-đắc-dĩ, một việc kém nhất, chỉ thuộc nhu-cầu thứ 5.

Nhu-cầu đó là sự trau giồi « kiến-thức tối-thiểu của một công-dân, » « Rút cuộc, chỉ còn có nhu-cầu cuối, là bọn cầm bút chúng ta có thể giúp được phần nào thôi, »

Tôi rất tiếc không thể đồng ý về điểm này, vì tôi có cảm-tưởng là anh hạ giá việc cầm bút, và hình như tự mâu-thuẫn.

Trước hết, có những người viết đề nêu ra những điều-kiện tối-yếu của sự nghị-hòa, hay những việc cần làm một khi chiến-tranh chấm dứt: họ nhắc nhu cầu số 1 mà anh đã kể. Lại có những người bình luận về dự-án Hiến-pháp, đề nghị những cải-cách hành-chánh, hoặc những biện-pháp kinh-tế v.v: họ nghĩ tới các nhu-cầu số 2, số 3, và số 4 của anh.

Và ngay đối với hạng viết vì nhu-cầu số 5, anh cũng nên xét lại cho công-bằng hơn.

Nếu chỉ nghĩ tới chiến-tranh, thì thoạt tiên thấy việc viết sách chẳng cần-cấp như việc cầm súng.

Nhưng nếu nghĩ rằng chiến-tranh này có tính cách toàn-diện, thì vấn-đề văn-hóa vẫn còn giải quyết như các vấn-đề chánh-trị, xã-hội, kinh-tế... Vậy, viết về các vấn-đề nan-giải đó, cũng là vào cuộc góp phần.

Hơn nữa, cứ phải viết khi còn có người đi học. Chiến-tranh càng kéo dài, thì cả hai việc càng phải tiếp tục, không thể chờ đợi tình-thế lắng dịu. Nên sự truyền bá kiến-thức không bao giờ trái thời và kém quan-trọng.

Sau hết, sao anh có thể quên được một nhu-cầu bao trùm cả 5 nhu-cầu của anh: nhu-cầu tiến mau của một xứ-sở chậm tiến mọi mặt? Và anh thừa rõ, sự thỏa-mãn tùy thuộc trước nhất trình-độ trí-thức của đại đa-số.

Anh lo lắng về Hòa-bình, Chủ-quyền, Dân-chủ, mức sống: nhưng chính vì thế mà chúng ta phải nóng lòng mong sớm nâng cao trình-độ kiến-thức của quốc-dân; và chính vì thế mà việc này vừa cần-cấp vừa khó-khăn, chứ đâu phải là một việc dành làm vậy?

Anh đã chép miệng thở dài: "... chỉ có thế thôi".

Thưa Anh, hãy thế đã, và ta hãy cố đem những hiểu biết của mình truyền cho những người không được may mắn học hỏi như chúng ta".

Tôi thấy nhiều rồi, và tất cả tháng ngày cùng sức lực của anh, hay của hàng trăm người như anh, chưa chắc đáp ứng đủ một nhu-cầu mà tôi mong anh xếp lại trên bảng thứ-tự ưu-tiên.

Và cũng xin anh đừng đòi hỏi quá nhiều ở người cầm bút hiện nay. Chưa ai giúp đỡ họ cả. Ngay trên B.K. này, chúng ta đã cùng nhau nhận định bao lâu những nỗi khó khăn của giới văn-hóa VN.

Sự phổ-cập đến đại-chúng ở nông-thôn là một lý-tưởng mà chúng ta phải đạt, song chỉ có thể thực hiện dần dần, khi tình-thế sáng sủa hơn trên mọi lãnh-vực an-ninh, kinh-tế, và giáo-dục.

Và lại, đối với đại đa số, tôi tin tưởng vào những phương-tiện thịnh-thị hơn là vào sách báo: như điện-ảnh, truyền-hình, ca kịch lưu-động, và các hoạt-động văn-ngệ có sức hấp dẫn nhiều hơn những tài-liệu ấn-loát.

Hiện nay, tôi chỉ dám ước ao rằng các tác-giả hãy cố chinh phục mà giúp ích nơi các giới ở thành-thị, nhất là những lớp người cần đọc nhiều nhất: như sinh viên, học sinh, tráng niên ít học, những đồng-bào nào muốn tiến trong nghề nghiệp hay cuộc đời, mà không buộc phải hiểu ngoại-ngữ.

« Các thầy các cô » mà đọc hộ cho, cũng phước đức lắm rồi.

Thân kính

D.T.

Mười năm không-gian học

● VŨ - ĐÌNH - LŨU

(thuật theo các tài liệu báo ngoại quốc)

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 263)

MẶT TRĂNG

Mặt trăng là vệ tinh thiên nhiên của ta và cũng là thế giới đề ta phóng rọi mơ tưởng của kiếp sống-thể phàm. Chi Hằng chiếm một địa vị ưu đãi trong mộng mị và trong truyền kỳ, đồng thời là mục tiêu lý tưởng của những thực hiện khoa học không gian ngày nay.

Từ năm 1957 người ta đã nuôi hy vọng sẽ lên được tới cung trăng thực sự chứ không phải chỉ bằng tưởng tượng hay trong giấc mơ. Chỉ hai năm sau, ngày 12-9-59, phi-thuyền Luna II hạ cánh xuống mặt trăng. Sự chinh phục ấy chưa có giá trị học thuật là bao, nhưng có giá trị tượng trưng hơi ồn ào. Giai đoạn đầu đã qua, cuộc thi đua lên mặt trăng bắt đầu, tiếc rằng tay đua chỉ có hạn. Thiên tài cũng bị giới hạn bởi tài nguyên: không là cường quốc giàu có thì không làm gì có may mắn đoạt áo vàng.

Hoa-Kỳ đã chính thức công bố ý định «đổ bộ» lên mặt trăng vào năm 1970 Liên-sô tuy không nói gì nhưng cũng mặc nhiên theo đuổi mục đích ấy. Muốn lên cung trăng phải biết rõ điều kiện sống trên mặt trăng và tính chất nguyên liệu cấu thành mặt trăng. Nhằm về mục đích ấy một số phi-thuyền chứa dụng cụ nghiên cứu đã được phóng lên mặt trăng. Nhưng kết quả của công-cuộc thám hiểm lại có giá trị về phương diện khác.

Khoa-học thái được những tài liệu quý giá mà mấy năm về trước không ai nghĩ rằng có thể có được.

oOo

Vào tháng 10 năm 1959, Luna III lần đầu tiên chụp được hình phía mặt trăng không trông thấy ở trái đất. Ảnh được máy vô tuyến truyền hình chuyển về trái đất tuy về phương diện kỹ thuật thì tinh xảo nhưng thực ra nó chỉ làm sôi nổi dư luận vì mới lạ chứ tài liệu khoa học chẳng có bao nhiêu, nhất là sau này người ta thu góp được nhiều tài liệu chân xác hơn.

Chương trình NASA của người Mỹ ve vãn chi Hằng bằng đường lối khác. Phi-thuyền Ranger bay gần mặt trăng hơn và dùng camera viễn hình truyền trực tiếp ảnh về. Năm 1964 con cháu nó đến nhiều khu vực khác nhau trên mặt trăng để chọn một chỗ thuận tiện cho người thám hiểm đầu tiên đặt chân lên cung Quảng. Năm sau người ta thành công trong việc điều khiển phi-thuyền hạ từ từ xuống mặt trăng.

Chương trình NASA gặp một vài khó khăn. Phi-thuyền Luna IX của Liên-Sô được hân hạnh đặt chân xuống mặt trăng trước tiên, vào ngày 3-2-66; máy hình chuyển về một loạt hình toàn đồ, cho

thấy cả từng hòn sỏi lớn độ vài phân.

Phi-thuyền Surveyor của Hoa-Kỳ hạ xuống mặt trăng ngày 2-6-66 không đến nỗi khó khăn lắm. Từ đấy nhiều phi-thuyền khác tiếp tục đáp xuống và chuyển hình về.

Tuy nhiên biết được những chi tiết nhỏ cũng chỉ biết được từng khu vực mà thôi, cần phải có những hình ảnh chụp được khắp mọi khu vực trên mặt trăng, tuy không hẳn là chụp lớn nhưng cũng phải đủ rõ để phân tích cho biết hình thể đất. Đó là nhiệm vụ của các vệ tinh xoay quanh mặt trăng như những Lunar Orbiter của Mỹ, Luna X của Nga. Những vệ tinh Lunar Orbiter cho biết hình ảnh toàn diện của mặt trăng với những chi tiết lớn độ vài chục thước.

oOo

Điều quan trọng là biết thể-chất của mặt trăng và biết mặt đất rắn, mềm, lún hay bị phủ nhiều bụi. Quan sát từ mặt đất chỉ biết những dữ kiện khó suy diễn và không giống những sự kiện liên-hệ tới các nguyên liệu thông thường trên trái đất như nước, đá, cây v.v..

Đất trên mặt trăng ít có tính chất hấp ánh sáng — nghĩa là tối. Từ năm 1945 những cách đo lường đầu tiên của Bernard Lyot đã cho người ta có cảm tưởng là trên mặt trăng có một lớp tro bao phủ, tro như tro ở các núi lửa phun ra. Sau này quan sát và đo lường mãi người ta đi đến kết luận là đất mặt trăng rất sộp, có lẽ khởi thủy cũng là đất rắn nhưng bị proton của mặt trời phóng mãi vào cho nên hóa ra sộp như vậy. Người ta còn khoan khoan mà nhận ra rằng trong phòng thí nghiệm lấy một vài thứ đá màu sáng sủa, phóng những ptotons cực mạnh vào liên tiếp

trong một thời gian, đá ngả ra màu nâu. Như vậy, có thể cắt nghĩa rằng ở trên mặt trăng có cái nền cũ đã chịu ảnh hưởng proton lâu đời cho nên có màu tối, nếu có đất mới phủ lên trên thì đất mới sẽ có màu sáng hơn.

Nhưng người ta vẫn không biết gì về bề dày của lớp phủ ngoài đó. Sự hiểu biết lại rất cần. Cần phải biết phi-thuyền không-gian đậu xuống một nơi đất rắn phía trên phủ một lớp bụi độ vài ly, hay đậu xuống là lún chìm sâu tới vài chục thước tro bụi. Những phi-thuyền Luna và Surveyor đã đem lại câu trả lời, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều câu hỏi khác. Phi-thuyền không bị chìm lún dưới tro; một chân của phi-thuyền Surveyor III đã nảy lên: nó đã đè lên một chất không chắc lắm, bề ngoài xù xì, gai nhỏ cỡ 1 ly đến một phân, rồi nó nảy lên, đặt xuống cạnh đó, để lại một vết hằn nhẵn nhụi chỉ sâu độ vài phân. Ngoài ra những ảnh chụp toàn đồ cho ta biết có nhiều "miệng núi lửa", bên sườn có đá rắn lòi ra, bên trên là một lớp đất hay cát gì đó dày hai ba thước.

Phi-thuyền Surveyor III còn có một cái xẻng máy để xúc đất xem đất có chắc không. Trên phim chụp xẻng đang đào một luống đất độ vài phân bề sâu, người ta rất kinh ngạc mà nhận thấy xẻng xúc ra một chất màu tối hơn màu trên mặt đất nguyệt-cầu. Như vậy là còn gì giá-trị của ức-thuyết mặt trời phóng proton ra làm mặt đất ở mặt trăng — khởi thủy có màu sáng — dần dần sẫm đen lại?

Một vấn đề rộng lớn hơn được đặt ra cho khoa học khi nghiên cứu kết quả của những cuộc thám hiểm ấy: Lịch sử mặt trăng thế nào? Những vùng

đất tròn, chung quanh lồm chồm đá, những miệng núi lửa to nhỏ đủ cỡ kia có từ bao giờ, bởi nguyên do nào mà có ?

oOo

Đã từ lâu, có hai thuyết tranh luận về nguồn gốc và tính chất của những miệng núi lửa trên mặt trăng.

Một thuyết cho rằng đó là những ngọn núi lửa thật. Người ta lấy làm thích thú mà chứng minh rằng nom giống hệt núi lửa của trái đất. Đối với một số người khác thì những vật ấy tương tự những hố đào lên do chất nổ hay do vật gì rơi đập mạnh vào mặt đất. Mấy ông vẫn còn có thể cãi nhau bằng thích vì bí mật vẫn còn. Những cuộc quan sát từ trái đất hay từ phi-thuyền lúc thì đưa ra chứng cứ phù hợp với lập luận của phe này, lúc thì đưa ra chứng cứ thuận lợi cho phe kia.

Hai vệ tinh Ranger và Orbiter thu thập nhiều tài-liệu. Căn cứ vào đấy người ta có thể cho là có cả hai nguyên nhân trong sự cấu tạo miệng núi lửa : có thứ là miệng núi lửa thật, có thứ là hố đào của vụn-thạch.

Thí dụ Luna III chụp phía bên kia của mặt trăng, cho thấy một vùng đất tròn lớn có dáng bất thường, đặt tên là vùng Tsiolkovsky, tên người khai sinh hóa-tiến chạy bằng hạch-tâm. Orbiter chụp lớn với nhiều chi tiết hơn, người ta thấy như có một khoảng rộng chứa đầy phún thạch đen, ở giữa nổi lên một thứ giống như cái đỉnh núi lồm chồm, màu sáng hơn. Trong nhiều vùng đất tròn khác ở mặt phía bên kia mặt trăng người ta có cảm tưởng rằng có chất bầy nhầy như phún thạch chảy lan ra.

Nhưng phe đối-lập cũng lên tiếng : Phía bên kia mặt trăng có một cái hố tròn còn mới, rất đáng cho là vết tích để lại của một vụn-thạch viếng thăm chi Hạng. Viên vụn-thạch nào đó đã lặn vào

cửa sau mà còn quên không xóa bỏ vết chân. Phi-thuyền Orbiter chụp nhiều hình của một vùng đất tròn rất lớn xung quanh nổi lên bức thành tròn. Toàn-thể vùng ấy có đường kính gần bằng một nửa bán kính mặt trăng. CLỗ gọi là Bề Đông của mặt trăng chính là một phần, một chi tiết nhỏ của vùng đất tròn đó. So với cái thành thì chiều sâu hình tròn nông mà lại rộng như thế, không thể nào là miệng núi lửa được. Chỉ có thể cho là cái hố đất lún xuống vì bị vụn-thạch lớn va mạnh, còn xung quanh đá nhấn lại, chồi lên.

Hình ảnh chụp của các phi-thuyền Ranger lúc nhào thẳng vào mặt trăng cho thấy những nơi chi chít hăm hố như cái bia tập bắn, thật khó lòng tưởng tượng ra đó là núi lửa. Cái có thể cho là vết tích những phún thạch do núi lửa phun ra. Những ảnh chụp tỉ mỉ hơn cho thấy những đường nứt nẻ, những gò nổi lên, những thung lũng giống như những « canyon », những dải đất giống như đôi-thạch. Những hình thế đất ấy không thể cho là tại vụn-thạch bắn vào mà thành. Vụn-thạch đập mạnh chỉ có thể gây ra những đường nứt nẻ do đó chất bầy nhầy trong lòng đất mặt trăng thoát ra ngoài.

Người ta cũng nghĩ đến những hiện-tượng làm cho đá vỡ và rã rời ra ; người ta cũng tự hỏi có nước đọng ở dưới mặt đất hay không. Còn phải đợi nhiều cuộc thám hiểm sau này mới trả lời được những câu hỏi đặt ra.

Nghiên cứu mặt trăng đã cho phép xác định thật đúng từ trường của mặt trăng (rất yếu) ; vết tích vụn-thạch nhỏ li ti (rất nhiều) ; phóng-xạ-tính ở mặt đất (nhiều hơn sự dự tính về trước, nhưng cũng yếu). Còn như khí-quyển mặt trăng thì rất thưa thớt. Người ta đặt giả-thuyết có nhiều chất hơi, nhưng phải lên tận nơi mới kiểm soát được.

Những tài-liệu về mặt trăng cần biết để người lên thám hiểm có thể coi như khá đầy đủ. Những năm tới đây có lẽ người ta sẽ nghiên-cứu và thực-nghiệm kỹ-thuật đưa người lên hơn là thăm dò mặt trăng. Người ta đã đề cập đến sự thiết-lập một căn cứ trên mặt trăng trong tương lai để giúp cho sự nghiên-cứu của nhiều ngành khoa-học nhất là ngành tài-niên-văn. Hẳn là không ai phủ nhận được tầm quan trọng của những công-độc vĩ-đại như thế.

oOo

Những hành-tinh khác

Cho đến ngày nay, sự nghiên cứu các hành-tinh còn lơ là. Người ta mới bắt đầu thăm dò Mộc-tinh, Hỏa-tinh và Kim-tinh, hoặc bằng kính khí cầu và hỏa tiễn, hoặc bằng vệ-tinh và dụng cụ thăm dò.

Kính khí cầu và hỏa-tiên đã cho phép vượt lên thượng tầng khí-quyền khỏi những lớp không khí vẫn ngăn cản những tia ở các tinh tú phóng đến trái đất. Nhưng muốn nghiên cứu tại chỗ thì không gì thay thế được dụng-cụ thăm dò không gian. Chỉ có một số nhỏ những dụng cụ ấy được phóng đi vì hai lý do:

1) Dụng cụ phải chịu đựng được mọi thử thách trong một hành-trình lâu như vậy;

2) Ít khi có những dịp thuận tiện để phóng đi, như phóng lên Kim-tinh và Hỏa-tinh thì hai năm mới có một tháng thuận tiện mà thôi.

Cho đến nay chỉ có hai dụng cụ thăm dò chuyên về cho biết những kết-quả đo lường vùng kế-cận các hành-tinh: Mariner-2 (1962) và Mariner-4 (1965). Còn những thí-nghiệm khác đều thực-hiện bằng kính khí cầu và hỏa-tiên. Người ta mới đo lường từng phần rơi

rạc chứ chưa đo lường toàn bộ, kết quả có khi mâu thuẫn với những kết quả đo được từ trái đất. Tuy nhiên sự thăm dò đem lại nhiều tài liệu khác.

Người ta dự tính chưa thể tới gần Mộc tinh trước năm 1972 hay 1975. Tuy nhiên từ 1959 Hoa-Kỳ đã nghiên cứu tia cực-tím của Mộc tinh.

Kết quả đo lường bằng hỏa-tiên ở độ cao 140 cây số cho biết rằng mật độ khinh khí đo được không phù hợp với kết quả đo lường từ trái đất. Khinh khí là thành phần chính của khí quyển Mộc tinh. Vấn đề còn phải nghiên cứu nhiều

Kim tinh tuy ở gần trái đất hơn Mộc-tinh nhưng sự hiểu biết lại ít ỏi hơn, vì Kim tinh bị bọc kín bởi một lớp mây, không quan sát được bằng viễn kính.

Từ năm 1959, dùng kính-khí-cầu và phân tách tia hồng-nội người ta đã có thể quả quyết rằng khí quyển Kim tinh chứa hơi nước. Chỉ có thể phỏng đoán thôi vì khó lòng phân biệt được đâu là hơi nước trên thượng-tầng khí-quyền trái đất, đâu là hơi nước ở Kim tinh.

Tại Kim tinh số lượng hơi nước ở trên cao cũng tương đương với số lượng hơi nước của trái đất ở cùng một độ cao. Năm 1965 cũng nhờ tia hồng-nội người ta khám phá ra có nước đá ở trạng-thái tinh-thể trong lớp mây cao. Nhiệt độ ở đây là - 30 độ bách phân. Trước kia người ta đã biết rằng có thán khí. Ba yếu tố: nhiệt độ vừa phải, thán khí và hơi nước khiến cho người ta ngờ rằng lớp mây đó thuận tiện cho sự sinh sống.

Có mây thì tất nhiên những lớp khí quyển gần mặt đất chứa nhiều hơi nước. Có lẽ tại có mây và có thán-khí cho nên gần mặt đất Kim tinh nhiệt độ cao (từ

300 đến 350 độ bách phân), mây giam hãm nhiệt độ dưới mặt đất không cho thoát đi.

Từ khi Mariner-2 cho biết nhiều tài liệu mới, người ta còn cho rằng mặt đất Kim tinh có nhiệt độ cao hơn nữa. Mariner-2 cho biết những tài liệu quan trọng về sự cấu tạo thê-chất của Kim tinh. Tuy nhiên, nói vậy không có nghĩa là người ta đã hiểu thê-chất ấy, đến thê-chất của trái đất cũng chưa biết được nữa là. Sự rắc rối là «muốn hiểu thê-chất trái đất phải lên mặt trăng mà tìm» như một nhà bác-học nọ đã nói. Không thể đục hẳn trái đất ra mà xem ở trong ruột (có gì, cái đó trời còn cấm, ít ra trong tình trạng khoa-học ngày nay. Bởi vậy người ta chỉ tìm hiểu loanh quanh, căn cứ vào trọng lượng, hình dáng, hướng và thời gian di chuyển cùng từ-trường của một hành-tinh mà đoán non đoán già mà thôi.

Kim-tinh làm sai lệch quỹ đạo của Mariner-2; người ta căn cứ vào sự sai lệch ấy để tính ra nó nhỏ hơn trái đất (0,81485 lần trái đất).

Chiều dày của lớp mây vào khoảng 100 cây số. Đường bán kính của Kim tinh vào khoảng 6050 cây số (trái đất 6371). Từ trường yếu, chỉ bằng 1 phần 10 từ trường trái đất.

Từ trường của Kim tinh và Hỏa-tinh đều yếu. Hai hành tinh này có nhiều điểm tương đồng với trái đất. Từ trường yếu là vì những hành tinh ấy không có chất kim khí ở trung tâm hay chất kim khí ở trung tâm ít quá chăng? Hay là tại không có nguồn tinh-lực nào kích động cho trung tâm kim-khí đó phát từ trường? Phóng-xạ-tính hay thủy-triều đóng vai trò kích động ấy chăng?

Ta hãy đợi khoa-học hậu hồi phân giải
oOo

Hỏa-tinh được người ta tìm hiểu nhiều hơn. Ngày 14-7-65 Mariner-4 đã đến gần và chụp 22 tấm hình gửi về trái đất; món quà ở một nơi xa xôi 220 triệu cây số hẳn là có một không hai.

Trước kia đã có nhiều kết quả nghiên cứu. Năm 1963 người ta đã tính ra rằng nếu cho hơi nước trong khí-quyển Hỏa-tinh đọng lại thành nước thì sẽ có một màng nước dày là 150 microns (một microns là một phần ngàn ly). Nhưng các nhà thiên-văn-học trên núi Wilson lại giảm xuống chỉ còn 14 microns.

Cũng năm 1963, căn cứ vào tia hồng-ngoại người ta tính ra sức ép của khí-quyển là 80 millibars (sức ép khí-quyển của trái đất là 1 bar), nhiều hơn kết-quả đo lường về trước (10 đến 25 millibars).

Mariner-4 đến đo tại chỗ. Nhân lúc nó khuất sau hỏa-tinh, người ta tương kế tựu kế cho nó phát điện-hiệu vô-tuyến-điện. Điện-hiệu phải đi qua khí-quyển Hỏa-tinh để đến trái đất vì thế bị lệch lạc. Căn cứ vào những sự-kiện ấy người ta luận ra nhiều điều về khí-quyển Hỏa-tinh:

Sức ép khí quyển gần 6 millibars, ít hơn những kết-quả thu được từ trước. Thán-khí rất nhiều, gần như là chất hơi duy nhất. Ở một nơi sức ép khí-quyển dưới 6 millibars thì không thể có nước ở thê lỏng được. Hỏa-tinh ở trong tình trạng ấy.

Không có nước, tia cực-tím phóng đến lại mạnh, như vậy trên mặt đất Hỏa-tinh khó lòng xuất hiện được sự sinh sống, tuy rằng có thán khí. Tuy nhiên

người ta còn ngờ rằng Mariner chỉ đo sức ép ở trên đồi, những nơi cao... Dưới thung lũng thấp hơn ngọn đồi nhiều cây số, sức ép hẳn là phải nhiều hơn, người ta vẫn hy vọng rằng sinh vật có thể này nở được dưới một hình-thức nào đó.

Trên cao 10.000 cây-số có từ trường rất yếu và không có điện-tử, như vậy vùng khí-quyền từ-tính của Hỏa-tinh không lên tới trên cao ấy. Do những nhận xét đó người ta có thể kết-luận rằng từ trường ở mặt đất Hỏa-tinh không quá một phần ngàn từ trường trái đất. Sắt không tập trung ở trung tâm như trường-hợp trái đất, nó có thể rải rác ở ngoài vỏ. Những công việc đo lường khác cho biết rằng mặt đất Hỏa tinh có thứ bụi ốc-xít kim-khí, nhất là ốc-xít-sắt.

Hai mươi hai tấm ảnh gửi làm quà chụp được 1% mặt đất Hỏa-tinh. Đếm được 300 miệng núi lửa, miệng rộng từ 3 đến 120 cây số đường kính. Nhiều chỗ

đất nứt nẻ dài đến 300 cây số (không có liên hệ gì đến cái mà người ta vẫn gọi là con kinh trên Hỏa-tinh).

Các nhà thiên văn cho rằng Hỏa tinh ở gần khu vực những hành tinh nhỏ và khí quyển thưa thớt, nó sẽ bị vằn thạch phóng vào mạnh và nhiều, gây ra những hầm hố nom như miệng núi lửa. Người ta cho rằng những miệng núi lửa đó sau khi tạo ra chắc sẽ bị lấp đi vì có gió đưa bụi đến rất nhiều, và cũng vì bị tan rã dần dần. Nghiên cứu ảnh chụp thì thấy lòng núi lửa ở đây nông hơn lòng núi lửa ở mặt trăng (so sánh miệng những núi lửa mà đường kính bằng nhau).

Người ta đang chuẩn bị những công cụ quan sát và đo lường mới. Phi-thuyền Mariner 5 và Venus 4 đã lên thăm Kim tinh.

Trong tương lai có lẽ sẽ có vệ tinh xoay quanh Kim-tinh và Hỏa-tinh và Phi-thuyền thăm dò Mộc-tinh nữa.

VŨ-ĐÌNH-LŨU

Tăng cường sinh lực

liêng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

của ANDRÉ MAUROIS

NGUYỄN-HIẾN-LÊ giới thiệu

(Xin xem BK.TĐ. từ số 256)

Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống

KẾT LUẬN

Viết theo thẻ vấn đáp

— Những lời khuyên của cụ hợp lý lắm; tôi ngờ rằng người ta không theo.

— Tôi có buộc ai theo đâu, cũng không bỗng dưng khuyên ai cả, người ta nhờ tôi chỉ bảo mà.

— Nó hợp với tuổi của cụ, không hợp với thanh niên « Lời khuyên của các ông lão như mặt trời mùa đông; có chiếu sáng mà không sưởi ấm. »

— Chính tôi cũng đã bảo rằng khi đi qua dưới những bóng đèn rọi của các tuổi kế tiếp nhau trong đời người, thì tính tình, đức tốt, tật xấu của con người đều thay đổi.

— Vâng, cụ có nói như vậy thật, nhưng như vậy thì tại sao lại còn khuyên một kẻ đang ở dưới ngọn đèn rọi Thanh niên phải tiết độ, ôn hòa? Lòng họ sùng sục những dục vọng và cuồng tình thì làm sao họ có thể hiền triết theo cái kiểu Marc Aurèle được? Nhất là ở thời đại chúng ta. Cụ cũng biết rằng cụ là người đồng thời với bọn beatnik, bọn thanh niên thịnh nộ, bọn « Blouson noir », bọn « provo » (1). Cái đạo khắc kỷ của cụ, họ có dùng làm cái gì đâu?

— Đạo đó, có thể tế độ họ được.. Với lại tôi đâu có viết cho họ. Tôi viết cho chàng Nathanaël (2), cho chàng Lucilius (3) của tôi mà chàng ta không phải là một thanh niên thịnh nộ.. Chàng ta lo âu, do dự? Có lẽ vậy. Tôi nói về con người Vinh cứu để thử trả lời cho nỗi lo âu đó của chàng ta.

— Con người vinh cứu mà có ích gì cho họ? Họ sanh trong một thời ghê gớm mà mọi thứ đương sụp đổ; họ đương chịu cái nỗi thống khổ của thời họ đây này.

— Thống khổ đâu phải là một cái gì mới mẻ René Werther, Adolphe (1) cũng đã đau khổ vì cái « bệnh của thời đại » Kafka, Bruckner (2) cũng đã tả cái « bệnh của thanh niên. » Cứ sau một thời xáo động, cách mạng chiến tranh, tới một thời tương đối yên tĩnh, bề ngoài có vẻ thịnh vượng, thì « đứ con của thế kỷ » lại buồn bực. Không dùng cái sức mạnh

(1) Beatnik, blouson noir provo ở Mỹ, Anh, Pháp cũng như bọn cao bồi du đảng ở nước ta. (2) Một giáo đồ của Chúa Ki Tô. (3) Bọn của triết gia Sénèque ở La Mã thời cổ.

(1) Ba nhân vật trong ba tiểu thuyết của Chateaubriand, Goethe và Benjamin Constant đều bất mãn về thời đại

(2) Chưa rõ Bruckner nào.

của mình trong quân đội được thì họ đập các cửa kính, đốt xe...

— Và chửi rủa các ông già.

— Cái đó nữa cũng chẳng đẹp gì, chẳng mới mẻ gì. Cái buổi diễn đầu tiên kịch Hernani, (3), nước Pháp Trẻ trung bêu rếu bọn đầu hói và la lớn: «Cái bọn đầu nhẵn bóng như đầu gối kia, đưa họ lên đoạn đầu đài đi!»

— Ít nhất hồi đó họ không đòi cầm quyền. Tôi nghe ở vô tuyến truyền hình một nữ sinh viên phản động tại Amster dám tuyên bố: «Phải cho bọn đàn ông ngoài ba chục tuổi về hưu cả đi.»

— Một thiếu nữ diễn nói bậy nói bạ Bọn bè cô ấy đã mạnh mẽ chống lại «Chúng tôi không muốn cầm quyền.» May thay! Nếu họ đòi thì dân chúng tất không giao cho họ. Cái khôn của bình dân rất quý trong sự kinh nghiệm. Viên tổng thư ký của đảng cộng sản có bao giờ là hạng con nít đâu.

— Cách mạng Pháp đã giao cho các tướng lãnh trẻ tuổi...

— Nhưng lại là một ông già, Seyrès đã đưa Bonaparte lên địa vị cầm quyền.

— Mà Bonaparte thì trẻ và làm cho bọn người già phải ngạc nhiên về kiến thức và óc già giặn của ông ta.

— Điều đó chứng minh cái gì? Chứng minh rằng tuổi tác là một yếu tố không quan trọng bằng tư cách. Giá trị con người không đợi tới lúc tuổi cao mới phát ư? Nhưng nó cũng tùy thuộc tuổi tác. Chàng thanh niên nọ chán ngán tất cả thì có khác gì một ông già; ông lão tám mươi kia tràn trề những trù hoạch thì tinh thần và thể chất vẫn là trẻ.

— Biết có được lâu không.

— «Trời ơi, thưa ông, thời gian mà ăn thua gì tới huyện này.» (4)

— Tôi xin lỗi Molière và cụ, nhưng thời gian mà một người còn được sống quyết định hoạt động của người đó. Muốn làm những cái cách lớn lao thì phải sống được nhiều năm.

— Hoặc là đào tạo một bọn trẻ có thể tiếp tục sự nghiệp của mình được. Và việc này tôi đã rán làm trong khu vực hoạt động hạn chế của tôi, bằng cách nhắc nhở cho một thanh niên xứng đáng, những chân lý mà tôi cho là lâu bền.

— Chân lý mà làm sao có thể lâu bền được khi mọi sự thay đổi cực mau chóng như lúc này? Một bạn đồng nghiệp của cụ bảo rằng chúng ta sống trong một thời đại mà viên trung úy biết nhiều hơn viên đại tá vì viên này đã ra trường từ lâu mà trong thời gian đó khoa-học đã đảo lộn hết thảy. Khi mà kỹ thuật làm thay đổi phong tục thì cái luân lý truyền thống của cụ còn giá trị gì nữa? Cái luân lý về tính dục làm sao có thể bất biến được khi mà hậu quả của các hành động tính dục không còn nghiêm khắc nữa? (5) Sự làm việc làm sao còn có thể là một bổn phận được khi mà những máy tự động làm cho nó hóa ra thừa. Tại sao cụ lại muốn rằng cái luân lý của năm 2000 phải là cái luân lý của năm 1000? Làm sao mà thanh niên niên không ưu tư, sầu khổ được khi họ không thấy lối thoát? Cụ đề nghị với họ cái gì? Cụ biết rằng họ muốn mạo hiểm. Đã bao lâu, các gương anh hùng của họ, cái vị chỉ huy của họ là những nhà hàng hải lão luyện, những nhà thám hiểm, những nhà tiên khu mở đường khai lối;

(4) Lời của Alceste trong kịch Le Misanthrope của Molière.

(5) Tác giả muốn nói đến sự thụ thai theo ý muốn.

(3) Của Vitor Hugo.

sau đó hàng không là nơi tụ hội của họ; lại sau nữa, là vũ trụ. Nhưng số người làm trên vũ trụ rất hạn chế. Ngân sách lớn nhất của thế giới cũng chưa đủ để gọi lên đó hai chục người. Vậy thì còn có việc gì cho thanh niên? Gây lộn, choảng nhau. Do đó mà có những cuộc bạo động vô lý và nản lòng đó, có cách nào hơn đâu?

— Tôi không đồng ý với bạn. Trên thế giới luôn luôn sẽ có việc mạo hiểm cho những thanh niên xứng đáng. Nhưng sau này sẽ là thứ mạo hiểm khác. Bạn tiếc rằng chúng ta không còn những đất xa lạ để thám hiểm; nhưng vẫn còn những đất « quen thuộc » mà chúng ta gần như chẳng biết gì hết. Đáy biển chờ đợi các nhà tiên khu đấy. Và khu vực của khoa học, của nghệ thuật nữa.

Người ta đã khám phá được nhiều rồi ư? Phải, nhưng cái gì cũng vẫn phải khám phá thêm nữa. Người ta đã viết nhiều rồi ư? Phải, nhưng cái gì cũng còn phải viết thêm nữa. Thành lập một hội văn hóa, một nhóm tìm tòi, một ban kịch chẳng phải là một việc mạo hiểm ư? Hai mươi lăm tuổi, không có tiền mà quay được một phim đẹp nhất thế giới, chẳng là một việc mạo hiểm ư? Xin bạn đừng lập lại cho thanh niên rằng họ khổ sở nữa; họ sẽ làm cái cần phải làm để khỏi khổ. Spinoza dạy chúng ta: « Nên nói với loài người về sự tự do của họ » Lời nói đó cũng đúng với thanh niên, và tôi đã rần nói với họ như vậy.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch

Kỳ tới: Lời đáp của thanh niên

ASPRO



trị:

CÁM CŨM ĐAU NHỨC



Pub. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

*Central Building, Queen's Road Central
HONG KONG*

**Téléphones : 24 — 6081 (8 lignes)
P.O. Box N° 763**

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion, 96 Nathan Road

KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent

Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique

«Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

BP N° 122



100 năm chủ-nghĩa Mác-xít

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA CHỦ-NGHĨA MÁC-XÍT TRONG THỜI-ĐẠI NGUYÊN-TỬ VÀ VỆ-TINH NHÂN TẠO

Từ sau thế chiến II, có nhiều hiện tượng đã xảy ra khiến người ta phải nghi ngờ những định-luật của chủ nghĩa Mác-xít mà trước kia có nhiều người tin-tưởng gần như mù quáng.

Hiện tượng thứ nhất là chủ-nghĩa tư-bản không phát-triển đúng như tiên đoán của Marx-Lénine. Từ sau Thế chiến 2, chủ-nghĩa tư-bản không những không kiệt quệ mà còn như thêm sức-lực mới. Trong cơn cuồng nhiệt tái thiết, các nước tư-bản bại trận Đức, Ý, Nhật, đã vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn để đạt tới một nền thịnh-vượng chưa từng có trong lịch sử của họ. Nhịp độ phát-triển kinh-tế của họ không những vượt nhiều nước tư bản khác mà còn vượt qua cả Nga-sô và các nước cộng sản Đông-Âu tân tiến nhất như Tiệp-Khắc và Đông Đức. Hiện tượng khủng-hoảng kinh-tế như kiểu cuộc khủng-hoảng 1929 không còn nữa. Chỉ có những cuộc thoái lui kinh-tế (récession économique) nho nhỏ rồi tiếp theo lại là những thịnh vượng mới (boom). Người ta cũng không nhận thấy hiện-tượng tập trung tư-bản mỗi ngày mỗi cao và sự nghèo khó của thợ thuyền

mỗi ngày mỗi cùng cực như Mác đã tiên đoán. Trái lại, người ta nhận thấy ở Hoa kỳ, tuy vẫn còn một số tư bản lớn, nhưng tư-bản đã rải rác trong tay một số nhiều người hơn (hiện tượng socialisation du capital) và thợ thuyền Mỹ đã có một mức sống cao hơn bao giờ hết và nhiều người đã có cả những cỗ-phần ở xí-nghiệp mà họ làm việc. Hiện nay ở Mỹ cứ trung bình ba người có một chiếc xe hơi. Mức sống của người dân Mỹ gấp đôi mức sống người dân Tây-Âu và ít nhất là gấp 4 lần mức sống của người dân Nga. Điều đó chứng tỏ là chủ-nghĩa tư-bản vẫn còn sức sống mãnh liệt chứ không tới lúc xế chiều như Mác từng tiên đoán.

Hệ tượng các nước tư-bản tương tàn cấu xé nhau để cho ngư-ông hưởng lợi cũng không còn nữa. Trong cuộc Đại-chiến II, nhờ có sự xung đột giữa các nước tư bản mà Nga đã thắng thế và một số nước Cộng sản ra đời. Nhưng từ sau Thế chiến II, các nước tư bản đã mở mắt. Tuy vẫn cạnh tranh nhau về kinh tế, nhưng trước khối Cộng sản, họ lập thành một khối những nước tự-do để bảo-vệ lấy nếp sống và sinh hoạt kinh tế

của họ. Đứng đầu khối đó là Hoa kỳ, quyết tâm đứng lên chặn đứng tất cả những mưu toan của Cộng Sản.

Hiện-tượng đế-quốc chủ - nghĩa đến ngày tàn như Lénine đã từng chủ trương trong cuốn : « Đế quốc chủ nghĩa, giai đoạn cuối cùng của tư bản chủ nghĩa » cũng không được chứng minh. Nếu các chủ nghĩa đế quốc thuộc-địa đã thực sự đi đến suy tàn, một hình thức đế-quốc chủ-nghĩa mới đã phát-triển : Đó là chủ-nghĩa đế-quốc kinh-tế. Những nước tư-bản tiên-tiến không còn nghĩ đến việc chinh phục đất đai nữa mà họ nghĩ đến việc đi chinh phục thị-trường bằng hàng hóa mà họ sản-xuất ra. Các nước chậm tiến nhược-tiểu là nơi mà tư-bản quốc-tế cạnh tranh nhau gay gắt. Nhờ sự giàu-thịnh của mình, nhiều nước tư-bản đã tạo nên những vùng ảnh hưởng kinh tế trong đó họ có nhiều đặc-quyền hơn các nước khác. Hình-thức đế-quốc này mềm dẻo hơn và còn nguy-hiểm gấp bội hình thức đế quốc thuộc địa (thực dân). Bên cạnh hình-thức đế-quốc kinh-tế của các nước tư bản, phe Cộng-sản cũng thực hiện một hình-thức phát-triển ảnh-hưởng ra các nước người dưng các hình-thức chiến-tranh giải-phóng dân tộc hay viện-trợ kinh-tế, văn-hóa, kỹ-thuật v.v. . mà các nước tư-bản gọi ngược lại là đế quốc đỏ

Tóm lại, giữa thế kỷ thứ 20 này, chủ-nghĩa tư-bản đế-quốc vẫn chưa tỏ vẻ gì suy yếu cả. Trái lại chủ nghĩa tư bản lại còn tỏ ra có sức sống mãnh liệt như nhịp độ phát triển kinh tế của Nhật và Tây-Đức đã vượt quá cả Nga-sô. Nhật hiện nay sắp tiến lên hàng thứ 3 trên thế giới về sản xuất kỹ nghệ.

Trong vòng vài năm nữa sức sản xuất của họ sẽ bằng cả Anh lẫn Tây-Đức gộp

lại và đến cuối thế-kỷ này họ sẽ bắt kịp mức sống Hoa kỳ, điều mà chính Liên-xô đã đề ra từ thời Khrouchev mà xét ra còn lâu mới đạt được. .

Một hiện tượng thứ hai là một số các nước cộng-sản được thiết-lập từ sau thế-chiến II không phải ở những nơi tư-bản hùng mạnh nhất, có một giai cấp thợ thuyền công đảo nhất như Mác đã từng tiên-đoán mà là ở những nước có một nền kinh-tế yếu-kém nhất, có một mức sống thấp nhất. Ở nhiều nước Đông-Âu, chế độ cộng sản được thành lập do bàn tay giải-phóng của Hồng quân Liên-xô, ở nhiều nơi khác như ở Nam-Tư, Trung-Hoa và Việt-Nam, Cộng-sản dựa vào cuộc kháng-chiến chống ngoại-xâm mà lên nắm chính quyền. Việc thiết lập chế độ cộng sản ở Trung Hoa lục địa với 750 triệu dân đã là một đòn nặng cho phe tư-bản và khiến cho Liên-xô thoát khỏi thế bao vây (encerclément capitaliste). Trung-Cộng không những là một thị-trường không lồ mất đi cho Hoa Kỳ mà còn là một đe dọa mới cho nền an-ninh của Mỹ ở khu-vực Tây Thái-Bình-Dương. Nhưng một hiện tượng mới xảy ra giữa các nước cộng sản với nhau mà lúc đầu ai cũng tưởng là một khối không rạn nứt (bloc monolithique) bởi vì cùng chung một lý-tưởng. Nhưng dần dần, những khác biệt địa phương, những ý thức quốc-gia còn sót lại, những lệnh lạc trong việc thi hành chủ-nghĩa, những sự va chạm quyền lợi đã đưa đến nhiều xích mích, lúc đầu còn nhỏ, sau trở nên rộng lớn như cuộc tranh chấp ý-thức-hệ Liên-xô, Trung-Cộng, những xu hướng quốc-gia trong các giới lãnh-đạo cộng-sản ở Lô-ma-ni, Ba-Lan. Ngày nay hiện-tượng chia rẽ trong giới Cộng-sản quốc-tế là một hiện tượng hiển nhiên. Trong phe cộng-sản, có

những nước theo Nga-sô, có những nước theo Trung-Cộng. Ngay cả trong những đảng cộng-sản ở các nước tư-bản, cũng có những đảng theo phe này hay theo phe khác. Thậm chí ngay trong cả một đảng cộng-sản cũng chia làm hai phe. Ví dụ như đảng cộng-sản Ấn, có phe cộng-sản theo Bắc-kinh thắng thế trong cuộc tuyên cử ở tiểu-bang Kerala. Còn đảng cộng-sản theo Nga thì lại thắng thế ở New-Delhi. Ở Bỉ cũng có một phe cộng-sản theo Bắc-Kinh. Ở Pháp, phe cộng-sản thân Mao xuất bản một tạp chí mới lấy tên là « Nouvelle humanité » để đối địch với tờ « Humanité » của phe cộng-sản thân Moscou. Hiện tượng chia rẽ giữa các quốc-gia cộng-sản và các đảng cộng-sản ngay từ trong nội bộ khiến cho cộng-sản mất rất nhiều người ủng hộ nhất là ở các nước Tây-Âu. Sau vụ Hung-gia-Lợi xảy ra vào năm 1956, các đảng cộng-sản Pháp và Ý đã mất rất nhiều đảng viên. Ở nghị trường đảng Cộng-sản Pháp trước có 25% số ghế nay chỉ còn có 20%. Đảng Cộng-sản Pháp chỉ còn chừng 1 triệu đảng viên với một dân số 50 triệu so với 1 triệu rưỡi vào năm 1945 trên một dân số khoảng 45 triệu dân.

Một hiện tượng thứ 3 là sự tiến tới độc lập hoặc bằng đường lối võ trang tranh-đấu, hoặc bằng đường lối hòa-bình tranh thủ của đa số các nước nhược-tiểu, cựu thuộc-địa. Một số những nước này ngã theo ảnh-hưởng của các nước Tây-phương, một số những nước khác ngã theo ảnh-hưởng của những nước cộng-sản. Nhưng một số lớn cố gắng theo một đường lối ở giữa hai bên hợp thành một khối mà họ gọi là không liên kết (non engagé), lợi dụng cả hai bên mà không thực sự theo bên nào. Khối của thế-giới đệ tam đó hiện nay chiếm đa số ở LHQ và đang

là mục-tiêu cho cả hai khối cộng-sản và tư-bản tranh thủ. Trong thời Mác và Lénine người ta không tiên đoán được sự thành lập của khối này. Họ gọi những nước này là những nước dân-tộc chủ-nghĩa mà họ cần phải giải-phóng khỏi bàn tay đế-quốc. Họ coi các nước đệ-tam này như là một lực-lượng đồng-minh, chứ họ không cho rằng các nước này có thể đứng ra ngoài cuộc tranh đấu, giữ một thái-độ trung-lập giữa hai phe. Chủ-nghĩa trung-lập không có chỗ đứng trong lý-thuyết cộng-sản. Đó là một hiện tượng vượt ra ngoài ý muốn của các người cộng-sản.

Một hiện-tượng thứ tư là sự tiến bộ vượt bậc của khoa học và kỹ-thuật trong thời hậu-chiến. Hậu-quả trực tiếp của sự tiến-bộ đó là sự nâng cao mức sống của con người. Những cái mà ngày xưa chỉ những tầng lớp tư-bản phong-kiến mới được hưởng, ngày nay đến những người dân thường cũng được hưởng. Những phương-tiện chuyên-chở tối tân làm cho người ta có thể đi hàng vạn dặm trong mười tiếng đồng hồ. Những máy vô tuyến truyền-thanh, truyền-hình đem những tin tức và thú vui lại cho từng gia đình một, ở những nơi hẻo lánh nhất. Nhờ đó mà sự đồng-hóa của các nền văn minh được thực hiện một cách dễ dàng. Những phát minh của khoa học đã đi sâu vào đời sống của con người và trong vòng 20 năm gần đây nó đã gây nên nhiều sự xáo trộn mà từ hàng bao thế-kỷ nay không có. Có thể nói là khoa-học đã rút ngắn giai đoạn và đẩy xã-hội loài người tiến lên theo một nhịp-độ gia-tốc. Những cái mà Lénine dự tính với sự phát-triển của điện-lực (ví dụ như một công-thức của Lénine được viết như sau: Cộng-sản = soviet + điện-lực) thì ngày nay đã bị vượt qua vì ngày nay người ta đã bước sang thời đại của nguyên-tử.

Có thể nói là nguyên-tử đã làm một

cuộc cách-mạng mới như điện-lực đã làm cách đây gần 100 năm.

Trong 10 năm sắp tới nó sẽ làm đảo lộn đời sống của con người như điện lực đã từng làm trước kia.

Áp dụng trong lãnh vực chiến tranh nó cũng làm thay đổi cả chiến lược chiến thuật của cả hai khối.

Thực vậy với những trái bom khinh khí đặt trên những đầu hỏa-tiên liên lục địa hoặc trên những tàu ngầm loại Polaris, hoặc trên những vệ tinh nhân-tạo như kiểu của Liên xô vừa sáng chế, những quan-niệm về chiến-tranh cổ điển trở nên lỗi thời cũng như thiết giáp hạm trở nên lỗi thời đối với sự phát triển của máy bay và hàng-không mẫu hạm. Những hệ-thống căn cứ quân-sự trở nên không còn cần thiết như trước nữa vì mỗi bên đều có thể tấn công hủy diệt bên kia ở bất cứ nơi nào. Với sự phát triển của bom khinh khí và của những phương-tiện chuyên chở nó, chiến tranh trở nên một đe dọa trầm trọng cho sự tồn vong của loài người. Do đó mà ngày nay không nước nào dám lãnh trách nhiệm gây một cuộc thế chiến thứ ba. Hiện nay không phải chỉ có Nga với Mỹ mới có bom nguyên-tử mà còn cả các nước Anh, Pháp và Trung-Cộng. Đặc biệt Trung-Cộng đã có những tiến bộ vượt bực về phương-diện này và trong vòng 10 năm nữa, Trung-Cộng sẽ là một cường quốc nguyên-tử đáng kể. Nhưng hiện nay trong cuộc chạy đua sản-xuất vũ khí nguyên-tử và chính phục không gian giữa Hoa kỳ và Nga-sô đã đến một mức độ rất cao khiến cho không nước nào dám nghĩ đến việc dùng thứ vũ-khí đó để tiêu diệt đối-phương. Các cường quốc trên thế-giới ngày nay, kể cả cộng-sản lẫn tư-bản (trừ Trung-Cộng), đang

tiến tới việc ký-kết một hiệp-ước cấm phổ biến vũ-khí hạt nhân, hoặc sử dụng nguyên tử-năng vào những công việc hữu-ích cho nhân-loại. Sự phát triển của khoa-học mà cả hai phe đều đạt tới mức khá cao đã khiến cho khả-năng chung sống hòa bình mỗi ngày một trở lên rõ rệt và cấp bách.

Riêng đối với phe cộng-sản, những hiện tượng trên đã đưa đến những xáo trộn trong vấn-đề ý-thức-hệ cũng như trong vấn-đề chiến-lược chiến-thuật, gây nên mâu-thuẫn trầm trọng giữa những nước tự coi là anh em, giữa những người tự coi là đồng-chí. Đó là những điều mà chúng ta sẽ cố gắng phân tách trong phần dưới đây.

Từ khi Staline mất, nhóm cầm quyền trong đảng phân hóa rõ rệt, tranh chấp và tranh trùg lẫn nhau. Từ năm 1956, Khrouchev lên cầm quyền và trong vòng 9 năm thực-hiện một đường lối chính-trị mà Trung-Cộng đã lên án là đường lối xét-lại (revisioanisme). Ta thử xét xem chủ-trương của Khrouchev có thực sự là xét lại không.

Chính Khrouchev là người đã cho nổ trái bom khinh khí lớn nhất: 100 triệu méga-ton. Chính Khrouchev là người quyết định phóng vệ-tinh nhân-tạo đầu tiên của loài người. Vì thế cho nên hơn ai hết, Khrouchev rất tin tưởng vào khoa học, vào sức mạnh của vũ khí và do đó cũng giảm bớt một phần nào sự tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân. Vì tin tưởng vào khoa-học kỹ-thuật nên Khrouchev cũng ngăn luôn cả nước có một nền khoa-học và kỹ-thuật tiến-bộ nhất thế-giới là Hoa-Kỳ. Trung-Cộng gọi Hoa-Kỳ là con cọp giấy. Khrouchev vội chữa: « Nhưng con cọp giấy đó có răng nguyên-tử ». Vì ngăn Hoa-Kỳ nên mới nghĩ đến vấn đề chung sống hòa

bình và thi đua phát - triển kinh - tế. Đề bênh vực lập - trường của mình, Khrouchev đã đoán quyết là với tính cách hơn hẳn của nó, phe xã hội chủ - nghĩa sẽ thắng. Khrouchev đã lấy năm 1970 làm mốc và đưa ra những chương trình 5 năm, 7 năm. Cho tới năm 1970 Liên-xô sẽ vượt Hoa Kỳ về sản xuất theo đầu người. Liên-xô sẽ ở tình-trạng rồi rào và bước vào giai đoạn kiến thiết cộng-sản chủ - nghĩa. Cuộc chạy đua kinh-tế sẽ minh-chứng tính-cách hơn hẳn của phe xã-hội chủ - nghĩa và trong tương lai chủ - nghĩa cộng-sản sẽ thắng chủ - nghĩa tư-bản mà không cần phải xảy ra một cuộc chiến tranh. Do đó, phải dồn hết khả năng vào việc kiến thiết Liên-xô, nâng cao nhịp độ sản xuất và mức sống của nhân-dân Liên-xô để Liên-xô sớm bắt kịp Hoa-Kỳ. Cuộc chạy đua võ-trang cũng chỉ có tính cách để tránh chiến tranh. Những cuộc viện-trợ cho những nước chậm tiến chỉ cốt là để tranh thủ với viện-trợ Mỹ. Đối với Nam-Tư, ta thấy Khrouchev đã bắt tay hòa với Tito, để cho Nam-Tư trở lại gia đình những nước cộng-sản, những cuộc gặp gỡ Khrouchev-Eisenhower, Khrouchev-Kennedy, việc đặt đường điện thoại đã nối liền tòa Bạch-cung với điện Cẩm-linh. Tất cả những sự kiện đã cho ta thấy các nhà lãnh đạo Liên-xô có hơi coi nhẹ sức mạnh của nhân-dân và coi nặng giá-trị của vũ-khí và kỹ thuật, xa rời con đường đấu-tranh cách-mạng, không tích-cực khuyến khích và nâng đỡ những phong trào nổi dậy ở hải-ngoại, nặng về xây-dựng kinh-tế hơn là đấu tranh chính trị.

Đường lối đó hơi giống đường lối của phe đế-nhị quốc-tế. Do đó mà Trung Cộng đã chỉ trích các nhà lãnh đạo đảng Cộng-sản Liên xô là bọn xét lại hiện-đại, đi sai lạc đường lối của Lénine. Thực

ra, khi thi hành đường lối chủ trương của mình, Khrouchev luôn luôn viện dẫn Lénine, cho rằng mình bao giờ cũng là đệ tử trung thành của nhà lãnh-tụ cách-mạng vĩ đại của Liên-xô. Khrouchev cho rằng chủ nghĩa Mác-Lê phải luôn luôn uyển chuyển và đi sát với thực tế, phải luôn luôn dùng ánh sáng của biện-chứng-pháp duy vật soi vào các sự-kiện của xã-hội đương thời để tìm ra một đường lối tiến lên. Do đó không nên giáo điều không phải chỉ biết phân tách tỉ mỉ những câu nói của Mác-Lê mà phải biết sáng-tạo áp-dụng chủ - nghĩa vào thực-tế đấu tranh. Xã-hội Liên xô vào giữa thế kỷ thứ 20 không còn giống xã-hội Liên-xô lúc cách mạng. Nhân dân Liên-xô có những đòi hỏi mới chính đáng, cần phải được thỏa mãn. Cơ cấu của xã-hội các nước ngày nay cũng khác cơ cấu của thế-giới cách đây nửa thế-kỷ, Phải biết hành động, áp dụng chủ nghĩa Mác-Lê thì mới xứng đáng là đệ-tử của Mác-Lê.

Hơn nữa, theo Khrouchev, Liên-xô vẫn là một thành trì của cách mạng thế-giới. Cần phải tập trung lực-lượng để kiến-thiết cộng sản chủ - nghĩa ở Liên-xô trước đã, nhiên hậu mới có thể phát triển chủ - nghĩa cộng-sản ở các nước khác. Đó là đường lối mà phe đế-tam quốc-tế đứng đầu là Lénine, Staline đã từng đưa ra trong chủ trương « cách mạng vô sản có thể thắng lợi trong một nước ».

Tuyên truyền của Trung-Cộng thường hay dựa vào những điểm đó để lên án Khrouchev, đã viện dẫn chủ - nghĩa Mác để phản bội chủ nghĩa Mác, sa lầy vào kinh tế chủ nghĩa bỏ rơi các dân-tộc nhược tiểu và quần chúng đấu tranh.

Trong cuộc tranh đấu ý-thức-hệ Nga-Hoa mỗi ngày một gay gắt, Khrouchev đã phạm phải một sai-lầm lớn trong vụ

Cuba khiến uy-tín của ông bị lung lay và ông phải rời chính quyền vào năm 1963. Trong vụ này Khroutchev đã đem những giàn hỏa-tiến sang trang bị cho Cuba, cốt để hăm dọa Hoa-kỳ. Nào ngờ Tổng-Thống Kennedy lại tỏ ra hết sức cương quyết khiến Khroutchev phải rút dũa. Hành động đó đã làm Castro lạnh nhạt với Liên-xô và xích gần lại Trung Cộng và Trung-Cộng cũng nhân dịp đó để mở một chiến-dịch tuyên-truyền chống Liên-xô ở các nước cộng sản và trung-lập. Sự rạn nứt giữa hai xu-hướng Bắc-kinh và Mạc-tư-khoa không còn thể nào hàn gắn được nữa.

Đến đây ta cũng cần nêu ra một xu hướng mới xuất hiện của phong trào cộng-sản quốc-tế. Đó là xu-hướng của Castro và Che Guevara. Một điểm đặc biệt là Castro không phải là một đảng viên cộng sản. Ông chỉ tự xưng là một người Mác-xít. Ông đã cướp được chính quyền ở Cuba trong một cuộc phiêu-lưu mạo hiểm nhờ ở sự phản nộ của quần chúng đối với chính quyền độc-tài Batista do Mỹ ủng-hộ. Từ đó xu-hướng cách-mạng của Castro cũng có tính cách phiêu-lưu mạo hiểm hơn, chống Mỹ còn quyết liệt hơn cả những đảng cộng-sản Nam-Mỹ. Cả Bắc Kinh lẫn Mạc-tư-Khoa tuy vẫn phải triệt-đề ủng-hộ chế-độ Castro nhưng cũng phải ngăn tính cách phiêu-lưu mạo hiểm của những nhà lãnh-đạo cách-mạng Cuba; Nga thì lo ngại sẽ phải bỏ tiền ra không cơm cháo gì, còn Trung-cộng thì e rằng hành động quá sớm của phe Castro sẽ làm hỏng cả phong trào cách-mạng Nam-Mỹ. Do đó mà Castro tuy vẫn nhận sự giúp đỡ của cả hai bên mà vẫn mặc sức chỉ trích cả hai ông không lồ cộng-sản, cho ông này là khuynh hữu và ông kia là khuynh tả.

Dù sao ta phải nhận thấy Khroutchev

và những người kế-vị của ông (Brejnev, Kossygine), có lẽ vì hoàn cảnh của xã-hội Liên-xô, đã có nhiều xu hướng thỏa-hiệp hơn là cách mạng. Liên-xô ngày nay là một nước tiên tiến, có một mức sinh hoạt cao, có một nền kinh-tế phồn-thịnh. Xã-hội Liên-xô ngày nay nặng về xu hướng hưởng thụ. Liên-xô là một nước cộng-sản giàu, cố nhiên không giống những nước cộng-sản nghèo khác. Liên-xô ngày nay có nhiều kỹ-thuật-gia, nhiều nhà khoa-học nhất thế-giới (nhiều hơn cả Hoa-kỳ). Kossygine cũng xuất thân là một kỹ-thuật-gia. Cố nhiên là tư tưởng Mác-xít phải lọc qua một nhãn quan khoa-học, trở nên có tánh cách ôn hòa, thiếu hẳn tánh cách quá khích của cách mạng. Do đó mà họ xích gần lại với Tây-phương hơn và theo danh từ chính trị thì đó là khuynh-hữu.

Xu hướng ôn hòa, nặng về chung sống hòa bình và nhẹ về chiến tranh cách mạng đã làm cho các nhà lãnh đạo Bắc-kinh sôi sục, lúc đầu còn nói xa nói gần, sau nói thẳng và gọi đích danh Khroutchev để gán cho danh từ xét lại, phản bội cách mạng phản bội chủ nghĩa Mác-Lê. Theo Trung-cộng thì các nhà lãnh đạo Liên-xô đã tiếp tay cho đế quốc Mỹ là tay đế quốc sừng sỏ nhất thế-giới, kẻ thù số một của nhân-loại, để đàn áp những phong trào cách mạng và giải-phóng dân-tộc. Ở trong nước thì họ đã làm tái sinh lại thể lực tư bản, nhờ sự trợ giúp của các quốc-gia tư bản Tây-phương như Anh, Pháp, Ý để xây dựng nền kinh tế xã-hội chủ-nghĩa. Họ đã áp dụng những phương pháp và tiêu-chuẩn Tây-phương trong công việc sản-xuất kỹ-nghệ, tăng cường buôn bán với các nước Tây-phương. Như vậy sẽ làm cho người ta mất tin tưởng vào tính cách hơn hẳn của nền kinh-tế xã-hội chủ nghĩa. Họ đã thất bại trong việc xây dựng nông-nghiệp xã-hội chủ-nghĩa vì họ không thực hiện được phương-châm công - nông liên minh, Đ

chứng tỏ sự sai lầm của «bè lũ Khrouchev», Trung-Cộng đã đề cao Staline mặc dầu Staline cũng đã có phạm nhiều sai lầm đối với Trung-Cộng đặc biệt là trong hồi đệ-nhi. Thế chiến đã không tin tưởng vào lực lượng của Cộng-sản Trung-Hoa, không tin là Mao và các đồng chí của ông có thể lên nắm chính quyền và do đó đã tích cực giúp đỡ Tưởng-Giới-Thạch.

Việc tôn thờ cá nhân lại được thịnh hành hơn bao giờ hết ở Trung Cộng. Mao Trạch Đông được coi như một vị thần sống. Những lời nói của ông được mọi người ghi chép và phổ biến một cách sùng kính. Những tấm ảnh khổng lồ của Mao được treo khắp mọi nơi cũng như ngày xưa những tấm ảnh của Staline. Người ta có thể nói là việc tôn thờ Mao ngày nay còn hơn cả việc tôn thờ Staline ngày trước. Mao được coi như vị lãnh-tụ vĩ đại, người thầy vĩ đại, người lèo lái vĩ đại của nhân dân Trung-Hoa và của nhân dân cách mạng toàn thế giới. Cổ nhiên là việc tôn thờ cá nhân này bị Liên-xô lên án kịch liệt, coi là trái với chủ nghĩa Mac-Lê chỉ hấp nhận sự độc tài của giai cấp vô sản, của đảng lãnh đạo, chứ không chấp nhận sự độc tài của cá nhân. Vì thế cho nên các nhà lãnh đạo Liên-xô đã ngấm ngấm vận động để gạt bỏ Mao Trạch Đông ra khỏi chính quyền ở Trung Cộng. Làm được như vậy Liên-xô sẽ có cơ giải quyết dễ dàng cuộc tranh chấp ý-thức-hệ-hệ-nay, xây dựng lại sự đoàn kết của khối Cộng Sản. Các nhà cầm quyền đảng và nhà nước Liên-xô hy vọng có thể làm được như vậy vì ở trong nội bộ đảng Cộng-sản Trung-Hoa cũng có nhiều sự chia rẽ, có nhiều phần tử muốn nối lại gậy liên lạc với Liên-xô theo đường lối xây-dựng xã-hội chủ-nghĩa của Liên-xô, hướng về chung sống hòa bình

và kiến thiết kinh tế.

Mao và những người theo ông cũng nhận thấy rõ như vậy nên việc đầu tiên của ông là phải thanh lọc hàng ngũ đảng và chính quyền. Nhưng việc thanh lọc đó chỉ đào thải được một số người chứ không quét sạch được hàng ngũ. Vì thế mà Mao và các người theo ông phải quyết định thổi một luồng gió mạnh vào hàng ngũ đảng và chính quyền để quét sạch mọi lực lượng chống đối. Đó là mục đích của cuộc đại cách-mạng văn-hóa đã làm xáo trộn xã-hội của Trung-Hoa lục-địa trong vòng gần hai năm nay (1). Lưu-thiếu-Kỳ đã bị gọi là «tên Khrouchev của Trung-Quốc». Nhóm lãnh-đạo đảng theo xu-hướng của Lưu-Thiếu-Kỳ và Đặng-tiêu-Binh bị gọi là những người theo «chủ-nghĩa kinh-tế» những «người trong đảng theo đường lối tư bản», những người muốn khôi phục lại uy thế của giai cấp tư-bản, địa-chủ ở Trung Quốc, những người muốn theo đường lối xét lại của Liên-xô.

Mao đã nhằm phát động trong cuộc Cách-mạng văn-hóa, lực-lượng vệ-binh-đỏ nhưng thành phần thanh thiếu-niên đã được giáo-dục «yên ổn» trong đường lối tư tưởng Mao-trạch Đông, nhằm thanh lọc xã-hội Trung-quốc, quét sạch đối lập, củng cố hậu-phương, để hướng toàn thể lực-lượng vào cuộc chiến đấu chống chủ-nghĩa xét lại ở Liên-xô và giành quyền lãnh đạo thế giới cộng-sản. Với phong trào vệ-binh-đỏ, tư tưởng Mao-trạch-Đông không những lan tràn mạnh trong nội-địa Trung-Quốc mà còn ở nhiều nước trên thế-giới. Cuốn sách nhỏ «Tư tưởng Mao-Trạch-Đông» được in ra ở nhiều nơi và bằng nhiều thứ tiếng, đã bán chạy như tôm tươi ở Pháp, ở

(1) Xin xem Bách khoa các số 238, 255, 261

Tây-Đức, ở Ý, Bỉ... Nhiều người, muốn tỏ là mình tôn sùng tư tưởng Mao-Trạch-Đông, lại còn ăn mặc theo kiểu của Mao. Nhiều đảng viên cộng-sản ở các nước Tây-Phương và cả ở những nước chậm tiến khác như Ấn-Độ, Miến-Điện, đã tách ra khỏi đảng cộng sản để lập thành một nhóm mới theo đường lối của Mao. Người ta có thể nói tới một thứ đế-quốc quốc-tế do Bắc-kinh lãnh đạo để chống lại với đế-quốc quốc-tế của Mạc-tư-Khoa. Mao-trạch-Đông muốn vươn lên nắm lấy cây cờ của Mác-Lê-nin đang ở Mạc-tư-khoa để lãnh đạo vô-sản toàn thế giới, liên-hiệp cùng các dân tộc nhược tiểu, đưa cách mạng vô-sản tới toàn thắng. Người ta thấy rõ trong phong trào cộng-sản thế-giới ngày nay có hai xu hướng đang song song phát triển và cùng tự nhận là theo đúng đường lối của Mác-Lênine.

Xu-hướng của Mạc-tư-Khoa chủ-trương chung sống hòa-bình với tư-bản-lấy thi đua phát triển kinh-tế làm chính, nâng cao mức sống và tinh-thần giác ngộ của quần chúng để hòa-bình tiến tới cộng-sản chủ-nghĩa. Cuộc tiến tới đó sẽ thực hiện theo từng mức độ khác nhau. Giai-cấp vô sản và các tầng lớp liên minh sẽ tiến tới nắm chính quyền bằng những phương-tiện hợp pháp. Chiến-tranh, vì tính-cách hủy-diệt toàn-diện của nó, sẽ bị hủy bỏ vì nó không còn thích hợp với sự tiến-hóa của xã-hội loài người. Ở những nơi nào có chiến tranh phải tìm cách dập tắt đi để dùng con đường hòa bình tranh thủ với các lực lượng tư bản đế-quốc mà họ cho là sắp đến ngày tàn lụi trước sức đấu tranh bền bỉ và mỗi ngày một lớn mạnh của giai-cấp công-nhân cùng các dân-tộc bị áp bức trên thế giới.

Xu-hướng của Bắc-kinh chủ-trương phải phát động chiến tranh cách-mạng ở khắp nơi, chủ yếu là ở các nước dân tộc chủ nghĩa đang nổi lên chống đế quốc. Ngọn lửa chiến tranh sẽ được khởi động ở khắp nơi để phân-tán lực-lượng của phe đế-quốc và tiêu diệt nó. Trong cuộc đấu tranh này, giai-cấp vô-sản phải được tôi luyện và kiên-trì trong gian khổ, lúc nào cũng phải đứng hàng đầu lãnh đạo các giai-cấp khác, chủ yếu là nông dân, để giành lấy thắng lợi cuối cùng. Không thể giới hạn hoạt động cách mạng trong một nước hay hai nước mà phải phát động chiến tranh cách mạng ở khắp nơi, ở tất cả những nơi nào có thể phát động được, đi vào một cuộc chiến đấu toàn diện với phe đế quốc. Ta thấy xu hướng này có nhiều chỗ hơi giống xu hướng của đế-tứ quốc-tế về "cách-mạng thường-trực".

Vì tính cách sôi sục của nó, xu hướng Cộng-sản Bắc-kinh ngày nay là một mối nguy lớn cho hòa-bình thế-giới, một cản trở cho việc chấm dứt chiến cuộc Việt Nam. Nếu sắp xếp, ta phải nhận thấy xu hướng đó ở cánh tả nhất của cộng sản quốc-tế ngày nay.

Tóm lại, 100 năm sau khi đế nhất quốc-tế do Mác sáng lập ra đời, chủ nghĩa cộng sản đã phát triển không ngừng qua từ giai-đoạn này sang giai-đoạn khác. Ngày nay, mặc dầu có những sai lầm lớn lao của nó, khiến cho đà phát triển của nó phải chậm lại, nhưng phong-trào cộng-sản vẫn còn là phong trào vận động quần chúng lớn nhất của thế-kỷ và có lẽ còn của cả thế-kỷ sau nữa. Theo một bản tường trình của các cơ quan tình-báo của bộ ngoại-giao Hoa-kỳ, do báo Express thuật lại, thì trên thế giới hiện nay có 46 triệu đảng viên cộng-sản, nghĩa

là cứ 74 người dân thì có một người cộng sản. Nếu chỉ kể những người tới tuổi trưởng thành thì tỉ số đó là 1/35. Khoảng 93,8% số đảng-viên đó tập trung ở các nước cộng-sản, trong số đó có gần 1/2 ở Trung Cộng, 1/4 ở Liên-xô. Số còn lại ở các nước Tây Âu (4,5%), Á Châu (1,3%). Phi Châu chỉ có 38.000 và Châu Mỹ Latinh 172.000.

Kiểm điểm lại sự hoạt động của các đảng cộng-sản, báo Express đã cho biết Đảng cộng-sản Ý là đảng lớn nhất Âu Châu chỉ còn có hơn một triệu đảng-viên (trước kia có tới hai triệu). Đảng cộng sản Indonésia có tới 2 triệu đảng-viên nay đã bị tan tành (có tới 400.000 đảng viên cộng-sản Indonésia bị giết, kể cả Aidit, viên Tổng-bí-thư trẻ tuổi và lỗi lạc của đảng đó). Trong số 88 đảng cộng-sản trên thế giới, 14 đảng đang nắm chính quyền, nhưng có 41 đảng khác bị cấm hoặc bị giải tán. Chừng 50 đảng theo về phe Nga và 5 đảng nhất định theo Trung-Cộng (Đó là các đảng của Albanie, Mã-Lai, Singapore, Thái-Lan và Tân-Tây-Lan). Đảng cộng sản Ấn-Độ tuyệt giao với cộng-sản Trung-Hoa nhưng cũng lại lên án Cộng sản Nga là xét lại. Cộng-sản Bắc-Hàn ngả theo Mạc-tư-khoa, chỉ trích cuộc cách mạng văn-hóa là phá vỡ sự đoàn kết của khối cộng sản. Còn cộng sản Bắc-Việt thì vì phải chiến-đấu chống Mỹ nên đã có một thái-độ nước đôi ngỗ hầu chiều lòng cả hai bên đàn anh để tiếp tục nhận viện trợ của cả hai nước. Nhưng ở trong nội bộ thì ta thấy xu-hướng theo Bắc-kinh có vẻ thắng thế vì ở trong tình trạng

một nước chậm tiến, đang chiến đấu khốc liệt với một nước hùng mạnh nhất thế-giới, chủ trương của Bắc-kinh có vẻ hấp dẫn hơn. Nhưng vì khát vọng hòa bình của dân tộc Việt-Nam mỗi ngày một tăng nên xu hướng theo Nga vẫn không bị gạt bỏ và đảng cộng-sản Bắc Việt hiện nay là đảng cộng-sản độc nhất được cả Bắc-kinh lẫn Mạc-tư-Khoa đều vuốt ve lôi kéo.

Đề kết-luận bài sơ-khảo này, ta thấy 100 năm sau khi thành lập đệ-nhất quốc-tế và quyền tư-bản-luận đầu tiên ra đời, chủ nghĩa Mac-xít đã tiến triển rất nhiều, nhiều khi vượt qua cả những tiên đoán của Marx, nhiều xu hướng khác nhau đều tự vô ngược là đệ-tử của Marx, nhưng nếu Marx có tái sinh cũng không biết nhận ai là học trò chính cống. Những sự chia rẽ trầm trọng trong phong trào cộng-sản quốc tế ngày nay báo hiệu một sự phân hóa tất yếu, tiếp theo liền những đảo lộn của cơ cấu sản-xuất và bộ mặt mới của thế-giới hồi hậu-chiến. Tuy nhiên biện-chứng-pháp duy-vật vẫn còn là kim-chỉ-nam cho tất cả những người cộng-sản dù thuộc xu hướng nào. Những người tự xưng là đồ đệ của Marx là những người đã tự cho là biết vận dụng biện-chứng-pháp đó vào thực-tế của xã-hội đấu tranh. Ai là người vận-dụng đúng? Bắc-kinh hay Mạc-tư-Khoa? Vì thế cho nên trong tương-lai, phong trào cộng-sản quốc-tế còn hứa hẹn nhiều biến đổi mới. Những biến đổi đó sẽ có một ảnh hưởng quyết-định đến sự tiến hóa của xã hội loài người, sẽ có thể thay đổi bộ mặt của thế-giới ngày mai.

TRUYỆN DÀI

VỖ HỒNG

GIÓ CUỐN

|| | Chị không thể như thế được.
Chị không thể...

Tôi ngược mắt nhìn Trác :

— Ai kể lại với anh ?

— Phượng.

Tôi gật đầu :

— Đúng, Tôi nhảy với Mansfield. Năm, sáu bản gì đó. Tôi đã uống rượu. Hai, ba ly gì đó. Tôi đã say. Tôi đã mửa ra bàn. Đúng hết. Anh muốn gì ?

Trác trở mắt nhìn tôi. Tay anh đưa tới nắm lấy tay tôi. Tôi không buồn kéo tay về.

— Chị, Chị nên dừng lại.

— Để làm gì ?

— Đó không phải là con đường tốt.

— Thế con đường nào mới là con đường tốt.

— Tôi xin chị.

Tôi rút bàn tay trở về. Rồi tôi bấu môi :

— Tôi đã mỗi mệt lắm rồi. Không còn con đường nào tốt cho tôi nữa. Con đường nào cũng lở lói, cũng đầy hố vũng, cũng đầy rác rưởi, loa thiếc và hộp giấy. Và vớ cao su bết, và xú chiêng đứt dây.

— Tôi không ngờ...

— Phải đợi cho anh ngờ rồi tôi mới được hành động ? Anh có quyền gì để ngờ hay không ngờ ? Thuyền sẽ nơi là không ngờ. Mọi người sẽ nói là không ngờ. Cái mầm cây do các người tưới nước, do các người vun gốc, thế mà khi nó nhú lên, nó ra lá, nó đâm chồi mấy người lại ngờ ngác bảo rằng mình không ngờ.

— Chị, Nhàn ơi !

« Nhàn ơi ! » Tiếng gọi nào đó ? Tôi nhìn Trác. « Nhàn ơi ! » Tiếng gọi của quá khứ hay của hôm nay ? « Nhàn ơi ! » Đã bao nhiêu năm rồi, tôi không nghe tiếng đó. Đã bao nhiêu năm rồi tôi già từ cuộc đời con gái, người ta mượn tên Thuyền để gọi tôi. Còn được mấy phần « Nhàn » trong người tôi, trong tâm hồn của tôi hiện tại ? Tôi sống rập khuôn theo người khác, nghĩ cái ý nghĩ của người khác, quan niệm theo cái quan niệm của người khác. « Nhàn ơi ! ». Vun vút bay đi tháng năm tháng năm, tôi chợt trở về với mái tóc bỏ dài trên vai áo trắng. Tình yêu ngây thơ và sự mơ mộng, và lý tưởng nở hoa trong đầu. Cuộc đời được nhìn theo bề chính diện của nó, đẹp. Nhưng bước đi êm ái chưa bước được bao nhiêu mà đã phải nhia thấy bề trái lở lói của cuộc đời.

Những trang lưu bút giấy xanh, giấy hồng, những cánh hoa phượng, hoa soan ép giữa tờ sách. Tiếng guốc rón rảng và chiếc nón cong cong che ngang tầm mắt.

— Chị Nhàn. Tôi quý mến chị. Tôi yêu chị...

Chẳng hề chi đều đó, tôi nghĩ. Tôi đã biết trước từ lâu. Tôi chỉ không biết rằng anh sẽ chọn ngày nào giờ nào để nói. Tôi còn tin rằng anh không dám nói ra cho dù anh «chỉ» với đàn bà Anh biết chọn đúng chỗ để nói và để im lặng. Nhưng hôm nay, giờ này, anh tuyên bố là anh yêu tôi. Chậm rồi. Tôi đã chại đá rồi. Chỉ một đêm Giáng-sinh thôi. Trước đó, trước khi tôi đứng trong vòng tay của Mansfield để nhảy những bước du dương, những bước cuồng loạn nếu trước đó anh bảo anh yêu tôi thì tôi đã có những phán úng. Chấp thuận hay phản đối tôi chưa biết chắc. Có một phần bên này và một phần bên kia. Tôi có cảm tình với anh...

— Tôi biết Thuyên đã làm khổ chị. Nhưng Thuyên học nhiều, đỗ đạt cao và khi lấy chồng chị chỉ có thể thấy được bằng cấp và địa vị. Những giá trị khác của con người còn nhiều lắm nhưng chúng tiềm ẩn và làm sao mà thấy được những giá trị tiềm ẩn đó? Tôi yêu chị từ những ngày tôi còn là một thằng học trò dốt nát mất dạy. Tôi nghịch phá mọi bạn bè cả trai lẫn gái nhưng không bao giờ tôi dám động đến chị. Sắc đẹp dịu dàng, nụ cười hiền hòa, sự nghiêm chỉnh ở trên khuôn mặt... mỗi lần nhìn đến là tôi vừa sung sướng vừa đau khổ. Chị xa tôi quá, như ngôi sao sa, xa tít tận vòm trời cao. Còn tôi thì bị cột vào thân phận tôi như con ốc nặng nề thu mình trong chiếc vỏ cứng, đầu có

cổ găng vươn lên bò tới cũng không vượt qua khỏi đầu ngọn cỏ. Tôi muốn làm một cái gì, tôi muốn vượt tới, tôi không muốn mang thân phận của Quasimodo, tôi muốn thành công. Nhưng sách vở cầm nắm với tôi, chữ nghĩa khô khan biến thành sỏi đá. Tôi thất lạc chị, tôi bỏ mất chị, tôi bị tách rời ra khỏi chị, tôi phần uất, tôi tuyệt vọng và trong cơn lốc hãi hùng của niềm tuyệt vọng đó, tôi tự đày đọa tôi, tôi tự phá hoại đời tôi, tôi sa ngã cho càng thấp càng thấp xuống.

Trác ngừng nói, nhìn ra ngoài sân nắng :

— Định mệnh đã vớt tôi lên. Định mệnh lau xóa những vết bẩn trên mặt trên người tôi, mặc cho tôi bộ quần áo mỹ miều của người có thể-lực. Khi thành công, việc làm đầu tiên của tôi là tậu cho được chiếc vi-la ở Đalat như chị đã biết đó và việc làm thứ hai là đi lùng tìm chị. Dạo hỏi khắp nơi, bắt mối này lần sang mối khác, nhưng tuyệt vô âm tín. Tuy nhiên, tôi vẫn không nản chí trong việc tìm tôi. Thì bỗng bất ngờ tôi được gặp chị. Trường hợp bất ngờ như thế nào, chị đã biết đấy. Nhưng chậm rồi. Chị đã lấy chồng rồi.

Chị có biết vì sao tôi yêu Khánh không?

— Không.

— Bởi vì Khánh có khuôn mặt và khổ người giống chị. Tôi gặp Khánh trong một buổi tiếp tân ở tòa Thị-chính, rực rỡ sang trọng bên cạnh chồng nàng. Tôi choáng váng suýt kêu lên : Nhàn đó chăng? Nhàn? Nhưng sau đó tôi biết là không phải Nhàn. Sao hai người lại có thể giống nhau như thế? Tôi bần thần suốt cả buổi tiệc, trả lời ngớ ngẩn những câu hỏi của người ngồi cạnh. Tình yêu thầm kín ấp ủ từ nhiều năm vụt chốc

được khơi dậy. Bao nhiêu xót xa, bao nhiêu ân ức. Có lúc tôi nhìn chăm chăm vào Khánh và điều đó làm nàng lưu ý. Tuy vậy nàng vẫn cao kỳ, nghiêm trang trong sự rục rở sang trọng của nàng. Khi bữa tiệc chuyển sang mục khiêu vũ, tôi mời nàng một bản. Nhưng nàng từ chối. Tôi nhảy với người bạn gái ngồi cạnh tôi. Những bước đi thật uyển chuyển. Tôi chưa bao giờ thấy mình đem hết tinh thần ra để nhảy những bước mỹ thuật như thế. Tôi muốn chinh phục Khánh, chinh phục bằng mọi cách, bắt đầu bằng những bước nhảy mà nàng đã từ chối. Tôi phải chinh phục bằng mọi cách, — tôi tự nhủ với tôi như thế suốt cả buổi dạ vũ, suốt cả những ngày hôm sau. Và tôi đã thành công.

Trác trầm giọng :

— Tôi đã thành công. Khánh đã trở thành người yêu của tôi. Mỗi lần nâng khuôn mặt nàng giữa hai bàn tay, nhìn sâu vào mắt nàng, tôi cảm thấy rung rung muốn khóc. Nhân đó sao ? Không phải. Không phải Nhân ! Vinh viễn không phải. Nhưng tôi tự an ủi mình sống trong ảo tưởng là có Nhân bên cạnh.

... Cảm ơn anh. Những điều anh vừa nói làm tôi cảm động. Tôi có thể đáp lại mối tình của anh và có lẽ tôi sẽ sung sướng trong tình yêu đó. Thuyên đã đối xử tàn bạo với tôi. Tôi đang cô đơn, tôi đang mỗi một, tôi đang chán nản...

Trác chồm người lại gần tôi :

— Tôi chân thành mong cho Nhân được sung sướng.

— Cảm ơn anh.

— Đáng lẽ Thuyên nên biết điều hơn. Tôi không muốn nói xấu Thuyên khi vắng mặt anh, nhưng mà...

— Đúng như lời anh, Thuyên muốn

có nhiều tiền, thật nhiều tiền.

— Đề làm gì ?

— Đề làm nhiều việc. Mua đất, cất villa, mua ô tô, mua T.V, mua máy lạnh...

— Những món đó không quyết định hạnh phúc.

— Sao lại không ? Anh nói cái gì mới quyết định hạnh phúc ? Anh nói hạnh phúc ở đâu ? Ở nhà tôn và vách đất ? và nền đất ?

— Những món Nhân kè, tôi đều có, nhưng tôi không có hạnh phúc.

— Kệ anh. Anh không phải là tôi, là Thuyên. Chân lý của anh không phải là chân lý của tôi.

Thuyên trở mắt ngạc nhiên nhìn tôi. Phải, tôi lạ lắm. Tôi cảm thấy tôi đang điên. Đầu tôi đang nóng bừng lên đây. Mạch máu thái dương đập rộn ràng đây. Trác đang nhìn tôi. Mặc kệ. Tôi lẫn lộn Quá khứ và Hiện tại, lẫn lộn Thuyên và tôi. Tôi đang mâu thuẫn với tôi.

— Nhân cần nhiều tiền ? Tôi không tin như vậy. Nhưng nếu Nhân cần mua nhà mua đất mua máy lạnh và T.V. thì... tôi có thể...

Tôi gạt tay.

— Cảm ơn anh. Tôi cần tiền nhưng phải là đồng tiền do tôi kiếm. Thuyên muốn thế. Kiếm bằng mọi cách. Thuyên muốn thế. Tôi muốn làm vừa lòng hẳn (tôi lớn giọng nói). Làm vừa lòng hẳn anh hiểu chưa ? Anh hiểu chưa ? Tôi phải làm vừa lòng hẳn. Bởi vì tôi ghét hẳn. Tôi đang ghét hẳn. Tôi muốn trả thù hẳn. Anh hiểu chưa ?

Nước mắt tôi chầm chậm chảy dài trên má. Tôi không buồn lau. Tôi cười gằn.

— Đất 180.000 đồng một lô, rồi thoảng đó 180.000 đồng mua chỉ được nửa lô. Sắt 16 đồng một ký rồi lên 40 đồng. Xi-

măng... Gạch... Ngói... Gỗ đầu... Gỗ sao .. ngày nào cũng loay hoay tính toán. Thiếu 400.000 đồng. Rồi 350.000 đồng. Rồi 290.000 đồng. Rồi 380.000 đồng... ngày nào cũng thiếu, thiếu, thiếu. Tôi lơ mơ ngủ trong tiếng « thiếu » tôi mở mắt dậy trong tiếng « thiếu », tôi nuốt cơm trong tiếng « thiếu », tôi tiếp khách gượng cười với khách trong tiếng « thiếu ».

— Nhân không nên tự hành hạ mình.

— Tôi tự hành hạ tôi ? Tự hành hạ ? Không ? Đại gì. Tôi bị hành hạ, hành hạ từng giờ từng phút, sự hành hạ bỏ từ trên đầu xuống, từ bên hông xuyên qua, từ dưới đất chồi lên. Tôi điên lên. Tôi ..

Trác cầm lấy bàn tay tôi :

— Nhân không thể trả thù. Trả thù là tự giết mình. Tôi sẽ cố gắng nói với Thuyên. Chúng ta sẽ thuyết phục Thuyên.

— Vô ích.

— Nhân đang ở trên một con đường dốc, một hố thẳm.

— Tôi biết vậy. Mansfield yêu tôi, Mansfield tử tế và lịch sự. Tôi chống đỡ một cách khó nhọc. Mansfield thông minh, có kiến thức và nhất là lịch sự.

— Con đường dốc bắt đầu từ đó.

— Nhưng mà tôi muốn lao đầu vào con dốc đó, vào cái hố thẳm đó. Rồi mặc kệ đằng sau lưng... Bởi vì có con đường nào bằng phẳng cho tôi đâu ?

— Thuyên đâu ?

Hắn đi chơi. Hắn đang mê con Kiều Nga ở vũ-trường Melody.

— Mê vũ nữ ?

— Đó là một cách nói. Kiều Nga nhiều tiền. Mỗi đêm kiếm mười ngàn. Dẫu có thua bạc, mỗi tháng cũng dư được vài chục vạn. Bạn của Thuyên cho biết rằng nó gửi tiền ở Thương-tín ngân hàng đâu đến bốn triệu rồi.

— Nhưng Thuyên đâu có thể đua đòi ăn chơi với một tay sành sỏi như vậy ?

— Tôi cũng không tìm hiểu. Tiền lương, tiền dành dụm tôi đều giao cho Thuyên giữ. Thuyên làm gì tùy ý. Làm nên nhà hay làm ra nợ, tùy ý. Tôi có dự tính, có chương trình, có phương lược gì đâu ? Tôi làm việc và sống như một cái máy.

Trác ngồi ngẩn ngừ suy nghĩ. Chợt anh xiết mạnh tay tôi.

— Tôi có thể làm gì được cho Nhân ?

— Chẳng có gì để làm hết.

— Nhưng không thể ngồi khoanh tay mà nhìn. Hay là... Nhân thôi đừng đi làm.

— Lương mười tám ngàn, anh nhớ cho.

— Dù có mười tám, hai mươi, ba mươi lăm ngàn cũng vậy.

Không được không được. Thuyên không bằng lòng như thế được. Vô lý. Những người đàn ông mâu thuẫn nhau. Thuyên bắt tôi đi làm. Anh bắt tôi thôi đừng đi làm. Mà anh, anh không thể nuôi tôi. Anh không thể trả lương cho tôi. Những người đàn ông đều ích kỷ. Thôi, anh đi đi. Cám ơn anh. Những người đàn ông đều ích kỷ.

Tôi giựt bàn tay về. Tôi đứng dậy Trác đứng dậy theo.

— Nhân.

— Không. Tôi không muốn nghe anh nói nữa. Tôi chán ghét tất cả những người đàn ông. Tôi chán ghét...

— Nhân để tôi..

— Không. Không. Anh đi đi.

— Nhưng mà..

— Không có nhưng mà. Anh đi ngay Anh có đi ngay không ?

Mắt tôi long lên, chắc là dễ sợ lắm. Chắc là hung tợn lắm. Trác thần thờ như tôi. Tôi quay nhìn chỗ khác. Trác thất thiêu ra xe. Đôi vai anh cong hẳn lại như sắp bẻ quặp xuống. Tiếng cửa xe đóng rầm. Xe lao ra ngõ.

Chợt có những tiếng la. Những tiếng la dữ dội. Những tiếng la thất thanh. Người ở trong các nhà lân cận chạy túa ra. «Xe nhà binh». Xe nhà binh cán xe du lịch... Chết chưa?... «Tôi bỏ dép chạy ra. Lạy trời không phải là Trác.

Lạy trời. Tim tôi đập thình thịch. Tôi vệt đám đông. Đôi chân rung lên, đầu tôi quay cuồng, quay cuồng. Đúng là xe của Trác. Hai bánh trước của chiếc GMC. cán lên hông của chiếc Vauxhall nhỏ nhắn.

— Chết rồi?

— Chết rồi, — tiếng nói của đám đông —.

Tôi không đủ sức để bước lên thêm một bước. Tôi vịn vào vai của người đàn ông đứng cạnh. Tôi ngã quỵ xuống.

(Còn tiếp)

VÕ-HỒNG

Đã phát hành toàn quốc :

THÁI ĐỘ tháng 12

Chủ đề : Thực trạng xã hội miền Nam

Giá : 38 \$

Phát hành trong tháng 1-1968 :

THÁI ĐỘ số đặc biệt năm Thân

Chủ đề : Thực trạng kinh tế miền Nam

Giá : 45 \$

**BỔ PHỔI - BỔ XƯƠNG
BỔ MÁU - BỔ GAN**

THUỐC ỚNG ƯỚNG

RUBICAL

Calcium B12

Sorbitol

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON
75, Đường NGUYỄN-BÌNH-KHIÊM
ĐƯỜNG-THÀNH-QUỚI DƯỢC-SƯ

SỐ KIỂM NHẬN 2.039 ngày 26-2-66

CLICHE DAN

NGUYỄN - TRỌNG - VĂN

Những người con hoang

của NGUYỄN - VĂN - TRUNG

Đã có nhiều người phê bình và nhận định về 10 năm văn học ở miền Nam nhưng có một khía cạnh mà ít người khai thác, đó là phê bình ảnh hưởng của các giáo sư đại-học đối với nền văn học tại đây. Thực vậy, có nhiều giáo sư viết văn (Vũ khắc Khoan, Nguyễn khắc Hoạch, Thanh Lãng, Nguyễn văn Trung...) tại sao lại không phê phán ảnh hưởng của họ đối với văn-học? Một trong những giáo sư đại-học viết văn nhiều nhất có lẽ là ông Nguyễn văn Trung, do đó, kiểm điểm 10 năm văn học

không thể không nói tới ảnh hưởng của ông, ảnh hưởng tốt cũng như ảnh hưởng xấu. Phê bình ảnh hưởng của ông là điều cần thiết vì nó đang khai sinh ra một số con hoang văn nghệ hiện nay. Tuy nhiên, nhìn mặt những người con hoang, bộc lộ những ảo tưởng, những nhược điểm của họ là cần thiết nhưng công việc này sẽ thiếu sót nếu không bộc lộ luôn chính những ảo tưởng, những nhược điểm của ông Trung trong khoảng 10 năm cầm bút vừa qua.

NHỮNG NGƯỜI CON HOANG

Ông Trung là người có công trong việc giới thiệu những trào lưu tư tưởng mới của Tây phương, với độc tư giả Việt-nam. Những triết gia, những tư tưởng gia, những văn nghệ sĩ cùng những biến chuyển văn học, triết học quan trọng ở ngoại quốc thường được ông trình bày, giới thiệu một cách gọn gàng, mạch lạc. Những triết-học hiện-sinh, tề-thuyết

mới, những danh từ có tính cách văn nghệ, triết lý dần dần được du nhập và phổ biến. Những hiện-tượng-luận, đối-thoại, thế-nhân, phản-kháng vong-thân, nguy-tín, huyền-thoại, thông-cảm, những Alain Robbe Grillet, Nathalie Sarraute, Michel Butor, Sartre, Camus... ngày nay được mọi người biết tới nhưng thực ra tất cả đều đã được đem vào Việt nam từ

hàng chục năm nay trong Sáng tạo, Bách Khoa, Thông cảm Thế-lý hai mươi (1) Ngoài những đóng góp có tính cách văn-nghệ và triết-học. Ông Trung cũng đem lại một số tư-tưởng và danh-từ mới trong phạm vi triết-lý chính-trị như thực dân mới, trường-giả thành thị, cách mạng xã hội (2) Dù muốn dù không, ai cũng phải nhận rằng có những tư-tưởng, những danh-từ và những cách lập luận mà trước ông không ai dùng đến nhưng sau ông thì người ta dần dần quen biết và nhắc tới (tính cách quyến rũ và ám ảnh của hiện-tượng luận, tính cách thú vị bất ngờ của vấn đề huyền-thoại, cách thức lý-luận về vấn-đề cách-mạng xã-hội...) Nói cho đúng, có sau ông Trung không hẳn có nghĩa là do ông Trung khai sinh ra vì người đọc và sinh viên vẫn có thể có những tư-tưởng, những danh từ đó từ những người khác những tài liệu ngoại quốc khác nhưng dù sao thì ảnh hưởng của ông Trung vẫn quan trọng: một phần, cách thức trình bày và giới thiệu của ông có tính cách mạch lạc, dễ hiểu, mặt khác, với tư-thể giáo sư đại học ông tương đối có uy tín đối với sinh viên và người đọc nhiều hơn. Ảnh hưởng mạnh hơn nên trách nhiệm của ông cũng nặng hơn (3).

Ông Trung luôn luôn tìm tòi sáng tạo nên tư tưởng của ông có tính cách uyển chuyển, biện-chứng. Nó không dừng lại ở một giai-đoạn nào nhất định, những điều đã viết năm trước có thể bị phủ nhận hoặc vượt qua ở năm sau. Do đó, tin một cách chắc nịch vào những điều ông đã viết là một niềm tin tai hại. Những nhận định, I, II, III đã được vượt qua để được thay thế bằng Nhận định IV, Chủ nghĩa thực dân Pháp tại Việt Nam, Góp phần phê phán giáo dục và đại học...

Những người thích ông mà theo cũng như những người ghét ông mà chống sẽ rơi vào ảo-tưởng nếu không phân biệt tư tưởng của ông ở giai đoạn trước và sau 1963. Giai đoạn trước 1963 là giai đoạn

(1) Có thể kể những bài giới thiệu có tính cách khai phá quan trọng của ông trong khoảng 10 năm trở lại đây, chẳng hạn:

— Văn chương hiện sinh (TK20, số 3, tháng 9/60, trong đó ông nói tới cuộc đời, hoàn cảnh, cái cụ thể, cái đơn biệt, con người trong hoàn cảnh, văn chương dẫn thân, hiện tượng luận của Merleau Ponty, tiểu thuyết của Sartre, A. Camus, kịch của G. Marcel... Trong bài này ông cũng đã nhắc tới khuynh hướng tiểu thuyết mới khác khuynh hướng tiểu thuyết hiện sinh ra sao)

— Văn chương và siêu hình học (Thông cảm, 9-57, nói về tiểu thuyết triết lý, tình yêu hiến dâng và tình yêu chiếm đoạt, ý nghĩa cuộc đời, hư vô, phi lý, cái chết, nhân bản bi đát...)

— Tiểu thuyết mới trong văn chương Pháp (TK20, số 6, tháng 12-60 với những Alain Robbe Grillet, Michel Butor, với những Les gommés, Le voyeur, La jalousie, Dans le labyrinthe, với những Degrés, La modification...)

— Ngài ra phương pháp hiện-tượng luận cũng được ông sử dụng để khai thác những đề tài cụ thể, sống động khác như cái nhìn, hồi hận thông cảm, e lệ, tự tử (Nhận định 1) Dù ít hay nhiều, những trích văn, những tư tưởng trong các bài trên đã gây ảnh hưởng rõ rệt trong việc sáng tác của các người cầm bút trẻ tuổi hiện nay.

— Sau hết, có lẽ cũng nên kể đến những đóng góp của ông trong việc giới thiệu vấn đề cơ-cấu, huyền thoại, tha nhân, hiện-tượng luận, dự tính, thân xác, vong thân, nguy tín... những vấn đề mà bất cứ một sinh-viên văn-khoa nào cũng ít nhiều biết đến.

(2) Trong những Nhận định IV, Hành trình, Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam

(3) Ảnh hưởng này có thể trực tiếp hay gián tiếp. Có người chịu ảnh hưởng qua hai ba đợt trung gian khác nhau, có người chịu ảnh hưởng và thích thú nhưng không nói ra, có người chịu ảnh hưởng và thành thật ghi nhận ảnh hưởng đó, (chẳng hạn, Trần Văn Nam trong tập thơ của anh).

lãng mạn, vô tư, không lập trường rõ ràng, giai đoạn sau 1963 là giai đoạn thực tế, trưởng thành và tương đối có lập trường hơn. Từ Nhận định I đến Nhận định III có sự biến chuyển về trình độ chứ không có sự biến chuyển về bản chất, từ Nhận định IV và những tác phẩm sau này, có sự biến đổi về bản chất, về thái độ : từ triết lý *văn nghệ*, siêu hình sang triết lý *chính trị*. Những người con hoang văn nghệ và chính trị là những người không để ý đến sự chuyển hướng đó. Vì vậy, họ theo hoặc chống những điều ~~không~~ đáng theo hoặc không đáng chống, những điều ông đã chối bỏ, vượt qua, Theo như vậy thì có khác gì chống, chống như vậy thì khác gì bắt chước. Tình trạng con hoang được khai sinh từ sự lười biếng trí thức, không lấy thực tế xã hội và lịch sử làm thước đo giá trị nhưng lại lấy những chữ nghĩa, bài vở cô đọng làm tiêu chuẩn hành động, không suy nghĩ tự mình mà chỉ muốn người khác suy nghĩ hộ.

Những con hoang văn nghệ.

Hình như những người cầm bút miền Nam có mặc cảm với triết-lý. Tư tưởng triết lý trở thành một ám ảnh, một day dứt mà nếu không không nhắc tới nó thì người ta có cảm tưởng như mình chưa nói đủ, chưa nói hết điều mình muốn nói hoặc có nói mà không dán vài nhãn hiệu triết-học vào thì lời nói sẽ nhạt nhẽo, vô vị. Ai cũng có thể và có quyền triết-lý nhưng điều đáng buồn là người ta lại chỉ biết triết lý vụn vụn với vài sáo-ngữ từ tây-phương đem tới ít ỏi nhập với hoàn cảnh Việt-Nam. Triết-lý đã trở thành một thứ trang sức dùng để lờ thiên hạ (1). Những người không phải là sinh-viên thì làm dáng với mở kiến-thức triết-học

lượm nhặt từ những bài giới-thiệu có tính các phổ thông, dễ hiểu, những sinh-viên thì đôi khi lại lấy ngay bài giảng ra dùng vào việc làm văn-nghệ. Khi ông Trung giảng bài hoặc giới thiệu tư tưởng triết-học và văn-nghệ thì bài giảng của ông có tính cách chuyên-môn, giáo-khoa đòi hỏi một khung cảnh surspam, giáo-khoa. Những sinh-viên của ông lại đem những bài giảng đó ra mà dùng ngoài đời. Những danh-từ, những tư-tưởng triết-học chuyên-môn bị tách khỏi khung cảnh triết-học, giáo-khoa nên đã trở thành bí hiểm, làm dáng và khinh miệt. Với những người không hiểu chúng, những danh từ chuyên môn, dù có ý nghĩa cao đẹp, thú vị trong phòng học đã trở thành những lời mai mỉa, nhục mạ ở ngoài đời. Chính những sinh viên chịu khó đi học và học bài, 100 người đã chắc gì 10 người hiểu được tới nơi tới chốn Dasein, Hư vô, Dự phóng, Ngụy tín, Hiện hữu... là gì, nhưng khi viết văn thì họ làm như mình đã hiểu hết, đã nắm mọi vấn đề. Họ dùng chữ một cách chát chúa để vượt mặt người khác và chính họ, họ coi việc làm dáng đó là làm văn nghệ, là sáng tác đích thực. Họ tin là có thể biến một đoạn văn khô khan, chuyên môn trong bài học thành sáng tác văn nghệ bằng cách đặt đoạn văn đó vào trong một tạp chí văn nghệ. Niềm tin này sai lầm. Có ai coi những biên khảo hết sức chuyên môn của Linh Mục Thanh Lăng là sáng tác văn nghệ chắc chúng ta sẽ mỉm cười, vậy mà những sinh viên làm dáng đã coi những biên khảo triết lý bí hiểm tối tăm là sáng tác văn nghệ đích thực thì điều này có lẽ

(1) Xem *Triết học hiện sinh và những người cầm bút miền Nam*, Đất nước số 2, tháng 12/1967.

lại càng làm cho chúng ta buồn cười hơn nữa.

Trong Vấn đề số 7, Trần văn Nam viết một bài nhận định về văn học miền Nam. Tác giả tập *Văn nghệ đã đến đâu?* (in roséo, 1966) là người đọc nhiều, có giọng văn sáng sủa nhưng lập trường văn nghệ của anh thì không khỏi mâu thuẫn và ảo tưởng. Việc phân chia hai giọng văn nghệ viễn mơ và hiện thực xem ra phải xét lại nhất là trong khung cảnh này mà lại cho rằng văn nghệ viễn mơ mới có giá trị, mới chính thống. Mặt khác, anh phê bình ông Trung, điều này có thể đúng và là quyền của anh nhưng ngay khi phê bình đó thì anh đã đang đi lại những bước đường lầm của ông Trung cách đây hàng chục năm: văn nghệ vô thưởng vô phạt. Anh viết: *Gọi văn nghệ chính thống là văn nghệ của viễn mơ nghĩa là không bao giờ quay về thực tế trong khi vầng trời tưởng nhớ không thể đạt tới luôn luôn khép cửa đợi chờ, nghìn năm xa cách* (1).

Trần văn Nam viễn mơ nhưng còn có giọng văn sáng sủa tươi mát, trái lại, với Trần nhật Tân người đọc dễ tính đến đâu cũng phải ngạc nhiên tự hỏi biết đâu thợ in đã chẳng sắp nhầm chữ một bài thơ của nhóm sáng tạo... Theo gót *Giáng hương*, lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ, ngày ngày nhìn về cõi xa mơ nguyên thủy, nhưng nhớ (...) Buồn lắm, người thi sĩ chỉ còn biết tìm quên trong tìm yêu mơ về cõi tiên, người thiếu nữ tuyệt đẹp tâm hồn luôn luôn buồn muốn khóc, có tóc đẹp dệt thành gấm dâng lên chín bệ để may áo choàng giai nhân, có đôi mắt mê cung của bầy tim hoang mộng thời khuyết sử, có đôi cung tay trắng xanh mềm và ngọt như nắng pha lê, có chiếc cổ thạch cao với những gân xanh quyến luyến một cách định

mệnh, có gót chân hồng của bao nhiêu mùa thu ngời đếm tuổi địa cầu rồi đợi sao rơi vào cổ họng mà chết, và đôi môi thần thánh-là-đêm-nguyệt-thực-là-trắng-xuân-thu-là-rừng ngọc bích-là-biển-tím-và-là-quê-hương-của-những-quê-hương ở đó tất cả tuyệt đẹp, thuần khiết mà tiên nga vừa là hoàng hậu là thượng đế... (2). Anh muốn nói tới cái đẹp trong thế giới của Platon, tới mơ ước của thi sĩ nhưng anh đã dùng chữ diêm dúa quá nên người đọc khó cảm được cái đẹp đó, nếu có thì cũng chỉ là cái vẻ trống rỗng của đồ mã được sơn phết khéo léo và hoa hoè. Ấu cũng là một thiệt thòi cho Platon. Có thể nói, điều làm người đọc chán rầu không phải vì anh đã không giới thiệu được Platon, không nói mạch lạc những điều anh muốn nói hay không sáng tác được văn nghệ từ mở danh từ hoa hoè và triết học, điều làm người đọc chán rầu chính vì anh đã làm cho tiếng Việt trở nên tối tăm trong khi thực ra nó là một thứ tiếng nói trong sáng, có khả năng diễn đạt hết sức dồi dào, phong phú.

Ngoài Trần nhật Tân, lối văn mờ ám, sáo ngữ cũng được tìm thấy nơi những người cầm bút trẻ khác: nhóm sinh viên Văn khoa của tờ *Vận động*. Những người phê bình thường có thói quen đợi cho một trào lưu văn nghệ đã qua đi rồi mới phán xét, nếu không, họ lại chờ cho những người có uy tín hoặc sách báo ngoại quốc khen chê rồi họ mới khen chê theo. Đáng lý phải tìm cái hay ở những trào lưu, những cây viết có vẻ bình thường và phải phê bình cái dở của những trào lưu, những tác giả có vẻ mới

(1) Trần văn Nam, *Văn chương tìm về viễn mơ hay hiện thực?* Vấn đề số 7, t.121.

(2) Trần nhật Tân, *Mơ về Mĩ thế*, Vấn đề 8, tt. 17 và 34.

mê thì lối phê bình trên chỉ biết thông ngôn, vuốt đuôi và thương mại chứ không xây dựng và sáng tạo được gì. Trở lại từ *Vận động*, chúng ta cần nhận mặt nó ngay từ số đầu tiên để thấy rõ những mâu thuẫn và ảo tưởng của nhóm chủ trương trên. Bài mở đầu của tờ *Vận động* có nói về hai mục tiêu của tờ báo: về mặt văn nghệ, thể hiện những giá trị đích thực với những khai phá cần thiết để mở đường cho một trào lưu văn nghệ mới với đầy đủ ý nghĩa của từ ngữ đó, phát khởi một giọng văn học nghệ thuật khác, về mặt chính trị, chúng tôi đòi hỏi trước tiên một thái độ. Phải có một thái độ dù là thái độ nào đi nữa... không muốn ngồi yên một chỗ để chờ bời lợt đàn anh..., chúng tôi sẽ trình bày thật minh bạch và thẳng thắn mọi vấn đề hằng ám ảnh và tra vấn lương tâm con người nhất là con người Việt Nam trong đất nước Việt Nam lúc này một cách tự nhiên như việc hít thở thường ngày của mỗi chúng ta. Người đọc tưởng sẽ tìm thấy những sáng tạo mới mẻ, những chuyển hướng quan trọng nhưng thực ra nhóm *Vận động* đã khai sinh ra những gì? Cũng vẫn Heidegger, Holderlin, Sisyphe, cũng vẫn dự phóng, hư vô, vong thân, hiện hữu, chủ thể khách thể, thực chất huyền thoại... những đề tài cũ mèm như những màn hài hước của Trần Văn Trạch. Đó là làm bài thi với tài liệu trong tay chứ không phải là làm văn nghệ, nói gì đến sáng tạo giá trị nghệ thuật đích thực. Mặt khác, đó là những vấn đề hằng ám ảnh và tra vấn lương tâm của những con một sách chứ không phải những vấn đề hằng ám ảnh và tra vấn lương tâm con người Việt Nam lúc này như tờ *Vận động* làm tưởng. Thành ra, tờ *Vận động* đã mâu thuẫn ngay với những điều mà nó nêu ra, nó không mới cũng không sống thực. Các cây viết trong đó đã nói tới dự phóng, hoàn cảnh, thái

độ, nỗ lực toàn diện để sống thực... nhưng đó chỉ là những sáo ngữ trong sách vở chứ không phải những tình tự sống thực của họ. Trong hoàn cảnh Âu Châu, Heidegger, Sartre, Camus, Ponty đã dự phóng, đã có thái độ, đã tư tưởng, đã triết lý. Họ đã sống thực con người họ cũng như xã hội họ. Khi các cây viết trong *Vận động* nhắc tới những danh từ và thái độ triết học thì họ đã không sống thực chính con người và hoàn cảnh của họ, con người nô lệ trong khung cảnh thuộc địa ở Á châu.

Đáng lý sống thực và rung cảm cho số phận mình và hoàn cảnh mình thì chúng ta đã rung cảm vay mượn cho số phận và hoàn cảnh của người khác. Chúng ta không có gì phải học ở các triết-gia, tư tưởng gia ngoài chính thái độ sống thực và can đảm của họ. Trong trường hợp này, truyền thống, bảo thủ, tôn thờ là chết còn phủ nhận, sáng tạo mới là sống. Kant đã nói một câu rất hay: chúng ta không học triết học (mớ kiến thức khô cứng, công thức) nhưng học triết lý (cách sống, thái độ dẫn thân). Các cây viết trong tờ *Vận động* như đã quên một điều là người ta chỉ thành thi sĩ, nhạc sĩ khi đã quên hết luật thơ, luật nhạc. Họ không sáng tác được chính vì họ quá thuộc bài. Nếu các cây viết trong tờ *Vận động* chú ý một chút chắc họ sẽ tự hỏi trong hoàn cảnh hiện nay họ có thể có dự phóng như vậy không và nếu có thì lựa chọn đó chỉ phải là sống thực không. Lao mình vào những vấn đề mờ mịt tối tăm là chạy trốn hoàn cảnh chứ không phải trình bày một cách minh bạch và thẳng thắn những vấn đề nóng bỏng của hoàn cảnh. Đáng lý những Heidegger, những Jean Paul Sartre phải tìm hiểu thái độ trí thức của người Việt nam đối với hoàn cảnh Việt Nam qua những người cầm bút Việt nam thì những Heidegger, những J. P. Sartre đó lại chỉ thấy được thái độ vọng ngoại của người Việt nam đối với tư tưởng

và hoàn cảnh của Tây Phương mà thôi. Đáng lý chúng ta có thể đóng góp tích cực hơn cho văn nghệ và đất nước thì chúng ta đã hy sinh tất cả để chứng minh cho vài tư tưởng ngoại lai. Chúng ta viết lách như để chứng minh, để cho thí dụ về những tư tưởng, những thái độ của Heidegger, của Sartre. Thái độ này thật là nguy hại vì tư tưởng không thể tách khỏi hoàn cảnh cũng như dự phòng trước hoàn cảnh « Tách tư tưởng của Sartre, của Heidegger khỏi khung cảnh Âu Châu một cách máy móc để tôn thờ, ca tụng cũng như tách tư tưởng và dự phòng của chính mình khỏi khung cảnh Việt nam để rung cảm vay mượn theo Sartre, theo Heidegger tức là giết chết tư tưởng của Sartre, của Heidegger đồng thời cũng không sống thực số phận và hoàn cảnh của chính mình.

Như vậy những người cầm bút trong tờ *Vận động* định làm gì? Họ tưởng họ định làm văn nghệ đích thực và dẫn thân trong khi thực ra dự phóng căn bản của họ là xác định một chân đứng trong khung cảnh xã hội xáo trộn hiện nay. Họ không muốn ý ra như thùng nhựa đường cũng không thích chửi bới đàn anh nên họ thấy cần phải làm một cái gì và họ đã làm. Công việc làm văn học của họ có thể không thành công nhưng ý muốn tìm một chân đứng xứng đáng hơn lại có ý nghĩa đạo đức: Họ muốn chối bỏ hoàn cảnh hiện tại để vươn lên. Họ đã thành thực ngay cả khi lao mình vào ảo tưởng « *đổ từng giọt mồ hôi, bớt từng giọt máu, huyệt lừng hơi thở để phấn đấu thường trực với hoàn cảnh khốn khó, đốn mạt của bản thân, của cuộc đời trong một nỗ lực toàn diện tuyệt đối* ». Giá trị văn học và nghệ thuật của tờ *Vận Động* không có gì đáng kể, nó chỉ tiếp

nối truyền thống văn chương làm dáng. Nếu có gì đáng nói thì chính là thái độ của nhóm chủ trương tờ *Vận động*: thái độ này có phần nào giá trị đạo đức, dù nó ảo tưởng.

Những con hoang của tư tưởng triết lý chính trị.

Biểu cố I-II-1963 đã làm ông Trung tình ngộ, từ 1964 ông đã chuyển từ triết lý hiện sinh, văn-nghệ sang triết lý chính trị. Những vấn đề chủ quyền, thực dân mới, vai trò của Hoa kỳ... đã được nhiều người nói tới nhưng ông là người có công trình bày chúng một cách mạch lạc, rõ ràng. Đóng góp quan trọng của ông về mặt triết lý chính trị có thể thu vào vấn đề cách mạng xã hội. Theo ông tình trạng xã hội rối loạn sụp đổ hiện nay không phải do Cộng sản xâm lăng mà do chính khung cảnh xã hội thối nát bạo động do thực dân Pháp để lại gây nên. Muốn tiến tới một xã hội công bình hơn vấn đề không phải là tận diệt Cộng sản mà là thanh toán cái cơ cấu luật pháp, chính trị, kinh tế bất công kia. Làm cách mạng xã hội là phương thức hữu hiệu nhất để chống Cộng và chống cả ảnh hưởng của Hoa kỳ Cải biến chống Cộng mà thôi tức là dùng Cộng sản làm chiêu bài duy trì khung cảnh thối nát của thực dân Pháp. Các thành phần đảng phái và trường giả bụng bự không thể và không muốn làm cách mạng, chính họ đang liên kết với nhau để duy trì cơ chế đó và để giữ chân chạy việc cho ngoại bang. Chỉ còn những thanh niên sinh viên là thành phần tương đối có đủ điều kiện để hoàn thành cuộc cách-mạng xã-hội thay thế lớp đàn anh đã hủ hóa của họ.

Lý tưởng cách mạng xã hội mà ông

Trung nêu lên có vẻ hợp lý nhưng quan điểm của ông về phương thức cũng như lực lượng cách mạng thì càng ngày lại càng có tính cách ảo tưởng. Ông không đặt rõ vấn đề là có thể làm cách mạng xã hội trước mặt người Hoa Kỳ hay không và ai sẽ là lực lượng thúc đẩy cuộc cách mạng đó. Mặt khác ông đã dành cho thanh niên sinh viên những sứ mạng quá lớn lao và lộn ngược : họ là lực lượng làm cách mạng giải phóng chứ không phải là lực lượng làm cách mạng xã hội. Ảo tưởng của ông Trung là chúng ta có chủ quyền để làm cách mạng nhưng thực ra chúng ta không còn chủ quyền. Những thanh niên sinh viên lao mình vào công tác Hè, CPS, du ca... có ảo tưởng là họ đang làm cách mạng xã hội trong khi thực ra họ đang chạy trốn cuộc cách mạng đó : không làm cách mạng giải phóng để có chủ quyền thì không thể làm cách mạng xã hội được. Sứ mạng của thanh niên sinh viên, nếu có, thì chính là đóng góp vào cuộc cách mạng giải phóng chứ không phải làm cách mạng xã hội trước mặt người Hoa Kỳ như hiện nay. Cách mạng xã hội là lý tưởng mà chúng ta phải vươn tới nhưng ban về cách mạng xã hội mà không nói tới chủ quyền quốc gia và lực lượng quần chúng tức là bàn về những điều hoàn toàn vô ích và mất thì giờ (1). Có thể nói cách mạng xã hội không Cộng sản là con đường thứ ba nhưng không có lực lượng thứ ba, nó là giấc mộng của những người thành thị bị giằng xé giữa lý tưởng công bình xã hội và chân đứng trường giả, vọng ngoại của mình. Đó cũng là giai tài tuyệt vọng của trí thức khuynh tả, sáng suốt chân thành nhưng bất lực và đau khổ.

Tuy nhiên, tương tự như các tư tưởng văn nghệ, tư tưởng triết lý chính trị, của

ông Trung cũng đã gây được những ảnh hưởng đáng kể trong giới thanh niên sinh viên. Chẳng hạn, Nam Trung, trong tờ *Trách nhiệm số 3*, cũng đã nhắc tới cách mạng xã hội và coi như lối thoát của miền Nam. Anh đã kết luận một bài 4 trang bằng câu : *Đồng ý với nhau về đất đứng đó tức là có thể nói những người Việt nam tiến bộ, có ý thức quốc gia, đã đồng ý với nhau về chiều hướng của hành trình cách mạng xã hội vậy (2)*. Nguyễn đăng Trùng cho rằng **khung cảnh xã hội Việt nam có nhiều điều kiện thuận tiện để tiến tới khuynh hướng xã hội**. Trong một bài đăng trên *Văn học* anh cũng đi tới kết luận là cần cách mạng xã hội nhưng có điều đặc biệt là anh dẫn chứng luôn cả lời tuyên bố của một nhân vật rất cao cấp trong chánh quyền, anh viết : *Chúng tôi vẫn còn nhớ rất rõ Trung tướng Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo quốc gia đã tuyên bố quyết tâm thực hiện một cuộc cách mạng xã hội và sau đó Tổng thống Hoa kỳ cũng long trọng cam kết sẽ hỗ trợ cho cuộc cách mạng xã hội ấy (3)*.

Nam Trung và Nguyễn đăng Trùng nói đến đến cách mạng xã hội nhưng không nói tới vai trò quan trọng của thanh niên sinh viên như ông Nguyễn văn Trung. Điều này phải chờ nhóm sinh viên Văn-khoa của tờ *Đối Thoại*. So với tờ *Vận Động*, về mặt văn nghệ, hai tờ xấp xỉ nhau, cũng Heidegger, cũng khách thể,

(1) Nguyễn văn Bầy, *Phê bình quan điểm cách mạng xã hội của hai ông Nguyễn văn Trung và Lý chánh Trung*, Sinh Viên, số 6, t. 39.

(2) Nam Trung, *Con đường cách mạng xã hội*, *Trách nhiệm 3*, tháng 9/67, t. 23.

(3) Nguyễn đăng Trùng, *Một nền tảng phù hợp cho chế độ chính trị tại Việt nam*, *Văn học số 75*, t. 9.

chủ thể, cũng hiện hữu, hư vô kèm theo vài câu thần chú tiếng Đức. Về mặt chính trị, tương đối lập trường của Đới Thạch lại tiến bộ hơn đầu bài mở đầu của nó không khoa trương như tờ Vận động. Có điều đáng nói là nhóm chủ trương đã nhắc lại như hệt lập luận của ông Nguyễn văn Trung liên quan đến vấn đề cách mạng xã - hội và nhất là đến vai trò của thanh niên sinh viên. Trong một cuộc thảo luận, các sinh viên Phạm quốc Bảo, Nguyễn ngọc Bách, Võ văn Lượng, Trần công Sung, Trần Vinh, Võ văn Thân, Tô cao Hòa, Nguyễn vạn Hồng, Cung vinh Viễn, Phạm tấn Tài và Nguyễn xuân Trung đã nhận mặt chiến tranh và bàn về những vấn đề của đất nước, trong đó có vấn đề cách mạng xã hội. Võ văn Lượng đã tóm tắt buổi nói chuyện bằng những hàng như sau... *trước hết tôi xin ghi nhận những gì chúng mình đồng ý nhau. Thứ nhất là chúng ta cần phải có cách mạng toàn diện và triệt để. Thứ hai là dân chúng VN tự họ không thể làm cuộc cách mạng đó, họ không bao giờ đồng loạt đứng lên. Dân chúng chỉ là lực lượng cách mạng chờ đợi hay trừ bị, cần phải có chất xúc tác giúp họ đứng vào môi trường cách mạng. Vậy vấn đề là ai làm chất xúc tác đó? Có lẽ chỉ còn tầng lớp thanh niên (...)* (1). Các hội thảo viên cũng đã có những ảo tưởng như ông Trung: có chủ quyền để làm cách mạng, lẫn lộn cách mạng xã-hội và cách mạng giải phóng, đặt sinh viên trước những sứ mạng quá cao trong khi thực ra nếu không cảnh tỉnh sinh viên cũng sẽ hủ hóa như đàn anh của họ. Không biết nên nói sinh viên giúp quần chúng đứng vào môi trường cách mạng hay nên nói ngược lại? (2)

Nói tới cách mạng xã hội mà không nói tới Thế-Uyên là một điều thiếu sót. Thực vậy, ý chính của cuốn *Nghĩ trong một xã hội tan rã* là cách mạng xã hội

Thế Uyên đã bàn về nhiều khía cạnh của tình hình đất nước và từ những khía cạnh đó vỡ, tan rã đó anh cho thấy không còn lối thoát nào hơn là một cuộc cách mạng xã hội không Cộng-sản. Ông trung và sinh viên Văn khoa của ông như muốn chú ý nhiều đến tầng lớp thanh niên, sinh viên trẻ tuổi, Thế Uyên nhấn mạnh đến vai trò của quân đội trong cuộc cách mạng đó... *Bấy giờ quân đội cách mạng ta có thể đi dép cao su, mặc áo bà ba, bắn súng đúc lấy... thì muốn hòa hay chiến đều được; người Mỹ dù muốn cản cũng khó* (3). Tương tự như ông Nguyễn văn Trung, Thế Uyên cũng muốn chọn một con đường thứ ba không có lực lượng thứ ba, tương tự như ông ông Nguyễn văn Trung, Thế Uyên cũng không bàn rõ về vấn đề chủ quyền và lực lượng cách mạng. Khi đã nói đến vấn đề chủ quyền thì không nên đặt vấn đề cách mạng xã hội, Mặt khác, có thực quân đội là lực lượng để làm cách mạng có lợi cho dân tộc Việt Nam hay không (4). Sau hết, đồng minh có thực lòng giúp chúng ta làm cách mạng xã hội để loại bỏ ảnh hưởng của đồng minh khỏi đây hay không? (5).

(1) Hội thảo *Nhìn mặt chiến tranh*, Đới Thạch số ra mắt, t.38.

(2) Về hiện tượng hủ hóa của sinh viên, những ảo tưởng của đàn anh cùng phê bình quan điểm cách mạng xã hội của ông Nguyễn văn Trung và Lý chánh Trung, có thể xem tạp chí SINH VIÊN các số 3, 5 và 6.

(3) Thế Uyên, *Nghĩ trong một xã hội tan rã*, tr. 67.

(4) Trần văn Hào, *Những ảo tưởng của đàn anh*. SINH VIÊN số 5, tr. 23.

(5) "Hình thức viện trợ như thế đã phản lại chính mục đích của viện trợ. Nó khai sinh ra những thái độ hành khát làm mất phẩm giá và không đáp ứng nhu cầu kinh tế của nước nhận viện trợ... Sự đe dọa ngưng viện trợ trở thành một hình thức áp lực nhằm bảo vệ quyền lợi bất chính của ngoại bang" Laurent Turin, *Combat pour le développement*, Ed. Ouvrières, 1965. tr. 146.

TỪ NHỮNG NGƯỜI CON HOANG CỦA NGUYỄN-VĂN-TRUNG ĐẾN NGUYỄN-VĂN-TRUNG, NGƯỜI CON HOANG

Ông Trung đã khai sinh ra một số con hoang, tuy nhiên xét cho cùng, họ cũng chỉ là hiện thân của ông cách đây khoảng 10 năm trời. Thực vậy, trước đây 10 năm ông Trung cũng đã từng là con hoang của những triết gia như Satre, Camus, E. Mounier. Thái độ của ông hồi đó cũng phần nào giống thái độ của những người con hoang của ông hiện nay: trình bày vấn đề một cách vô thưởng vô phạt, lảng mạn, lạ: quan, ông cũng đã từng nói đến chính trị, bạo động nhưng những bài viết đó có tính cách giới thiệu, thông ngôn hơn là sống thực. Đó cũng là ảo tưởng chung của những người cầm bút với ông thời kỳ đó. Chẳng hạn Mai-Thảo đã viết: giữa thành phố hôm nay, hội vui đã mở sẽ không bao giờ hết. Hội mở trong vô hạn, về vô cùng. Vậy mà hiện tượng rục rờ này mới chỉ là một hiện tượng khởi đầu. Sài Gòn, với những hàng cây, những bóng mát những tầng nắng, những phiến trời xanh đang nói lên với dân tộc và thế giới hôm nay, qua trùng dương, qua biên thù, nhưng sắc thái mới của mình, kể từ ngày trở nên cứ điềm, vị trí phát huy của nền văn hóa dân tộc trẻ mạnh (1). Bốn năm sau, niềm lạc quan thái quá đó cũng còn được ông Nguyễn-khắc-Hoạch chia sẻ, ông viết: ... Chúng ta sẽ làm và tiếp nhận văn nghệ trong tinh thần nào? Tập san Thế kỷ 20 mong muốn được khai sinh dưới dấu hiệu của tự do và khoan dung tinh thần, điều kiện cốt yếu của mọi hoạt động văn nghệ (...) Chúng ta ra đi với một nhiệt tình và một niềm tin sáng suốt ở tương lai văn nghệ dân tộc (...) nhưng không hôm nay thì ngày mai, trong ánh triêu dương sẽ lấp lánh vàng son của lâu đài

văn nghệ quê hương. Người đẹp tên là Nghệ thuật có đôi mắt đượm trời xanh. Tóc nàng chảy trên bờ vai thành một suối thơ. Bước nàng đi tỏa nhạc xuân thu và ngát hương hoa... (2) Đặc tính của những người làm văn nghệ thời đó là viết văn khơi khơi, thông ngôn, rung cảm theo tây phương hơn là sống thực hoàn cảnh Việt nam. Ảo tưởng của họ là tin rằng chúng ta được tự do độc lập thực sự và họ có sự mạng xây dựng văn học cho xứ sở; trong khi thực ra năm 1954 chỉ đánh dấu một giai đoạn mới lịch sử thuộc địa chứ không phải giai đoạn mới của độc lập tự do. Từ ảo tưởng trên, các người làm văn nghệ của những năm 56 trở lại đã có những thái độ tương tự như thái độ của những người con hoang hiện nay của ông Nguyễn văn Trung. Cũng Heidegger, J.P. Sartre, cũng hiện sinh, nhân vị, cũng tiểu thuyết siêu hình, cũng thái độ ngây thơ đối với hoàn cảnh đất nước, nhất là cứ g tách văn chương khỏi chế độ và tình hình chính trị miền Nam. Về điềm này Lữ Phương đã nhận xét rất đúng: ... họ chỉ sản sinh ra được những tác phẩm ngắn hạn lấy ngôn ngữ âm u làm sự cao siêu lấy sự hoài nghi đời phũ làm giá trị, lấy cái áo ngoài lai sắc sỡ mặc bên ngoài làm dáng trí thức (3). Chính trong khung cảnh ảo tưởng và che đậy của chế độ thuộc địa trá hình đó mà ông Trung đã

(1) Mai Thảo, Sài Gòn, thủ đô văn hóa Việt nam, Sáng tạo số 1 tháng 10/56. t. 4.

(2) Nguyễn khắc Hoạch, Đi vào đoạn đường hôm nay, Thế Kỷ 20, số 1, tháng 7/1960, t. 4 và 8.

(3) Lữ Phương. Mấy vấn đề văn nghệ xb Trình bày, 1967, tr. 140, 141.

làm văn nghệ, Thứ văn nghệ của ông hồi đó chỉ khác thứ văn nghệ con hoang hiện nay ở trình độ chứ không khác nhau về bản chất một đẳng giới thiệu sáng sủa và mạch lạc còn một đẳng trình bày tối tăm, vụn vặt, một đẳng đã tiêu hóa được phần nào và không có thái độ sùt quân văn nghệ còn một đẳng sắc mùi thuốc đày hơi và có thái độ khoa trương (*văn nghệ chính thống, văn nghệ đích thực*). Từ 1964, hệ số vong bản mất dần, ông Trung bắt rẽ vào hoàn cảnh Việt Nam, rung động vì những biến cố của đất nước, ông đã thay đổi thái độ. Trong khi ông đã đổi lập trường viết và sống thì những người theo hoặc chống ông vẫn ở giai đoạn cũ, chẳng hạn viết mới mẻ hơn, trình bày rõ ràng hơn... họ tiến triển hơn trong phạm vi thông ngôn, giới thiệu nhưng đã dậm chân tại chỗ trong phạm vi sống thực con người họ cũng như đất hứa họ. Họ đã nói rất hay những điều không đáng nói ở Việt-nam.

Từ đây, có một khoảng cách giữa ông Trung và những người con hoang của ông, khoảng cách trong cách nói cũng như trong điều ông nói ra. Những người muốn theo ông mà đi vào con đường của ông từ khoảng 10 năm nay tức là đang đi vào ngõ bí vì đó là theo những điều ảo tưởng ngây thơ, mặt khác, theo như thế có khác gì chống lại ông, vì thực ra những điều đó có thể đã bị chính ông vượt qua, phủ nhận. Những người chống ông mà không đứng trên bình diện triết lý chính trị xã hội nhưng lại đứng trên quan điểm văn chương viễn mơ, vô thưởng vô phạt thì có khác gì đang theo đuôi ông và là theo đuôi những gì không tưởng, lạc hậu nhất. Về phía ông Trung tất nhiên ông không thể nhìn nhận những

người con hoang văn nghệ đó và ông chỉ có thể phủ nhận họ, phủ nhận càng gắt gao càng giúp họ tiến bộ và trong khi phủ nhận ông không thể quên rằng đó cũng là phủ nhận chính *đứa con hoang trong ông, đứa con hoang của khoảng 10 năm văn học trước đây*.

Có nhiều người cho rằng uy tín văn hóa của ông Trung là do giọng văn sáng sủa mạch lạc cùng những tư tưởng tiến bộ mới mẻ của Âu tây mà ông đã có công đem vào Việt Nam. Nhận xét như vậy không phải là sai lầm nhưng chưa nói được điều đáng nói vì có nhiều người viết cũng sáng sủa mạch lạc, mặt khác mọi tư tưởng mới mẻ của Tây phương chưa hẳn đã là tiến bộ đáng bắt chước. Thực ra, uy tín của ông là ở tính cách *biện chứng* của tư tưởng, nó thể hiện bằng ý chí muốn cọ sát tư tưởng với thực tế, muốn vượt mở kiến thức thông ngôn để bắt đầu lại từ hoàn cảnh của đất nước. So với Nhận Định I, Nhận Định II thì Nhận Định IV, Chủ nghĩa Thực dân, ca tụng thân xác... là những bước tiến rõ rệt. Chính vì vậy, dù có một thời kỳ đã từng là con hoang của văn nghệ và quê hương hiện nay ông vẫn là khuôn mặt đáng kể trong văn học miền Nam.

oOo

Nhận mình là ảo tưởng, là con hoang thì còn nuôi dưỡng ý chí tự lướt thẳng đề vươn lên chứ vì tự ái, mà chối bỏ những nhãn hiệu đó thì càng chìm đắm trong trạng thái ảo tưởng, con hoang. Trong quá khứ, những người con hoang văn nghệ và chính trị đã có những thái độ kỳ quặc và tức cười. Ai cũng tưởng mình mới là đại diện cho đường hướng sáng tác văn nghệ hoặc chính trị chính thống và coi người khác, khuynh hướng

khác là « ngoại đạo ». Con hoang văn nghệ chỉ con hoang chính trị và cho rằng chỉ đường lối sáng tác văn nghệ của mình mới chính thống còn các thứ văn chương khác đều sẽ qua đi, sẽ bị đào thải. Con hoang chính trị lại có thái độ khinh khỉnh đối với con hoang văn nghệ và cho rằng chỉ đường hướng sáng tác của mình mới là tiếng nói của thời đại, mới sống thực còn các thứ văn chương khác đều rẻ tiền, làm cầm. Con hoang văn nghệ đưa ra những lý thuyết, những tư tưởng tây phương tiến bộ, khúc mắc và cho rằng mình dân chủ tự do cần theo kịp những trào lưu tư tưởng tây phương tiến bộ. Họ cứ làm như họ đã là người Anh, người Mỹ, người Pháp rồi và đang tìm cách giới thiệu những điều mới mẻ của Anh của Mỹ của Pháp cho người Việt nam. Ngược lại, con hoang chính trị lại đưa ra những tư tưởng, những lý thuyết công bằng xã hội tiến bộ của xã hội chủ nghĩa không cộng sản làm như thế mình đã là người của xã hội chủ nghĩa không cộng sản rồi và đang giới thiệu tư tưởng tiến bộ đó cho người đọc. Họ nói tới thanh toán tay say mại bán, đóng cửa những thứ báo chí viễn mơ, kỷ luật khắc khổ, kinh tế chỉ huy, chống Mỹ... nhưng trong tay không có gì, ngoài cái bút. Cả hai đều có một thứ mặc cảm tạm gọi là *mặc cảm ông Nghè*. Chưa đâu ông Nghè đã đi hàng tồng, họ chưa là người dân của các nước dân chủ Tây phương hoặc người dân của các ác nước xã hội chủ nghĩa nhưng họ đã nhân danh những nếp sống của người Tây Phương hoặc xã hội chủ nghĩa để kết án nhau, chửi bới nhau. Thực sự cả hai đều là những tên nô lệ bị giam lỏng không có gì là dân chủ tự do cũng chưa có gì là xã hội chủ nghĩa không cộng sản. Làm văn nghệ viễn mơ,

xa rời thực tế thì có khác gì làm văn nghệ cách mạng mà không có chủ quyền và lực lượng quần chúng, và ngược lại, làm văn nghệ cách mạng không chủ quyền không quần chúng thì có khác gì làm văn nghệ viễn mơ siêu hình. Thực là mâu thuẫn khi hai khuynh hướng giống nhau lại tìm cách chửi bới nhau. Điều giống nhau đó là cả hai đều muốn phủ nhận tình trạng nô lệ không phải bằng hành động nhưng bằng ngòi bút và óc tưởng tượng. Tình trạng kỳ quặc trên chỉ có tính cách giai đoạn, nó sẽ qua đi khi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội thay đổi. *Mặc cảm ông Nghè* là trạng thái tâm lý đặc biệt của người thành thị trong buổi giao thời. Đã đến lúc phải thay đổi thái độ. Kẻ thù của những người làm văn nghệ viễn mơ siêu hình không phải là những người làm văn nghệ tranh đấu cách mạng, kẻ thù của những người làm văn nghệ tranh đấu, (cách mạng xã hội không cộng sản) không phải là những người làm văn nghệ viễn mơ siêu hình, chúng ta có những kẻ thù chung mà chúng ta chưa dám đối đầu nên chúng ta chống đối nhau để khỏi phải đối đầu với kẻ thù chung đó và để có ảo tưởng rằng chúng ta đã hành động, đã làm được một cái gì.

Chúng ta thường dùng óc tưởng tượng để chối bỏ và bóp méo những sự thật nóng bỏng của dân tộc. Trước kia, những giọt nước mắt quốc gia ngây thơ đã không xóa bỏ được Hiệp định Genève thì ngày nay, liệu những bộ óc giàu tưởng tượng nhưng chậm hiểu của chúng ta có thể xóa bỏ được những hàng rào thép gai, những bao cát hay những bẫy cấm bằng tiếng Mỹ nhan nhản trên quê hương hay không?

Thế-giới trong những tuần qua

● TỪ-TRÌ

Các biến chuyển trong những ngày gần đây đáng được chú ý tới là việc ông Mac Namara, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ từ chức, cuộc họp báo thứ 16 của tướng De Gaulle từ khi giữ chức vụ Tổng thống Pháp, và những lúng củng nội bộ tại Hy-lạp. Những biến chuyển này tuy quan trọng, nhưng cũng chỉ là một giai đoạn mới của lịch sử thế giới bắt nguồn từ những hiện tượng chính trị có sẵn.

Mỹ-châu : Ông Bộ-trưởng Quốc-phòng Mỹ Mac Namara ra đi :

Năm 1961, khi Tổng-thống John F. Kennedy lên cầm quyền, ông Mac Namara được cử làm Bộ trưởng Quốc phòng. Năm 1963, khi Kennedy bị ám sát, ông Mac Namara vẫn giữ nguyên chức vụ cũ. Với sự bành trướng của chiến tranh Việt Nam, uy tín ông Mac Namara đã lên tới một đỉnh và đã phá kỷ lục ở chức vụ Bộ trưởng Quốc phòng lâu năm nhất trong lịch sử Hoa kỳ. Ngày 27-11-1967 Ông Mac Namara từ chức và được cử làm chủ tịch Ngân-hàng Phát-triển Thế-giới (B I R D).

Tại sao ông Mac Namara lại ra đi? Ông bị bắt buộc hay tự ý xin thôi? Đó là những câu hỏi mà các quan-sát-viên đã đặt ra. Năm 1961, khi Ông Mac Namara nhận chức vụ Bộ trưởng Quốc phòng, ông đã xáo trộn hơn toàn Ngũ-giác-đài và đặt ra một nền nếp mới. Nay ông ra đi thì tòa nhà này đã được biến thành một bộ máy quân sự tối tân nhất và hiệu lực nhất thế giới. Ngũ-giác-đài là một tòa nhà vĩ đại gồm có 7000 văn phòng, 150 cầu

thang, 128 cây số hành lang, và 1900 chậu rửa mặt. Cai quản một cơ quan rộng lớn như vậy đòi hỏi một khả năng đặc biệt. Khi tới nhậm chức, ông Mac Namara đã phải đối phó với một tình trạng vô cùng hỗn độn. Các tướng lĩnh luôn luôn tranh chấp nhau, không có cùng một quan-niệm phòng-thủ. Các binh-chủng ganh tỵ nhau trong việc chế-tạo hỏa-tiến và vũ-khí nguyên-tử. Các nha sở không có thẩm-quyền rõ rệt nên sợ nọ lấn quyền sở kia. Cả hệ-thống phòng-thủ lãnh-thờ Hoa-Kỳ đều dựa vào Bộ Tư-lệnh Không-quân chiến-thuật (Strategic Air Command). Để đối phó với sự xâm lấn của Nga tại các địa-phương người ta chỉ nghĩ tới một phương-tiện duy nhất là đội bom nguyên-tử ào ạt để phá hủy toàn-diện lãnh-thờ Nga.

Ông Mac Namara đã áp dụng phương pháp của một kỹ-sư để cải-tổ lại bộ Quốc-phòng. Ông hủy bỏ những cơ-quan không cần thiết. Ông tuyển những chuyên viên có khả-năng, tốt nghiệp tại những Viện Đại-học có tiếng nhất. Ông đã tận dụng máy điện-tử để phân-tích tình-hình quân-sự trên thế-giới. Ta không nên quên rằng tháng 6 - 1967 vừa qua, nhờ có máy tính điện-tử mà ông Mac Namara đã biết trước rằng chiến tranh Trung-Đông sẽ chỉ kéo dài có 5 ngày. Nói tóm lại, với Mac Namara, Ngũ-giác-Đài, trụ-sở Bộ-Quốc-Phòng Mỹ, đã trở thành một nhà máy hết sức tinh vi và tối tân.

Trong có hai năm, Ông Mac Namara đã tăng cường lực-lượng phòng-thủ của

Hoa - Kỳ rất nhiều. Từ 12 sư - đoàn chiến - đấu ông đã tăng lên tới 16. Không quân từ 21 nhóm chiến-thuật đã tăng lên tới 21 nhóm. Từ 15.000 thủy-quân lục-chiến, ông Mac Namara đã đưa lên tới 190.000 người. Ngân-sách được dùng một cách hợp - lý và hữu-hiệu hơn. Nhờ ông mà kỷ-luật đã được tái lập. Các tướng lĩnh đều phải thần phục vị Bộ-trưởng dân-sự.

Với một công-trình vượt quá sức người như vậy, ông Mac Namara đã phải làm việc 13 giờ một ngày và 6 ngày một tuần. Sau 7 năm tận tụy ông không còn đủ sức khỏe để làm việc nữa. Ngoài ra ông còn gặp nhiều sự chống đối. Trước hết tại Thượng-nghị-viện, tuy ông được mọi người tán phục nhưng ông không được các Thượng-nghị-sĩ ưa chuộng. Họ chê ông là kiêu ngạo. Các tướng lĩnh trong quân đội cũng không thích ông, vì ông quá nghiêm khắc. Ngoài ra người ta còn cho là ông không đủ cứng rắn trước chiến-cuộc Việt-Nam. Các tướng lĩnh muốn tăng cường việc oanh tạc Bắc-Việt để mau chiến thắng. Nhưng Mac Namara không chịu và chỉ đề nghị đặt một hàng rào điện-tử để khóa chặt biên giới Việt nam ngõ hầu ngăn chặn sự xâm nhập của Việt cộng.

Trước sự chống đối ngày một mạnh mẽ, Tổng thống Johnson đã phải quyết định hy sinh Mac Namara. Còn một năm nữa sẽ có cuộc bầu cử Tổng thống. Ông Johnson, muốn được tái cử, trước hết phải chiến thắng được ở Việt Nam hay ít nhất cũng phải có tại đây một ưu-thế quân sự rõ rệt để hấp dẫn cử tri. Ngoài ra muốn có thêm uy tín, tổng thống Johnson phải o bế các Thượng nghị sĩ. Như vậy Mac Namara thành một trở ngại cho sự tái cử của Thống Johnson nên ông Johnson

đành phải cho Mac Namara « từ chức » để có thêm hy vọng tái cử và cũng để cho Mac Namara được nghỉ ngơi sau 7 năm làm việc quá sức. Sự ra đi của Mac Namara có nghĩa là Mỹ sẽ cứng rắn hơn trước chiến-cuộc ở Việt Nam và phe chủ chiến « điều hậu » đã có ưu thế.

Âu châu : chiến dịch chống Mỹ của Pháp là đảo chính tại Hy-lạp

Tại Pháp, De Gaulle vẫn tiếp tục chiến dịch chống Mỹ. Ngày 27-11 vừa qua ông đã mở cuộc họp báo thứ 16 từ khi giữ chức vụ Tổng thống. Nhưng lần này mục tiêu của ông được nói rộng hơn mọi khi, vì theo De Gaulle đối thủ của Pháp giờ đây ngoài Mỹ ra còn có Anh, Do-thái và Gia-nã-đại.

Một lần nữa, De Gaulle gây khó khăn không cho Anh gia nhập Thị trường chung. Trước kia De Gaulle đã đặt cho Anh điều kiện tiên quyết là nếu muốn gia nhập Thị trường chung, Anh phải chỉnh đốn lại kinh tế của mình bằng cách hạ giá đồng Anh kim. Anh vừa rồi đã làm như ý muốn của De Gaulle nhưng De Gaulle vẫn chưa hài lòng. Ông muốn Anh phải thay đổi toàn diện thì mọi hy vọng được chấp nhận vào Cộng đồng Âu châu. Thay đổi toàn diện có nghĩa là Anh phải xa lánh Mỹ, phải bỏ mọi liên hệ với Liên Hiệp Anh và tóm lại phải trở thành một quốc-gia cô lập chịu thần phục Pháp. Nhưng dù có muốn thỏa mãn De Gaulle thì Anh cũng chỉ thay đổi được về lâu dài. Vì vậy trong khi chờ đợi, De Gaulle chỉ thuận cho Anh trở thành một nước liên kết với Thị trường chung mà thôi. Ngoài ra, ông còn đe dọa 5 quốc gia hội viên khác là Đức, Bỉ, Hòa Lan, Ý và Lục-Xâm-Bảo, nếu họ nhất định muốn Anh gia nhập thị Pháp sẽ rút khỏi Thị-trường-chung.

Đối với vấn đề Trung-Đông De

Gaulle lại một lần nữa lên tiếng ủng hộ Ả Rập và lên án Do Thái đã gây hấn. De Gaulle có kể lại rằng ông đã khuyên Do Thái đừng gây hấn mà Do Thái đã không « vâng lời » ông. Ngoài ra, ông còn làm cho chính phủ Do Thái phần nộ khi ông tuyên bố là sở dĩ Trung-Đông luôn luôn ở vào tình trạng căng thẳng chỉ vì dân Do Thái, một dân tộc tru tú, tự tin có khuynh hướng chế ngự « người khác » đã có tham vọng xâm lấn các nước lân bang. Lập trường này đã làm cho uy tín của De Gaulle tại các quốc gia Ả Rập được gia tăng mau lẹ. Hiện thời dân tộc Ả Rập có ba thần tượng là Allah, Nasser và De Gaulle. Chính sách của De Gaulle đã mang lại cho Pháp nhiều mối lợi vì Irak đang thương thuyết để mua những phi cơ phản-lực Mirage của Pháp và để cho Pháp quyền khai-thác dầu-hỏa.

Đối với Gia-nã-Đại, De Gaulle vẫn lớn tiếng đòi trả « độc lập » cho Québec. Thủ tướng Gia-nã-Đại, sau khi gọi thái độ của De Gaulle là một « sự kiện không thể chấp nhận được » vào tháng 6 năm nay, lại tuyên bố rằng thái độ trong cuộc họp báo của De Gaulle là một điều « không thể dung thứ được ».

Đối với Mỹ, De Gaulle cũng lập lại luận điệu rằng sự khủng-hoảng ở Trung-Đông là kết quả của chính sách gây hấn của Mỹ ở Việt Nam. Ngoài ra tướng Ailleret, Tổng tham-mưu-trưởng Pháp đã viết trong một bài báo là Pháp xét thấy các khối liên-phòng không còn cần thiết cho Pháp nữa. Như vậy ta thấy De Gaulle có ý định rút lui hoàn-toàn khỏi khối Bắc Đại-Tây-Dương.

Tổ chức Liên-minh Đại-Tây-Dương còn bị đe dọa rạn nứt vì cuộc tranh-chấp Thổ-nhĩ-Kỳ — Hy Lạp ở Chypre nữa (1). Nhà hòa giải Mỹ, Cyrus Vance, do Tổng thống Johnson cử sang, đã tìm được giải pháp cho cuộc tranh-chấp này. Hy Lạp và Thổ-nhĩ-Kỳ đã bằng lòng rút quân về. Ông Cyrus Vance còn đề-nghị

là giảm số lính của đoàn vệ-binh của Chypre và tăng cường quân đội Liên-hiệp Quốc. Đề nghị này, bị Tổng-thống Chypre là Makarios bác bỏ, nên sẽ được đưa ra trước Hội đồng Bảo-An Liên-hiệp-Quốc.

Kết quả là Tổng thống Markarios đã thắng lợi vì Hy Lạp không còn hy vọng sát nhập Chypre vào lãnh-thổ Hy nữa. Như vậy Makarios sẽ hoàn toàn được tự do hành động. Thổ-nhĩ-Kỳ cũng thắng lợi vì Hy Lạp đã phải nhượng-bộ và hoàn toàn thỏa mãn yêu-sách của Thổ. Nhưng vì vậy mà chính phủ quân-phiệt Hy Lạp bị mất mặt. Ngày 21-4 vừa qua, quân đội Hy Lạp đã cướp chính-quyền sau 2 năm khủng-hoảng chính-trị (2). Một chính-thể độc-tài quân-phiệt chỉ dựa trên những chiến thắng thì không được phép thất bại về mặt quân-sự. Với vụ Chypre, chính thể quân-phiệt Hy Lạp không còn đủ uy tín để tiếp tục nắm giữ chính quyền. Vì vậy Quốc vương Hy Lạp đã cùng với Hoàng-gia trốn khỏi Hoàng-cung kêu gọi kháng chiến và đòi thiết lập lại một chế độ dân chủ. Thủ tướng Koliass từ chức, Đại tá Papadopoulos thành-lập chính phủ mới, phế Quốc-vương Constantin, và có lẽ tôn Hoàng-thân Pierre lên ngôi. Đây là một trường-hợp hết sức lạ kỳ của lịch sử thế giới. Lần đầu tiên ta thấy một nhà vua tranh đấu để tái lập dân-chủ. Hơn nữa vua Hy Lạp từ trước tới nay vẫn có tiếng là khuynh-hữu. Chính vì Quốc-vương Constantin có nhiều tranh-chấp với chính phủ tả-phái của ông Papandréou nên quân đội mới có dịp để đảo chính. Nhưng ông vua khuynh hữu Constantin cũng không chịu được sự độc-tài của các đại-tá Pattakos và Papadopoulos nên sau cùng đành phải tìm tự do vậy.

TỪ-TRỊ

(1) Xin xem Bách Khoa số 253 ngày 15-12-1967 mục « Thế giới trong những tuần qua ».

(2) Xin xem Bách Khoa các số 249 và 250 ngày 15-5-1967 và 1-6-1967 mục « Thế giới trong những tuần qua ».

Giáng - sinh

và khát - vọng Hòa - bình

Thưa quý vị thánh già (1)

Đã ngót 20 thế kỷ, một trẻ thơ đã ra đời.

Trong một hoàn cảnh rất tầm thường. Hay còn thê thảm nữa là đang khác. Có lệnh kiểm tra. Mọi người phải về quê hương xứ sở của mình để trình diện. Gia đình của đứa trẻ cũng về quê. Tại Bêlem, một thị trấn bé nhỏ. Thân phận dân nghèo, lâu năm luân lạc xứ người, lúc phải về quê, thân thuộc không còn, tiền nong không sẵn, và Thánh Kinh ghi « Không có chỗ cho ông bà trong nhà trọ » (Lc 2, 7)

Đứa trẻ sinh ra trong cảnh đầu đường xó chợ. Và Thánh Kinh ghi kỹ : « Bà Mẹ lấy tã bọc con mà đặt nằm trong máng cỏ » (Lc 2, 7). Máng cỏ cho bò lừa ăn. Giữa một chuồng nuôi súc vật. Gió trời lồng lộng. Súc vật sẽ được đưa đi chỗ khác búa gió hơn mới thừa chỗ cho đứa trẻ sơ sinh. Không có gì là thơ mộng như những hang đá bằng giấy bạc óng ánh và tưng bừng hoa nến ngày nay.

Trong máng cỏ, đứa trẻ sơ sinh như trăm ngàn đứa trẻ sơ sinh khác. Bỏ gọn được trong lòng hai bàn tay người lớn. Không biết đi, chẳng biết nói. Sự sống nương tựa hoàn toàn vào bầu sữa mẹ. Đức Yêsu trong máng cỏ đã chỉ là hiện thân cho những gì nhỏ bé, yếu đuối, mong manh tầm thường nhất của nhân loại.

Và ngày mai đây, sổ kiểm tra của Bê-lem, xứ dân nghèo, sẽ chỉ ghi thêm một dòng tên và con số tổng kết sẽ chỉ tăng lên một đơn vị. Không có gì đáng kể.

Các thiên thần trên trời có xuống đánh thức những kẻ chần chừ trong vùng, cũng chỉ biết căn dặn họ thế này để thúc giục họ đi tìm « Đấng Cứu Tinh » : « Các anh sẽ gặp thấy một hài nhi mình vẫn tã, đặt nằm trong máng cỏ » (Lc 2, 12) Thế là hết, không có chuyện trán rộng, mắt to hơn người thường. Không có chuyện thân đồng da sắt. Không phải Phù Đổng Thiên Vương. Không phải Vô kỵ thần đồng chuyện chuồng.

Đức Yêsu trong máng cỏ chỉ là hiện

thân cho những gì nhỏ bé, mong manh yếu đuối, tầm thường nhất của nhân loại.

Cái gì nhỏ bé, mong manh, tầm thường nhất của nhân loại kia rơi lạc giữa một thế giới bạo tàn. Bạo tàn như vẫn bạo tàn và bạo tàn hơn bao giờ hết có thể bạo tàn. Tượng trưng cho bạo tàn là nhà vua Hêrode

(1) Bài nói chuyện trên Đài phát-thanh Saigon, mục « Diễn-đàn tự - do », vào 21g40 ngày 24-12-67

sẵn sàng củng cố địa vị, quyền lực của mình bằng bất cứ giá nào. Kề cả bằng máu người vô tội. Nhà vua Hêrode dùng thủ đoạn, lập kế đề thủ tiêu đứa bé mà ông tưởng rằng sẽ tranh dành ngôi báu của mình trong tương lai. Gia đình đứa trẻ ôm con trốn qua xứ người. Không thành công trong dệu kế đề nhận diện đứa trẻ, nhà Vua, như Thánh Kinh kể lại, tức cuồng lên và sai quân tru diệt các trẻ sơ sinh tại Bêlem và tất cả các nơi phụ cận từ hai tuổi trở xuống, chiếu theo thời gian ông đã dò hỏi tường tận nơi các đạo sĩ". Ngày ấy bao nhiêu bà mẹ chỉ có tình thương trong tim đã bị khí giới bạo cường cướp giật những đứa con vô tội khỏi hai cánh tay âu yếm.

Đức Yêsu sinh ra đã chỉ là hiện thân cho những gì nhỏ bé, mong manh, yếu đuối, tầm thường nhất của nhân loại. Và thân cô thể cô giữa bạo tàn. Máu vô tội vẫn đỏ quanh Ngài. Đêm tối dày đặc một khối đen thù hận.

Thế mà giữa đêm tối dày đặc một khối đen thù hận ấy, trên đứa trẻ sơ sinh mong manh, nhỏ bé thân cô, thể cô ấy, đã vang lên, đã bừng sáng lên cái ước vọng thâm sâu nhất, thiết tha nhất, lớn lao nhất của loài người, cái ước vọng an bình toàn diện, an bình trọn vẹn, an bình vĩnh viễn, an bình phải đi đôi với chính vinh quang của Thiên Chúa như bóng với hình :

*Vinh danh Thiên Chúa trên trời cao
thắm,*

*Và bình an dưới đất cho người Chúa
thương.*

Trên máng cỏ, giữa đêm tối dày đặc, đã vang lên tiếng hát bình an ấy.

Phải chăng là giờ đã điểm cho cái

ngày tiên tri Isaia mơ ước từ bao nhiêu thế hệ trước :

" Khi ấy người ta sẽ lấy gươm rèn thành lưỡi cày, lấy giáo đánh thành liềm hái. Các quốc gia không còn đâm chém nhau, chiến tranh sẽ chấm dứt..."

oOo

Ngót 20 thế kỷ đã qua rồi từ đêm ấy. Đêm nay, chúng ta lại còn mừng lễ Giáng sinh, còn nhắc nhớ cảnh đêm xưa.

Đêm nay, là tin đồn hay không là tin đồn, lòng Cụ, lòng Ông, lòng Bà, lòng Anh, lòng Chi, lòng Em, lòng tôi đều còn vang lên ước vọng Hòa Bình. Ước vọng loài người thương yêu nhau, con người gần gũi con người hơn, không còn hận thù, không còn cả vô tình, lãnh đạm trong ánh mắt khi con người nhìn con người.

Ước vọng gươm giáo thành liềm hái, bom đạn thành máy cày và chiến tranh chấm dứt. Phải đừng bao giờ còn chiến tranh nữa !

Nhưng đêm nay, hôm nay vẫn còn đen đặc một khối bạo tàn và thù hận. Vẫn còn thân phận nhỏ bé, mong manh của con người. Bất công chênh lệch đầy dẫy tràn ngập trước mắt chúng ta.

3/4 nhân loại, một tỷ rưỡi con người vẫn sống trong cảnh kém mở mang, thiếu đói bên cạnh 1/4 nhân loại, nửa tỷ người là những nước giàu, lúa gạo không biết đở đâu cho hết.

Lúa gạo không đở đâu cho hết thì các nước giàu vẫn ham biển lưỡi cày thành gươm, liềm hái thành giáo, sắt thép tài lực dồn vào việc đúc đạn, đúc bom. Không phải là chuyện dờn. Hàng năm tất cả các nước giàu thì 7 tỷ đô la viện trợ cho tất cả các nước nghèo, còn người ta đở 140 tỷ đô la vào các việc vô

rang. Mười năm về trước, nước bạn đồng minh giàu mạnh và quảng đại thí cho việc mở mang đất nước chúng ta hàng năm trên dưới nửa tỷ đô la. Còn năm nay 50 tỷ đô la đã được xài vào chiến trường Việt Nam.

Đề cho các bờ sông lạch Saigon hoa lệ tràn đầy những ô chuột, hai bên cầu đường Hai Bà Trưng, hai bên cầu Công lý, hai bên cầu Trương minh-Giản, hai bên cầu chữ Y, ở mắt, ở mũi ở miệng Saigon hoa lệ, vẫn lúc nhúc hàng vạn con người đánh nhau từng thước vuông của một vùng bùn lầy nước đọng. Nơi gì đến những người dân di cư gần đây ở Thành Lộc Thôn, hay ở Cam Lộ vùng giới tuyến. Chạy trốn bom đạn để rơi vào đói rách. Không chạy thì tiếng súng đếm không kịp, chạy thì bầy đồng bạc một ngày, vú mẹ cố vắt mà nuôi con.

Đề cho các đồng rác vẩn minh kếp sù ở Đan Giang, ở Chu Lai, Cam ranh, ở Biên Hòa, ở Ngã ba Bà queo vẫn lờn ngồn chuột người bươi lên bới lại tìm đồ hộp thặng dư đem về bán làm những món bở cho nhau.

Đề rồi như báo chí vừa đăng tải, có nhà bác học sẵn lòng nhân đạo bên Hoa kỳ, vừa tính trước cảnh nhân mãn và nạn đói mười năm nữa, vừa đề nghị cúp viện trợ cho 350 triệu người Ấn độ bây giờ. Nhà bác học tính hay lắm: thà đề cho họ chết đói trong hiện tại mà chuẩn bị cho đồng đảo con người khỏi chết đói trong tương lai. Nhà bác học làm như không biết rằng bao nhiêu liềm hái, bao nhiêu lưỡi cày đang được biến thành đạn thành bom.

Và riêng quê hương chúng ta đang nhiều lửa khói napalm hơn lửa khói bếp lò, đang sẵn súng lớn súng nhỏ hơn máy cày. Ông Đỗ trưởng vừa kêu ca

Sài Gòn đường sá nhảm nhờ, nhưng việc sửa chữa đường bị kẹt vì thiếu máy cán đường. Nhưng máy cán người lại tràn ngập quê hương.

Dấu báo hiệu chúng ta đã ý thức hoàn cảnh trở trêu bi đát kia là như một người trẻ, Miền Đức Thắng, đang cầm đàn mà ca :

*Ôi những viên đạn bằng đồng
Thật tươi thật đỏ hồng
Các nước bạn đồng minh
Tặng cho dân Việt mình.*

*Dân Việt cần cơm áo
Bạn đồng minh hiếu thảo
Tặng viện trợ thật cao
Những viên đạn đỏ hồng...*

*Ôi nhân danh hòa bình
Ta nước bạn đồng minh
Xin ủng hộ hai miền
Những viên đạn vẩn minh.*

Những viên đạn vẩn minh.. Nghĩa là trung bình 45 kí bom là phần viện trợ trên mỗi đầu người Việt, ngoài Bắc cũng như trong Nam, theo một bản thống kê gần đây đăng trên Chính-Luận.

Và đêm nay, hôm nay, máu vô tội vẫn còn đỏ chung quanh các máng cỏ, hang đá tung bưng hoa nển.

Người ta đã cộng trừ, nhân, chia và cho biết: Theo số thống kê của các bệnh viện công thì nguyên năm 1967 vừa qua, 24.000 thường dân đã bị giết hại, 76.000 thường dân khác đã bị thương vì chiến tranh. Trong số ấy, 55% đàn bà con gái, 20% là trẻ em dưới 13 tuổi. Người ta còn nhấn mạnh trên đề tít báo: 40% nạn nhân bị Việt cộng giết chết bằng đủ mọi cách. Còn 60% kia, ai giết và giết bằng cách nào, tốt hơn là đừng nên nói, và đó là mới kể nguyên thường dân miền Nam. Có

điều chắc chắn là chiến tranh đã giết đủ 100%. Chiến tranh đang chà nát quê hương Máu người vô tội đã và đang thấm đủ từng tấc đất của cha ông chúng ta để lại.

Thưa quý vị thánh giá.

Ngót hai mươi thế kỷ đã qua từ đêm Giáng sinh ấy, từ đứa trẻ mong manh, nhỏ bé ấy, từ khung cảnh bạo tàn đổ máu người vô tội ấy, từ tiếng hát kỳ lạ báo hiệu niềm vui bình an ấy, nhưng ngày nay, đêm nay, vẫn như không một chút gì thay đổi. Gươm giáo chưa thành liềm hái, lưỡi cày, tiếng gọi của Đức Giáo Hoàng ở Liên hiệp quốc: «*Đừng bao giờ có chiến tranh nữa!*» vẫn là tiếng kêu trong sa mạc, máu người vô tội vẫn kêu lên thấu tận trời.

Phải chăng tiếng hát «*Bình an cho người Chúa thương*» chỉ là mộng ước chẳng bao giờ thành?

Gọi lại hoàn cảnh xưa, nhìn vào thực trạng loài người và quê hương ngày hôm nay, điều tôi muốn nói giản dị lắm:

Chúng ta có thể hoài nghi, chúng ta có thể không tin — như người tin đồ chân thực — ở Hòa Bình trên Máng Cỏ. Nhưng có điều chắc chắn là Hòa Bình ấy không thể xây dựng trên võ lực, không làm bằng đạn, bom, súng ống được.

Hòa bình ấy chỉ bắt đầu, như đã bắt đầu từ hai mươi thế kỷ nay, với những con người dám tin ở Tình Thương, dám đổi gươm giáo lấy lưỡi cày, liềm hái, dám nhận cái thân phận mong manh cô thế của Đức Yêsu trước Vũ lực và Bạo tàn.

Người ta có thể không tin như thế. Người ta có thể chỉ tin ở súng ống, ở sức mạnh, Nhưng, van các Ngài, xin đừng nhân danh Đức Yêsu mà chủ

trương phải dùng sức mạnh để thắng sức mạnh, dùng bạo tàn để chống lại bạo tàn, hủy diệt sự sống, để bảo vệ sự sống, phải chiến thắng mới dẹp được chiến tranh. Đừng nhân danh đức Yêsu để chủ chiến mà gọi là đề mưu cầu Hòa bình còn gọi là chân chính. Van các Ngài, xin đừng nhân danh Đức Yêsu mà phong những người xử dụng đại bác và bom đạn làm những chiến sĩ của Đức Kitô như ngay giữa đêm Sinh Nhật năm nào.

Người ta nói nhiều đến «*nguy hòa*». Người ta chống «*nguy hòa*». Quả là có nhiều thứ «*nguy hòa*». Có cả tâm bệnh sợ máu như có tâm bệnh sợ nhện. Nhưng thật ra chỉ có một thứ nguy hòa đích danh nhất, quái đản nhất, phản trắc nhất, là khi người ta chủ chiến để gọi là đặt nền móng cho Hòa bình gọi là chân chính, Hòa bình gọi là hợp với tinh thần Chúa Kitô. Nguy hòa vì biện hộ cho chiến tranh bằng ngôn ngữ hòa bình và đạo đức. Bằng tất lối tít nhỏ, nói ngược nói xuôi, vo tròn, bóp nặn «*Hòa bình chân chính*» để đút cho gọn vào lò chiến tranh.

Đòi xây dựng Hòa bình chân chính trong khi chỉ tích cực xây dựng ý thức chủ chiến. Nguy hòa chính là nhân danh Đức Ki-tô, nhân danh đạo đức, mà thật ra chỉ tin tưởng ở vũ lực, ở khí giới ở bom, ở đạn. Áo thuật ép duyên chủ trương quyết chiến với khát vọng Hòa bình như thế mới là trò nguy hòa trắng trợn nhất.

Thà cứ cho rằng, cứ bảo rằng Hòa bình theo Chúa Giáng sinh là một bài tính sai, một bài tính vụng, một Hòa bình quá lý tưởng và bỏ Hang Đá Bêlem đi tìm hàng vài trăm nghìn vị Cứu tinh nơi khác, còn hơn là cố bóp nặn lại lý tưởng Hòa bình kia cho vừa họng súng đại bác,

và đặt bốn khâu đại liên xung quanh Máng cỏ.

Thà cứ nhân danh bản năng tự vệ của con người, thà cứ nhân danh lý trí không biết đến lòng tin, thà cứ nhân danh các máy tính điện-tử mà chủ chiến. Như thế ít nữa cũng là điều lương thiện, tương đối lương thiện.

oOo

Còn tuyệt đối là Đức Yêsu không có binh hùng tướng mạnh. Đức Yêsu không có lính. Trời không gởi cọng beo xuống trần gian. Không có thiên hồ trong Hang Đá cho dầu để thay vệ sĩ. Muốn tìm Ngài, « các Anh chỉ thấy một trẻ sơ sinh mình vẫn tã, đặt nằm trong Máng cỏ ». Và Hòa Bình của Ngài là tiếng hát phải vang lên trên đó như một hy vọng cuối cùng khi từ thế hệ này qua thế hệ khác, con người mở mắt ra mà thấy rằng gương giáo súng đạn chỉ chồng chất thêm xương máu với hận thù, hận thù chỉ sinh thêm mãi thù hận, con người càng cầm vũ khí giáp mặt nhau, Hòa-bình càng là ảo mộng hay ngụy tin.

Dầu sao, đêm nay, mặc dầu hai mươi thế kỷ qua vẫn tràn ngập máu xương, mặc dầu ngay đêm nay, một người em nhỏ, bao nhiêu người em nhỏ bên cạnh chúng ta vẫn là những người em chưa có Hòa bình.

Đêm nay, nếu chúng ta còn đứng lại với nhau, cho dầu chỉ một giờ hay mười phút, để tưởng niệm hay mừng Giáng sinh, thì chắc hẳn lòng chúng ta, tin đồ hay không tin đồ, lòng Cụ, lòng Ông, lòng Bà, lòng Anh, lòng Chị, lòng Em,

lòng tôi đều còn văng vẳng, còn lưu luyến, còn thiết tha một tiếng hát nào đó : « Bình an cho người được Chúa thương... »

Đó là niềm tin hay đó là ảo mộng, vẫn còn điều này chắc chắn : Chúng ta đều cần Hòa bình ấy. Hòa bình của một trẻ sơ sinh. Hòa bình làm bằng Tình thương không khí giới. Tình thương không khí giới đâu phải vì dầu hàng nhưng chính vì dám tin ở toàn thắng của chính mình, của nguyên một mình mình, Tình Thương.

Hòa bình « khi người ta sẽ lấy gương làm lưỡi cày, lấy giáo đánh thành liềm hái ».

Hay nói một cách khác, tất cả chúng ta, tự thâm tâm của mình, tự một góc nào còn trinh nguyên của lòng mình, tất cả chúng ta vẫn muốn kêu lên như Nhất-Hạnh, khi « chấp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện » :

« Xin làm cho chúng tôi,
hãy nghe tôi đây

.
tôi muốn nhắc lại một ngàn lần
trước khi tôi chết
hãy nghe tôi, như nghe chim đỗ
quỳên,

vì anh em
nhỏ giọt máu trên cành hoa mà kêu
lên tiếng kêu bi thương thống thiết :
tất cả các anh hãy quay bóng súng
về đập vào khối đen hận thù tham vọng,
hãy đưa bàn tay của các anh ra mà
chở che sự sống »

NGUYỄN NGỌC LAN (L.M.)

HẸM MẶT TRỜI

Nó ném phịch cái va-ly nhỏ xuống nền nhà xi-măng còn loang-lổ những vết nước chưa khô, rồi hối-hả chạy trở ra đường. Nó nhón-nhác trông ngược trông xuôi một lúc như thè tìm ai, nhưng không, nó chỉ xem chiếc xích-lô máy chờ nó tới đây đã đi thật chưa. Con đường nhựa tróc đá từng đám, nằm phơi tấm lưng trầy trụa dưới ánh mặt trời buổi trưa, im-lìm giữa hai dãy biệt thự cửa đóng then cài. Nó liếc nhanh qua những bức tường vàng sậm, những cánh cổng kè kè tấm hình đầu chó dữ, những cây đại bông trắng xóa bên kia đường... Tất cả đều như thường, nó yên chí hít vài hơi thật mạnh để tự trấn-tĩnh rồi trở lại ngõ hẻm, vào căn nhà ban nãy.

Căn nhà số 14 trong hẻm nó mới thuê được chừng tuần-lễ nay. Nó đã bảo ba nó tới trước từ hôm qua để sửa sang qua loa lại cửa nẻo và cái trần giấy cứng. Cửa quá cũ đã long lở, ọp ẹp, còn trần thì bục xuống từng mảnh và có nhiều vết ô xám quầng ở những chỗ bị giột. Nó vào trong nhà, chấp hai tay ra sau đảo mắt nhìn quanh. Nó khẽ nhíu mày nhìn những miếng vá bằng giấy báo loang-lổ và chật lười luôn mấy cái tổ ý bực mình. «Làm như vậy thà đừng làm còn hơn. Năm trăm đồng chắc lại mấy xi rồi!» Nó lăm-bằm một mình và đi quá vào phía trong. Một căn phòng nhỏ chiều ngang là chiều ngang của căn nhà: hai thước rưỡi, còn chiều dài cũng không dài hơn chiều ngang bao nhiêu. Hai tấm giấy cứng ép khuôn gỗ cao ngang đầu người được làm vách ngăn với căn ngoài và bếp. Sau cái bếp là một khoảng nhỏ sâu chừng một thước tây vừa là nhà cầu vừa là phòng tắm, ẩn trong tấm màn che bằng bạt xe cũ. Một cái giường sắt nhỏ và một cái bàn trang điểm kèn-càng choán kín căn phòng của nó, chỉ còn chừa lại vồn vẹn vừa một lối len chân để xuống bếp.

Nó đến trước tấm gương bầu dục cao hơn một thước gắn liền vào bàn, nghiêng qua ẹo lại ngó bóng mình và mỉm cười. Tấm áo dài trắng may rất khéo khít-khao ôm chàng lấy tấm thân rất lẳn của nó làm nổi bật lên những đường cong tự-nhiên và tự tạo. Nó ưỡn ngực lên, bộ ngực vốn đã đầy đặn của một cô gái đang tuổi dậy thì lại còn được chiếc su-chiêng màu hồng ruột cao-su làm cho càng thêm đồ-sộ.

Bộ mặt nó thật ra không đẹp lắm nhưng nhìn nó cười không ai không nhận thấy là nó rất có duyên. Chính nó cũng biết thế và nó có vẻ rất bằng lòng với

nụ cười trong gương của mình. Nụ cười đã làm lộ ra hàm răng trắng muốt với một chiếc nanh khềnh, đã dâng cao hai gò má làm đôi mắt hơi híp lại, sâu thêm và đầy vẻ đăm đuối. Cái đầu chải *chou* cuộn tròn như một tổ chim và kết thành một núi nhỏ nhô cao về phía sau như cái mũ ông táo đã làm tăng thêm cái vẻ ngồ-ngáo của một thứ *gái thời-đại* nơi nó.

Nó cởi bỏ áo ngoài, tuột giầy, nằm vật xuống giường, cái giường nhà binh nó đã mua lậu được với bộ nệm cỏ khá dày trên sáu nếp thép cong thay lò so, lúc đầu làm nó đau lưng khó chịu nhưng nay thì nó quá quen đến độ nằm giường lạ thì y như rằng khó ngủ. Nó khẽ nhún nhún mình làm cho người nó nảy nảy lên nhẹ-nhàng, những cái nếp thép cơ giãn kèn kẹt nghe đến ghê răng.

Nó xếp hai bàn tay tằm gối, nhắm mắt lại...

Nó nghĩ tới Bar Bạch-Yến, nghĩ tới vụ đụng độ vì nghề-nghiệp với con Mary-Châu, con này có ~~tràng~~ bồ là Sáu Cà-nhắc và chính vì cái thằng anh-chị sẵn-tay-em này mà nó phải bỏ Bar Bạch-Yến.

Nó đã âm-thầm tìm thuê được căn nhà gỗ trệt này và trước khi tới nhận việc ở tiệm mới nơi góc đường Tự-do, nó đã dọn êm tới đây cốt ý không cho ai biết. Không phải nó sợ bọn Sáu-cà-Nhắc, vì bọn kia đuổi được nó đi là mãn-nguyên rồi, nhưng trong thâm tâm, nó đang nghĩ đến một mưu kế nào đó chơi lại con Châu một võ cho bỏ ghét, vì vậy tạm thời nó cần giữ kín nơi ở.

Trong khi đó, Hai Điều, ba nó, đang ngắt-ngưỡng với tô gỏi gà và nửa chai để tại nhà chú Năm Xích-lô, tuy ở cùng hẻm nhưng trong một ngách nhỏ sâu hơn. Chính chú Năm Xích-lô đã mách Hai Điều căn nhà này khi nghe hẳn nói cha con hẳn muốn đổi chỗ ở. Chú Năm và Hai Điều vốn người cùng làng, một làng trước kia trù phú nằm bên bờ sông Cửu-long vùng Sa-đéc. Chú Năm đưa gia đình lên Sài-gòn cùng một dịp với Hai Điều chừng gần hai năm nay. Hồi đó vùng chú ở đang trong thời kỳ rối ren nhất: Đêm thì Việt-cộng quấy phá, ngày thì cường hào sách nhiễu đủ điều. Biết Hai Điều có con gái đang làm mướn trên Sài-gòn, chú liền xui hẳn viết thư cho con gái kể cảnh khổ ở nhà quê và hỏi xem liệu trên ấy có cách gì sống không.

Được ít lâu sau con gái Hai Điều từ Sài-gòn về đóa hẳn. Chú thấy tuy là đi làm mướn cho người ta mà nó cũng có áo quần tươm-tất, bông tai, giầy chuyền, nên chú tin-tưởng ở sức mình, chắc không thể nào bị đói khát. Thế là chú liền thu xếp việc nhà ra đi cùng một chuyến với cha con Hai Điều:

Lên Sài-gòn chú xoay xở mãi mới học được cái nghề xích-lô đạp. Và cho tới nay thì chú đã thành "yêu" trong nghề, nghĩa là không phải chỉ đạp khơi khơi ba cọc ba đồng mà còn kiêm nhiệm cả cái việc chỉ dẫn đường này lối nọ cho khách tìm hoa, nhất là khách ngoại quốc.

Sáng nay, chú tạm nghỉ đạp một buổi để sang phụ với Hai Điều sửa qua lại căn nhà mới thuê. Công việc chẳng có là bao, nhưng bà con lối xóm nơi xa lạ gặp nhau biết nhau là quý, huống hồ trước đây chính Hai Điều cũng đã nhiều lần tới giúp đỡ nhà chú trong những dịp quét vôi sửa mái. Hơn nữa, trước sau chú cũng có bụng thương Hai Điều nhiều vì hoàn cảnh đặc-biệt đáng thương của hẳn.

Vốn trước kia hẳn là một tay giàu có trong xã, nhưng trong thời chiến tranh đầu vào khoảng 46, 47 gì đó, nhà hẳn bị cháy, vợ hẳn bị chết nên hẳn đâm ra điên điên khùng khùng, điên thờ hoa lợi bán sạch, con thì đem cho làm con nuôi người ta.

Cũng may, con gái hẳn là đứa không đến nỗi tệ, Trên mười tuổi đầu nó bỏ nhà cha mẹ nuôi tìm lên Sài-gòn đi làm mướn, tháng tháng được đồng nào kí cốp gửi về cho cha đồng nấy. Rồi tới khi chiến tranh tái phát khá dữ dội ở dưới tỉnh, nó lại bỏ việc về đón hẳn lên.

Thời gian gần đây nó đi làm chiêu-đãi-viên cho các hộp đêm quy tụ ở đường Tự-do và những đường ngang kế cận gần như chỉ chuyên tiếp người ngoại quốc. Dĩ nhiên cái danh hiệu chiêu-đãi-viên khoác lên người nó chỉ để nguy-tích cho một nghề dễ-dàng hơn nhưng cũng hái ra tiền hơn.

Chú Năm rất thương nó, nhiều khi nếu có dịp chú vẫn thường kiểm mỗi không cho nó, hoặc giả có những lúc quán nó bị đóng cửa bắt tử, chú vẫn dành cho nó một số giờ vào lúc chập choạng để cho nó rêu rêu dọc theo bến Bạch Đằng kiểm khách. Những lúc như vậy nó thường thổ lộ tâm sự với chú rất nhiều: Nào là nó chỉ muốn trở lại nghề đi làm mướn hoặc đem ba nó về quê làm ruộng, nhưng làm mướn thì không đủ tiền nuôi ba, về quê thì không yên; Nào là ba nó thường mướn hơi rượu nhiech móc đánh đập nó hoài, rồi có đồng nào nó dưng dưng được cũng moi ra xài hết. Dĩ nhiên mỗi lần như thế chú Năm lại phải lựa lời an ủi nó. Tuy nhiên, có một điều nó biết, mà chắc chú Năm cũng biết như không ai nữa nói với ai là trong thâm tâm ba nó hẳn học với nó như kẻ thù. Mỗi khi ba nó nổi khùng lên, nó thường thấy trông mắt ánh lên cái vẻ muốn giết người, mà người đây dĩ nhiên là chỉ có nó.

Khi còn ở dưới quê, lúc nó mới được bốn tuổi, sau hồi mẹ nó chết đầu chừng một tháng, hai cha con có lần suýt chết đuối ở dưới rạch, nếu không nhờ mấy người đặt lờ ở gần đó trông thấy vớt lên. Trong vụ này, một trong những người đặt lờ đã quả quyết là thấy ba nó nhấn nó xuống nước nhiều lần, nhưng vì lúc ấy hẳn đang say mèm nên đã chơi với ngã theo luôn. Người ta đồn ầm lên là ba nó có ý định giết nó. Và có lẽ đề đề phòng những bất trắc có thể xảy ra khi ba nó bốc men qua mấy sị đố, bà con lối xóm đã khuyên nên đem nó cho người khác nuôi. Ba nó nghe theo không chút ngần ngại. Nguyên do cũng chỉ vì cái chuyện má nó chết.

Hồi xưa ba nó còn được dân trong tổng gọi là cậu Hai Điều một cách kính nể, vì cậu Hai cậu là con một của ông Hội-dồng Tường, một tay phú hộ có thế lực trong quận. Cậu Hai Điều đã lớn tuổi mà chưa vợ, không phải cậu già kén, nhưng cũng như phần lớn những thanh niên con nhà giàu hồi ấy, cậu chỉ nghĩ đến ăn chơi cho thỏa chí hơn là vội lập gia đình.

Một dạo có một đoàn hát bội về diễn ở quận lỵ. Cậu Hai Điều là một trong những khán giả đầu tiên cũng là khán giả trung-thành nhất của đoàn trong suốt một tháng trời đoàn trình diễn. Đến khi đoàn ra đi, cậu Hai cũng khăn gói đi theo, Cậu

đi không phải vì nghệ thuật gì hết mà chỉ vì nụ cười xiêu lòng của nàng Út, cô đào chính trong đoàn.

Bốn năm sau cậu trở về làng cùng với nàng Út, lúc đó đã là vợ cậu và đang có thai. Khi ấy ông hội đồng đã mất. Gia tài của ông trao qua tay cậu một ngày hao mòn dần, nhưng phải đợi đến thời kỳ chiến tranh, nhà cháy, vợ chết, thì cậu mới thật sự lâm và cảnh cùng cực: một mảnh vườn hoang, một mái lều rách và cô con gái mới lên bốn tuổi. Từ đó người ta thấy cậu Hai đôi hần tính nết. Ngoài những lúc làm việc ngoài đồng, cậu thường say bí tỉ và thường đưa con bé ra hành hạ đủ điều.

Đôi khi có bạn nhậu cậu lại lè nhè kể lại câu chuyện về cái chết của vợ. Cậu kể trong nỗi sốt sắng và trong nước mắt «Hôm, máy bay đó đến, cũng như mọi bữa, tôi, vợ tôi và nó kéo nhau ra vườn sau núp, nơi đó tôi đã đào sẵn trăng sê có lót chuối bên trên. Bất ngờ giữa lúc máy bay đang lượn ào ào trên đầu, nó vùng chạy ra khỏi hầm trở vô nhà. Vợ tôi hoảng hốt chạy theo lên giữ nó lại và chừng lúc vợ tôi vừa ôm được nó thì một chiếc máy bay xẹt đến trút cả một băng đạn xuống khu nhà tôi. Tôi nghe rõ tiếng vợ tôi rú lên và tiếng nó khóc thét, nhưng tiếng vợ tôi thì tắt ngúm ngay còn tiếng khóc của nó cứ the the mãi.. Sau lại thế được? Sao lại kỳ cục vậy? Chính nó đã vùng chạy lên mà. Nó, chứ không phải vợ tôi. Thế mà tiếng khóc của nó còn đó, còn đó, còn đó...!»

Thì ra trước mắt Hai Điều, nó chính là thủ phạm trong cái chết bất đắc kỳ tử của người đàn bà tài sắc mà Hai Điều đã yêu quý hơn cả thân mình, người đàn bà mà Hai Điều đã bỏ nhà đi theo suốt cả bốn năm trời.

Người ta cho là Hai Điều bất công. Những ý nghĩ và cách đối xử hằn học ấy với một đứa con bốn tuổi còn có thể gọi bằng những tiếng khác: bất nhân, tàn bạo. Tuy nhiên có một điều Hai Điều vẫn giữ kín chỉ thổ lộ với chú Năm một lần nên cũng chỉ có chú Năm biết chuyện đó, ấy là cái nghi vấn trong lòng Hai Điều về nó.

«Chú Năm à, thiệt tình cho tới nay tôi vẫn nghi nó không phải là con tôi. Tôi đi theo đoàn hát làm cái nghề bán vé, kiểm soát viên, Út nó có thèm ngó ngang gì tới tôi đâu. Thế mà tôi vẫn kiên tâm chờ đợi. Chờ cho tới hơn ba năm trời, Út nó mới đáp lại lòng tôi, và thiệt là kỳ chú Năm à, nó đòi tôi đem nó đi ngay khỏi đoàn. Nó bỏ hát. Tôi không thể ngờ nổi nó lại yêu tôi hơn yêu nghề. Rồi, bảy tháng sau, kể từ ngày ấy, con bé này ra đời. Bảy tháng mà bụng bầm rần rỏi, nhất định không thể là đẻ thiếu tháng được. Tôi nghi ngờ, nhưng tuyệt nhiên tôi không cật vấn gì Út, vì tôi thương nó quá, tôi sợ mất nó.»

...

Chú Năm ngửa cổ nốc cạn ly rượu, vét nốt những miếng thịt vụn lẫn lộn vớ: mấy cuộng cái bắp trong lòng tồ nhai ngấu nhai nghiền rồi hất hàm bảo Hai Điều:

— Thôi anh Hai về đi. Giờ này chắc nó tới rồi. Nó lại đợi.

— Kệ cha nó. Đợi cái gì mà đợi. Cửa nẻo tôi chỉ khép hờ, nhà đã dọn dẹp

sạch sẽ. Nó còn lười thôi gì tôi chứ ! Nó... nó... nó... mà cứ còn hay léo xéo với tôi nữa à, tôi thì tôi đâm cho một phát cho nó chết mẹ nó đi.

— Thôi anh Hai ! Nói chi mà kỳ dữ vậy. Dù sao đi nữa thì đối với anh nó vẫn giữ đạo làm con. Nó đi làm, nó nuôi anh, nó cho tiền anh nhậu nhẹt thế này, anh còn muốn gì nữa ? Anh không nghĩ đến thân phận nó.

— Thân phận nó à ? Nhưng nó có nghĩ đến thân phận tôi không ? Cái thân già trơ trụi ở trên đời. Vợ tôi... vợ tôi... hu... hu... Ừ ơ là Ừ...

— Ý, anh say rồi, anh Hai à. Đừng làm vậy, trẻ con nó thấy anh khóc lóc lười thôi chúng nó cười cho. Anh nhắc chi cái chuyện dưới quê hồi ấy. Tội lỗi đâu phải ở nó. Chỉ tại cái chiến tranh khốn nạn này. Không riêng gì tội mình mà ai cũng vậy, nhất là ở dưới ruộng, súng đạn có kẻ đâu là phải đâu là quấy. Số ai thế nào thì người nấy phải chịu, chứ anh tính oán trách kẻ thù đầy dẫy ngoài kia còn chả có hơi sức đâu, nói chi đến người thân kẻ thuộc của mình.

Hai Điều nín lặng, thò chân xuống đất khũa khũa tìm đôi giép cao su, rồi đứng dậy, khật khuống bước ra khỏi nhà chú Năm.

Trời giữa trưa nắng. Đường hẻm vắng ngắt. Hơi nóng từ những mái tôn bốc ra hừng hực. Hai Điều chệnh choạng đi, đôi mắt hần đỏ ngầu đầy những tia máu, đầu tóc hần rã rượi bê bết mồ hôi.

Bên đường, dòng nước cống đen sì rỉ rỉ chảy đầy theo một xác chuột chường phình. Một con chó nhỏ gầy guộc chạy theo bờ rãnh đánh hơi. Đến ngang một thùng rác nó đứng lại, dài cổ ra ngửi ngửi, rồi sục mõn bới tung làm thùng rác đổ kệnh, rác rưởi bắn tóe lên ngập lối đi. Hai Điều vừa bước tới bực mình tiện chân đá luôn cho con chó một cú. Con chó bị cú đá bất ngờ la hoảng lên « oảng oảng » rồi cúp đuôi chạy biến vào cuối hẻm. Chiếc giép của Hai Điều văng xuống rãnh. Hần tập tênh bước tới thò chân xuống khều lên, rồi lại tập tênh bước về nhà, vừa đi vừa lau nhàu chửi thề trong miệng.

Tới trước cửa, hần cần thận tuột giép ra, chà chân xuống nền đất rồi mới bước vào nhà. Vừa vào trong nhà là hần đã định nằm lả ra bộ ngựa mà ngủ cho đã, nhưng hần chợt trông thấy chiếc va ly nhỏ nằm lỏng chỏng ở bên vách, nên hần lại nhẹ bước vào phòng trong.

Ban nãy ngả lưng trên chiếc giường nệm một lát, nó đã ngủ quên từ lúc nào. Trời nóng, phòng hẹp ngột ngạt, mồ hôi nhả ra ướt cả lưng áo nó. Mặt nó đỏ bừng những hạt mồ hôi nhỏ lấm tấm trên trán, trên gáy, trên cổ.

Hai Điều đứng sững nhìn nó. Trán hần cau lại và mồm hần hơi xệch đi như mếu. Hần nghĩ đến vợ hần, cùng một khuôn mặt cùng một nước da, cùng một vẻ người. Thế là hần bưng hai tay lên mặt rưng rức khóc.

Nó choàng tỉnh dậy nhưng vẫn nằm im trên giường, đưa đôi mắt còn hấp hay ngái ngủ nhìn hần.

— Ba đã về đấy à ?

Nó hỏi. Và không đợi hẳn trả-lời nó tiếp giọng đay nghiến :

— Lại say nữa rồi :

Hắn buông hai tay xuống.

— Ủ, tao say, tao say đấy, Mày cấm tao à? Mày, ừ chính là mày mà...
Hu, hu Ừ ơ là Ừ!

Nó chống một tay định ngồi lên, nhưng vừa lúc ấy, hẳn xô tới, vung tay tát vào mặt nó, nó lại chúi xuống. Nó la lên:

— Tôi làm gì ông mà ông đánh tôi! Ông say rồi! Ông say quá rồi!

Hắn nghiến răng lại, dùng hai tay chụp lấy cổ nó.

Nó vùng vẫy ~~chống cự~~ cự dử dội, nhưng nó không kêu ra tiếng. Đầu nó hoa lên, mắt nó bừng nóng như muốn đổ lửa. Những tiếng lao rào ầm vang lên đầu đây. Những hình ảnh xa xưa... xa xưa lắm loang loáng hiện ra thật nhanh như những lần điện xẹt. Một con bé con lùn cùn chạy bõ vào trong nhà từ cửa hẻm trú ẩn. Nó thương con búp bê bằng vải nhồi bông, ừ, con búp bê...con búp bê... rồi nó ngã vào lòng má nó, rồi má nó ngã xuống, máu thấm sang áo nó đỏ ngòn. Những làn đạn bạo tàn! Những viên đạn đui mù! Những con người đui mù! 'Má ơi... Má ơi... Má ơi... Chờ con... «Tiếng gọi réo lên trong óc trong tim nó. Nó oằn người đi giãy mạnh một lần chót rồi rũ xuống, bất động. Cái đầu nó ngoẹo lả vào phía trong, mở t'c xô tung rối mù.

Đại Điều buông tay lui lại, nhưng mới được một bước thì đã đụng cái bàn trang điểm. Hắn nhón nhác nhìn quanh : Những bức tường đen ngòm bốn bên đang từ từ chuyển động khép lại dần, khép lại dần... về phía hắn. Hắn hoảng-hốt ôm lấy mặt rú lên...

MẠC-LY-CHÂU

SÁCH BÁO MỚI

— **Bông cúc vàng** tập truyện của Trần-quang-Long, do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 146 trang gồm 5 truyện ngắn. Giá 75đ.

— **Ki - niệm 100 sinh Phan-Bội-Châu** của một số tác giả, do Trình-Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 120 gồm những bài Hải-Khách, Võ-thành-Minh, Nguyễn-hiến-Lê, Nguyễn-Thượng-Huyền, Anh - Minh, Nguyễn-Thiệu-Lâu, Lê-văn-Hảo và Trần-viết-Ngạc. Bản đặc biệt. Giá 65đ.

— **Bước đầu chụp ảnh** của Nguyễn-cao-Đàm do nhà sách Việt-Băng ấn hành và gửi tặng. Sách dày 112 trang in lần thứ hai trên giấy blanc satiné sếp có rất nhiều hình ảnh mỹ thuật và thêm phần "giải đáp 17 thắc mắc" rất cần thiết cho các bạn bước đầu chụp ảnh. Giá 138đ.

— **Bút nữ hoa đàm**, tập thơ của Vũ-Hoàng-Chương do Vạn Hạnh xuất bản và gửi tặng, Sách dày 126 trang gồm 4 phần và trên 50 bài thơ. Tựa của T.T. Đức-Nhuận, bìa của Nguyễn-Gia-Trí. Giá 120đ.

SINH HOẠT

Sứ mạng của người cầm bút hôm nay (1)

« Sứ mạng của người cầm bút hôm nay » là đề tài của buổi hội-thảo đề kỷ niệm 10 năm thành lập Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam, và cũng là sự bản khoản khởi từ nỗi bản khoản chung của xứ sở. Đó là ý kiến của thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương chủ tịch T.T.V.B.V.N, khi khai mạc buổi hội thảo nói trên. Buổi hội thảo có chừng 300 người tham dự, đa số là các sinh viên, những người không cầm bút.

Linh-mục Thanh Lãng đặt vấn đề cho cuộc hội thảo.

Trước hết ông xác nhận. Nhà văn như nhà văn chắc hẳn phải có sứ mạng. Dù có người tuyên bố «tôi chỉ viết cho tôi». Nhưng tác phẩm của ông ta cũng đã tới tay độc giả, tác dụng vào tâm lý độc giả, và đương nhiên phải là một sứ-điệp. «Đại văn hào là sứ giả vô tình hay cố ý».

Linh mục Thanh Lãng đã dẫn chứng các tác phẩm trong văn học Việt-Nam với những sứ-điệp riêng chứa đựng ở trong.

Nhà văn nào cũng có sứ mạng. Còn sứ-mạng đó với lịch-sử ra sao? Ông cho biết: Xã hội là môi trường của nhà văn sống, vậy sứ mạng của người cầm bút phải liên hệ với lịch sử.

Đề kiểm sứ mạng đó trong lịch sử hôm nay, LM Thanh Lãng đã phân tách xã hội hiện tại: tham nhũng, phân hóa, lòng người mất tin tưởng; và cho rằng có thực trạng bi đát đó chỉ vì lý tưởng tự do không được tôn trọng. Thứ tự do «đòi người khác phải tôn trọng sự tự do của mình và đồng thời tôn trọng tự do của người khác». Do đó sứ mạng của người cầm bút hôm nay là phải cổ võ, tìm lại lý tưởng tự-do. Ông đưa ra 5 sứ-điệp, đề nghị các nhà cầm bút theo, bao gồm trong: ca ngợi cái đẹp, ca ngợi lý tưởng tự do, sự bao dung, nền hòa bình chân chính, và phản-kháng những lý-thuyết cá nhân, đoàn-thể quốc gia v.v... đã chà đạp lên lý tưởng tự do.

oOo

Hầu hết các người cầm bút khác hoặc không cầm bút đều đồng ý về quan niệm « sứ mạng người cầm bút hôm nay » của người đặt vấn đề.

Một bạn trẻ cho rằng: phải giới hạn một sứ mạng nào đó trong hiện tại. Nếu quan niệm sứ mạng là đề cao lý tưởng tự do, lấy cái đẹp thành ra nguồn vui v.v... thì bất cứ một nhà văn nào cũng có cái sứ mạng đó. Nhà cầm bút Việt Bằng nói: Nếu chỉ ca ngợi tự do trong quá khứ hay tương lai, đều là vô tình ca ngợi bọn lái buôn xác chết. Nhà văn Nhật Tiến cũng đồng ý: « Chỉ nói tới cái đẹp là sự quay lưng trắng trợn vào đau khổ dân tộc ». Ông muốn: tạo lại sức mạnh của người cầm bút, của văn hóa. Một bạn trẻ khác đòi hỏi: « Nhà văn phải có trách nhiệm với sự tồn vong của đất nước, của dân tộc ». Có bạn lại đi quá xa: Nên bàn tới vấn đề có lợi cho xã hội hơn là bàn về những điều xa vời.

(1) Do T.T.V.B.V.N tổ chức tại thính-đường Trường Quốc Gia Âm-Nhạc, chiều ngày 16-12-1967

Trước những ý kiến đó, LM Thanh-Lãng giữ vững lập trường. Ông lần lượt giải thích : Muốn giải quyết tình trạng xã-hội phải tìm kiếm nguyên nhân sâu xa của nó. Mà nguyên nhân sâu xa chính là lý tưởng tự do không được tôn trọng nói trên. Ông cũng trả lời : Tự do ở đây không phải là tự do hưởng thụ, nhưng là tự do lựa chọn và tôn trọng tự do lựa chọn của người khác. Ông thêm : Đẹp theo quan niệm của nghệ thuật có thể là mô tả một thực trạng bi đát, bần thiêu của xã hội. Về tác dụng của sứ điệp, ông nghĩ có khi cả 2000 năm sau mới có người chấp nhận sứ điệp đã gửi đi. Nhưng nhà văn vẫn phải gửi sứ điệp.

Một điều bất ngờ thú vị khi bà Tùng Long xuất hiện để nói với những người, ở trong cuộc hội thảo hay ở ngoài, đã thường chê bai tác phẩm của bà quá thấp, không đáng đọc vì — như ông Nghiêm Xuân Việt phát biểu — “độc giả bị ăn cắp tiền bạc và thời giờ”. Bà nói :

Bà không có hoài bão mang một sứ mạng khi cầm bút. Bà phải viết ra tác phẩm là vì đã được tiếp xúc với các người đau khổ phụ nữ, chị em buồn thúng bán bưng, nhi đồng côi cút. Tại sao bà lại không có quyền nói lên tiếng nói đó ? “Có ai đau khổ bằng phụ nữ và nhi đồng côi cút hiện tại ?”

Cuộc hội thảo chấm dứt vào lúc 6 giờ 15, sau gần 3 tiếng đồng hồ thảo luận sôi nổi, với lời đúc kết : « cuộc hội thảo dù không đi tới đâu, nhưng mọi người luôn luôn nghĩ tới sứ mạng của mình, dù sứ mạng đó có khác nhau, thay đổi. »

Mọi người ra về. Ông Thanh Lãng tiếp tục nghĩ tới sứ mạng của ông Thanh Lãng, ông Việt Bằng, Nhật Tiến tiếp tục nghĩ tới sứ mạng của ông Việt Bằng, Nhật Tiến. Những bạn trẻ không cầm bút vẫn tiếp tục cho rằng sứ mạng của người cầm bút là phải nghĩ tới sự tồn vong của dân tộc.

Mọi người còn bàn tán ở ngoài thính đường. Người ta khen cuộc hội thảo linh động, vì sự góp ý đông đảo của mọi người, cầm bút hay không cầm bút, vì chủ tọa điều khiển khéo biết, gợi ý và giữ gìn hòa khí đúng lúc của buổi thảo luận. Cũng có người còn thắc mắc :

Sứ mạng của người cầm bút hôm nay là tôn trọng lý tưởng tự do. Dù lý tưởng đó là nguyên nhân sâu xa của thực trạng xã hội hôm nay chẳng nữa. Nhưng nếu tranh đấu cho cái lý tưởng chặt vật tới độ có thể 2000 năm sau mới có người chấp nhận sứ-điệp như L. M. Thanh Lãng nói thì sợ rằng cái “hôm nay” đó... dài quá chẳng ?

TRẦN-ĐẠI

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật vào phút chót phải gác lại mục « Thời sự văn nghệ » của Trang Thiên.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý bạn đọc.

Tòa soạn BÁCH KHOA

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHOA

từ số 253 đến 264, từ tháng 6 đến tháng 12 năm 1967 ★

Sự sắp xếp theo bộ-môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tọa chỉ	Trang
BIÊN-KHẢO NGHỊ-LUẬN				
<u>CHÍNH TRỊ</u>				
1	Chúa Yê-su trước quyền chính trị. — id — — id —	Nguyễn Hồ Đình (L.M.) — id — — id —	253 255 256	15 23 21
2	Nền bang giao Việt Nhật	Phạm Lương Giang	260	3
3	Tư tưởng của Teilhard de Chardin và người Mac-xít	Nguyễn Khánh Hòa	263	3
4	Ben Gourion và công cuộc xây dựng quốc gia Do-thái — id —	Nguyễn Hiến Lê — id —	253 254	69 15
5	Giá trị của bầu cử	Trần Tuấn Nhậm	256	68
6	Cuộc tranh chấp quyền hành ở Trung Cộng — id —	Việt Phương — id —	255 256	3 3
7	Người dân Mỹ nghĩ thế nào về cuộc chiến tranh V. N.	— id —	257	52
8	Hai năm sau cuộc cách mạng văn hóa ở Trung Hoa lục địa	— id —	261	3
9	Sự bất lực của Liên Hiệp Quốc trước những vấn đề trọng đại trên thế giới ngày nay.	Việt-Phương	262	13

* B.K.T.Đ. số 253	(15-7-1967)	B.K.T.Đ. số 259	(15-10-1967)
B.K.T.Đ. số 254	(01-8-1967)	B.K.T.Đ. số 260	(01-11-1967)
B.K.T.Đ. số 255	(15-8-1967)	B.K.T.Đ. số 261	(15-11-1967)
B.K.T.Đ. số 256	(01-9-1967)	B.K.T.Đ. số 262	(01-12-1967)
B.K.T.Đ. số 257	(15-9-1967)	B.K.T.Đ. số 263	(15-12-1967)
B.K.T.Đ. số 258	(1-10-1967)	B.K.T.Đ. số 264	(01-01-1968)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
10	100 năm chủ-nghĩa Mác-xít. — id —	Việt-Phương — id —	263 264	40 37
11	Thế giới trong những tuần qua — id — — id —	Từ-Trì — id — — id —	253 254 255	75 78 65
12	Những bất-biến của chính-sách đối ngại Pháp. Thế giới trong những tuần qua — id — — id — — id —	— id — — id — — id — — id —	256 257 258 259 260	63 43 43 75 64
13	Năm mươi năm sau cách mạng tháng 10 tại Nga-sô. Thế giới trong những tuần qua — id — — id —	— id — — id — — id —	261 262 263 264	59 70 61 62
14	Chức Phó Tổng-thống, nếu bị khuyết ?	Như-Uyên	254	50
<u>DANH - NHÂN</u>				
1	Ben Gourion và công cuộc xây dựng quốc gia Do Thái. — id —	Nguyễn-Hiến-Lê — id —	253 254	69 15
2	André Maurois, nửa thế-kỷ để xây dựng một Kim tự tháp. — id —	— id — — id —	260 561	54 8
3	Ilya Ehrenbourg (1891-1967).	Tràng-Thiên	258	47
4	Kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhật Bà Marie Curie.	Võ-Quang-Yến	260	38
<u>GIÁO - DỤC</u>				
1	Phê-bình nội-dung Triết-học ở Trung học. — id —	Tam-Điềm — id —	258 259	23 15
2	Tinh thần Đại học,	Thích-Mãn-Giác	254	24

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
3	Ý-nghĩa cái chết của giáo sư Trần-Vinh-Anh.	Nguyễn-Hiến-Lê	254	54
4	Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống.	Nguyễn-Hiến-Lê dịch André Maurois	256	10
—	— id —	— id —	257	13
—	— id —	— id —	258	19
—	— id —	— id —	259	39
—	— id —	— id —	260	54
—	— id —	— id —	261	41
—	— id —	— id —	262	61
—	— id —	— id —	263	31
—	— id —	— id —	264	33
5	Một nền giáo dục phục vụ.	Nguyễn-Hiến-Lê	257	3
6	Lá thư Cambridge.	Phạm-Trọng-Nhân	258	58
—	— id —	— id —	259	55
—	— id —	— id —	261	27
—	— id —	— id —	262	64
7	Từ Khổng tử tới Rousseau.	Đoàn-Nhật-Tấn	263	9
8	Vấn đề du học tư túc.	Đặng-Tiến	258	3
—	— id —	— id —	259	3
9	Đại-học và phát-triển quốc-gia.	Nguyễn-Văn-Trung	253	3
—	— id —	— id —	254	45
—	— id —	— id —	255	29
10	Việc giảng dạy Triết - học trong viễn tượng một triết-học dẫn thân.	Nguyễn-Văn-Trung	254	3
—	— id —	— id —	255	10
<u>KINH - TẾ</u>				
1	Người « mần » Kinh-tế.	Duy	264	3
2	Thời sự kinh tế : khủng-hoảng tiền tệ : đồng Anh-kim sạt giá.	Ngọc-Vân	262	81
<u>KHOA - HỌC</u>				
1	Mười năm không gian học.	Vũ-Đình-Lưu	263	35
—	— id —	— id —	264	33

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
2	Thám hiểm Kim-tinh.	Ngọc-Vân	261	77
3	Thành công của hỏa - tiễn Saturne 5.	— id —	262	79
4	Hội nghị Pugwash : khoa-học và hòa bình.	Võ-Quang-Yến	254	10
5	Đi tìm yếu tố của vật chất : ba mảnh Quark.	— id —	259	29
6	Kỷ-niệm 100 năm ngày sinh nhật bà Marie Curie.	— id —	260	38
7	Nobel khoa-học 1967.	— id —	262	38
<u>LÁ THƯ NƯỚC NGOÀI</u>				
1	Lá thư Ba - Tư.	Trần-Văn-Khê	262	34
	— id —	— id —	263	28
2	Lá thư Cambridge.	Phạm-Trọng-Nhân	258	58
	— id —	— id —	259	55
	— id —	— id —	261	27
	— id —	— id —	262	64
3	Lá thư Ý quốc	Minh Quân	253	49
4	Lá thư Tây - Ban - Nha.	— id —	256	57
—	— id —	— id —	257	27
<u>SỬ ĐỊA</u>				
1	Ít tài liệu về nhà Tây-Sơn	Ngô-Bá-Li	259	68
2	Gốc tiếng « Sử ký »	Nguyễn-Phương	258	9
3	Thiếu thời Đinh-bộ-Linh	— id —	261	35
4	Bàn về họ của người Việt	Nguyễn-Toại	257	8
<u>TÔN GIÁO</u>				
1	Chúa Yêsu trước quyền chính trị	Nguyễn-Hồ-Đĩnh (L.M.)	253	15
—	— id —	— id —	255	23
—	— id —	— id —	256	21
2	Giáng Sinh và hòa bình	Nguyễn Ngọc Lan (LM)	264	65
<u>TRIẾT</u>				
1	Phê bình về nội dung Triết-học ở Trung-học	Tam-Điềm	258	23
—	— id —	— id —	259	15

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
2	Triết hiện sinh và chính-trị...	Trần-Thái-Đỉnh	264	9
3	Tư tưởng của Teilhard de chardin với người Mác-xít.	Nguyễn Khánh Hòa	263	3
4	Việc giảng dạy Triết học trong viễn tượng một Triết học dân thân.	Nguyễn Văn Trung	254	3
—	— id —	— id —	255	10
<u>VĂN-HỌC — VĂN-HÓA</u>				
1	Triết hiện sinh và chính trị.	Trần Thái Đỉnh	264	9
2	Chung quanh « bài thơ mưa mất áo ».	Đông-Hồ	258	12
—	— id —	— id —	259	7
3	Nghi về tên một quyền tự điển Tiếng Việt.	— id —	262	18
—	— id —	— id —	263	13
4	André Maurois ; nửa thế kỷ đề xây dựng một Kim-tự-tháp.	Nguyễn-Hiến-Lê	260	54
—	— id —	— id —	261	8
5	Bọn cầm bút chúng ta làm gì được trong lúc này.	— id —	262	3
6	Nội dung khách quan và nội dung chủ quan trong tác phẩm.	Lữ-Phương	256	16
—	— id —	— id —	257	22
7	Từ Khổng Tử tới Rousseau.	Đoàn-Nhật-Tấn	263	9
8	Góp ý với ông Nguyễn Hiến Lê	Đoàn-Thêm	264	24
9	Ilya Ehrenbourg (1891 — 1967).	Tràng-Thiên	258	47
10	Văn nghệ miền Nam nhìn từ Miền Trung.	Nguyễn Văn Xuân	253	11
—	— id —	— id —	255	17
—	— id —	— id —	256	52
—	— id —	— id —	257	19
—	— id —	— id —	259	33
—	— id —	— id —	260	17

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
<u>XÃ-HỘI</u>				
1	Ý nghĩa cái chết của giáo sư Trần-Vinh-Anh.	Nguyễn-Hiến-Lê	254	54
2	Thư ngỏ gửi một thanh-niên về cách dẫn đạo sống.	— id —	256	10
	— id —	— id —	257	13
	— id —	— id —	258	19
	— id —	— id —	259	34
	— id —	— id —	260	54
	— id —	— id —	261	41
	— id —	— id —	262	61
	— id —	— id —	263	31
	— id —	— id —	264	33
VĂN - NGHỆ				
<u>BÚT KÝ — HỒI KÝ</u>				
1	Những ngày chưa quên : bỏ và đi.	Đoàn-Thêm	253	41
	— id — : Hạ bệ và suy tôn.	— id —	259	19
	— id — : Thành lập cộng hòa.	— id —	260	23
	— id — : Một đường hai ngã.	— id —	261	17
	— id — : Cái bàn và cây viết.	— id —	262	23
	— id — : Ông là ai ?	— id —	263	19
2	15 phút ngoài chiến trường Quảng-Tín.	Anh-Tử	255	61
<u>TRUYỆN DỊCH</u>				
1	Tôi đã chiến đấu cách nào ?	Nguyễn n-Minh-Hoàng dịch Slawomir Mrozek	263	76
<u>TRUYỆN NGẮN</u>				
1	Nồi thềm nghe nói.	Trần-Huyền-Ân	254	59
2	Cõi ngoài.	Cung-Tích-Biên	262	44
3	Giữa đường.	Trần-Đại	259	61
	— id —	— id —	260	43

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
4	Điểm sáng	Lê-Tất-Điều	258	29
5	Xóm tre	Bùi-Kim-Đỉnh	253	57
6	Cát lạnh	Đào-Trường-Phúc	257	59
7	Ma lính	Trần-quí-Sách	261	45
8	Giọt nước	Ỗ-Uyên	263	54
9	Hẻm mặt trời	Mạc-Ly-Châu	264	70
<u>TRUYỆN DÀI</u>				
1	Má-Hồng	Đỗ-Tiến-Đức	253	30
	— id —	— id —	254	31
	— id —	— id —	255	53
	— id —	— id —	256	45
	— id —	— id —	257	35
	— id —	— id —	258	71
	— id —	— id —	261	63
	— id —	— id —	262	73
	— id —	— id —	263	65
2	Gió Cuốn	Võ-Hồng	254	69
	— id —	— id —	255	39
	— id —	— id —	256	27
	— id —	— id —	257	47
	— id —	— id —	258	53
	— id —	— id —	259	43
	— id —	— id —	260	31
	— id —	— id —	261	51
	— id —	— id —	262	55
	— id —	— id —	263	47
	— id —	— id —	264	46
<u>THƠ</u>				
1	Tiếng vàng Phương Oanh	Trần-Huyền-Ân	260	77
2	20 năm đất nước tôi đạn vỡ bom cày	Mạc-ly-Châu	261	76
3	Đôi ngả	Vũ-Hoàng-Chương	253	78
4	Đâu là chân sắc	— id —	256	72
5	Sân khấu	Hồ-Minh-Dũng	261	75
6	Bên trong	Phổ-Đức	260	79

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tệp chí	Trang
7	Nương náu	Trần-Thị Tuệ-Mai	255	75
8	Đôi thông Sơn tây	— id —	261	68
9	Tình tự	Chu-Vương-Miền	261	67
10	Bài ý yên	Mè Kung	255	76
11	Mặt mờ — và ngoài kia	— id —	259	71
12	Hình ảnh hôm nay	Hữu-phương	254	77
13	Khóc bạn	Mai-Son	254	58
14	Những giọt nước mắt của bé Oanh	Trần-Hoài-Thư	254	76
15	Khi về Bà-Di	— id —	259	72
16	Ngày đầu làm lính	— id —	260	78
17	Ngựa hoang	Thủy-Triều	260	76
18	Dáng hạ	Công-Trúc	253	79
19	Đầy tháng con	Thành-Tôn	260	75
20	Đường hoa trở lại	Ý-Yên	259	73

SINH-HOẠT

DIỄN SÁCH

« Giai thoại làng Nho » của
Lãng Nhân
Giới thiệu « Việt Nam, những
truyền thống âm nhạc » của
Trần-văn-khê

Nguyễn Toại 253 23

Nhóm nghiên cứu âm-
nhạc Ba-Lê. 255 33

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

— Giọt thời gian (Mộng Trung.
Mưa không ướt đất (Trùng-
Dương). Bảng lược đồ văn
học Việt - Nam (Thanh-Lãng)
— Tuổi Saigon (Nguyễn-thị
Hoàng) Đất và người (Minh
Quân) Lòng mẹ (Nhật-lê-
Giang) Hạnh phúc gia đình
(Thùy Dương).

Bách-khoa Thời-Đại 254 64

— id — 256 75

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
<u>PHÒNG-VẤN</u>				
1	Tâm sự Kim-Cương	Lê-Phương-chi	255	45
2	— id —	— id —	256	35
<u>SINH-HOẠT</u>				
1	Cuộc hội thảo « Mục tiêu quốc gia » tại Đalat.	Trần-Đại	255	78
2	Qua hai đêm thoại kịch « Người giết Tần-Cối ».	Đắc-Hưng	255	69
3	« Lực-lượng Bảo Vệ Văn-hóa Dân tộc » kỉ niệm đệ nhất chu niên ngày thành lập.	Ngê-Bá-Lí	257	82
4	Ngày quốc tế chống nạn mù chữ ở nước Việt Cộng Hòa.	— id —	257	83
5	Lễ sinh nhật Đức Khổng-Tử.	— id —	259	79
6	Triển lãm và diễn thuyết về Yean Cocteau.	— id —	260	80
7	Kỉ niệm đệ nhị chu - niên thành lập đoàn Nguồn Sống.	— id —	261	81
8	Phát triển nông thôn và giáo dục nông nghiệp.	Ngọc-Vân	257	78
9	Hội thảo giáo-sư Triết - học toàn quốc (11-13/9/67).	Thế-Nhân	258	77
10	Nhớ Đinh - Hùng (cuộc nói chuyện do Hội Bút Việt tổ chức).	— id —	259	79
11	Bình Minh của trí thức.	— id —	263	83
12	Thời sự văn nghệ.	Tràng-Thiên	253	80
	— id —	— id —	254	82
	— id —	— id —	255	77
	— id —	— id —	256	81
	— id —	— id —	258	78
	— id —	— id —	259	81
	— id —	— id —	260	80
	— id —	— id —	261	78
	— id —	— id —	262	78
	— id —	— id —	264	76

TRONG GIA-DINH EM-AM
HAY TRÊN ĐƯỜNG XA
KHÁT MỆT



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COP"



Chai HÒA TIỀN!



FILTER
KING SIZE
CIGARETTES



Park Lane

FILTER

CIGARETTES

PURE VIRGINIA